

BÁCH KHOA TOÀN THƯ  
TINH TÚY VĂN HỌC CỔ ĐIỂN  
TRUNG QUỐC

**Tả Truyện**  
**BỨC TRANH VỀ**  
**CUỘC ĐIỆN LIỆT QUỐC**

TÔN PHƯƠNG LY biên soạn  
PHAN KỲ NAM biên dịch  
TRẦN KIẾT HÙNG hiệu đính

NHÀ XUẤT BẢN  
**ĐỒNG NAI - 1995**



**TINH TÚY VĂN HỌC CỔ ĐIỂN TRUNG QUỐC**

# **TẢ TRUYỆN**

**LIỆT QUỐC PHONG VÂN ĐỒ**

Người biên soạn : **TÔN PHƯƠNG LY**

Người biên dịch : **PHAN KỶ NAM**

Người hiệu đính : **TRẦN KIẾT HÙNG**

**NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI**

**1995**

## LỜI GIỚI THIỆU

*Thời Xuân Thu, có ba bộ sách được ghi chép thành văn là : Tà Truyện, Công Dương truyện và Cốc Lương truyện*

*Trong đó “Tà Truyện”, còn có tên gọi “Xuân Thu tà thị truyện” hay “Tà thị xuân thu”, là một bộ sách lịch sử có tính văn học cao, ra đời sớm nhất.*

*Tác giả Tà Khưu Linh Quan sử học nước Lỗ dựa theo biên niên sử “Xuân Thu” ghi chép lại những sự kiện lịch sử quan trọng, tương đối tỉ mỉ có hệ thống về các phương diện chính trị, ngoại giao, quân sự, văn hóa, thiên đạo, quý thần, họa phúc, Thệ bói, chiêm mộng... từ đời Lỗ Ẩn Công nguyên niên đến đời Lỗ Ai Công năm 27 trước công nguyên*

*Tà truyện là một bộ sách lịch sử, phong phú đa dạng về nội dung, nhưng cũng mang tính văn học khá đậm nét. Thông qua lời nói và việc làm của các nhân vật trong sách, thể hiện khá rõ nét những tư tưởng tiên bộ đương thời, tư tưởng ấy vẫn còn có giá trị giáo dục cho đời sau .*

Đó là

— Tư tưởng dân bản

— Tư tưởng yêu nước

*-Bóc trần sự tàn bạo và hoang dâm vô sỉ của bọn thống trị đương thời*

*— Tư tưởng chống lại chế độ bạo hành, dùng người làm vật tế lễ và tuấn táng.*

Nhưng ở "Tà Truyện" vẫn còn có những mặt hạn chế lớn, đó là tư tưởng luân lý phong kiến với quan niệm đẳng cấp chính thống, tuyên truyền tôn giáo mê tín, ham mê hoặc con người còn yếu kém về hiểu biết

Tinh nghệ thuật trong Tà Truyện biểu hiện nổi bật những đặc điểm sau

Câu chuyện giàu kịch tính, với những tình tiết khẩn trương hấp dẫn và gây cảm xúc mạnh.

Thể hiện sở trường viết về chiến tranh rất tài tình của tác giả, đặc biệt diễn tả xuất sắc những trận chiến có tính quy mô ác liệt, đồng thời thể hiện tác giả có cách nhìn về các cuộc chiến tranh bằng nguyên tắc tư tưởng nhất định

Lời lẽ đối đáp trong câu ngụ ngôn từ rất đẹp, hiểu hiện tài nghệ sử dụng ngôn ngữ giàu tính hình tượng của tác giả

Lương Khải Siêu nhà khai sáng thời cận đại của Trung Quốc nhận xét rằng : Tà Truyện là "một cuộc cách mạng trong lịch sử thời Thương Chu đến nay... Tà Truyện còn là pho sử liệu quý giá nhất của hai ngàn năm trước".

Tiền Mục nhà sử học lớn đương đại rằng : Tôi cho rằng khi nghiên cứu lịch sử Trung Quốc cổ đại hãy lấy bộ sách Tà Truyện làm tiêu chuẩn cơ bản để nghiên cứu

Chúng ta đọc và nghiên cứu bộ sách Tà Truyện, không những giúp chúng ta làm phong phú thêm kiến thức về sử học, văn học, mà còn giúp chúng ta hiểu biết về quá khứ, giúp chúng ta xử lý mọi công việc trên đời.

**Thay mặt nhóm dịch và hiệu đính  
Trần Kiệt Hùng**

## MỤC LỤC

Lời nói đầu	9
Trịnh Trang Công đánh đuổi em trai là Công Thúc Đoạn	23
Chu Bình Vương và Trịnh Trang Công trao đổi con tin	27
Nước Trịnh đại thắng Bắc Nhung	29
Dằng hầu, Tiết hầu tranh nhau ngồi ghế đầu	30
Công tử Huy cứu người ám sát Lỗ Ẩn Công	31
Quý Lương can ngăn việc truy lách quân Sở	32
Cha và chồng ai thân hơn ?	35
Liên Xung, Quán Chí Phụ của nước Tề làm loạn	36
Trận Trường Thục	39
Vệ Ý Công vì thích hạc mà mất nước	42
Tề Hoàn Công đánh Sở	44
Gung Chi Kỳ can vua không cho nước Tấn mượn đường	46
Cuộc chiến giữa Tần, Tấn ở đất Hàn	49
Cuộc chiến giữa Tống, Sở ở đất Hoàng	60
Quá trình Trọng Nhĩ, công tử của nước Tấn trốn chạy sang nước khác	64
Trận chiến đấu ở Thành Bộc giữa nước Tần và nước Sở	74
Chúc Chi Vũ thuyết phục nước Tần rút quân	88
Trận đánh giữa Tần và Tấn ở đất Hào	91
Nước Trịnh bắt Hoa Nguyên, đại phu nước Tống làm tù binh	97
Tống Linh Công không thực hiện đạo làm vua	99
Vương Tôn Văn trả lời Sở Trang Vương về Cửu đỉnh	103
Trận đánh giữa Tần và Sở ở đất Tất	105
Nước Tống và nước Sở giảng hòa	125
Cuộc chiến giữa Tề và Tống ở Yên	130
Nước Sở tiến Tuần Diêu của nước Tần về nước	142
Hạ Cơ	144
Nước Tấn trả Chung Nghi về cho nước Sở	153

Hết phương cứu chữa	155
Lã tướng tuyết Tần	157
Cuộc chiến giữa Tấn và Sở ở Yên Lăng	163
Kỳ Khê tiến cử người hiền	175
Thôi Trữ giết Tề Trang Công	177
Hương Nhung chấm dứt chiến tranh	183
Quý Trát, công tử nước Ngô xem lễ nhạc	192
Tử Sản giúp nước Trịnh	197
Em gái của Tử Ngô Phạm chọn chồng	207
Án Tử không thay đổi chỗ ở	209
Mạnh Hy Tử học lễ	211
Sở Linh Vương lâm nạn tại Can Khê	213
Tử Sản và thương nhân	227
Tử Sản bàn về chính sách khoan dung hay khắc nghiệt	231
Án Tử khuyên can Tề Lành Công hủy bỏ lễ cầu yên	233
Là đàn bà con gái phải tránh xa đàn ông	234
Khổng Tử tham dự cuộc gặp gỡ ở Giáp Cốc	236
Cuộc chiến giữa Tề và Lỗ ở đất Thanh	239
Quý Khang Tử sai Nhiễm Câu hỏi Khổng Tử về thuế ruộng	243
Hiệp ước đồng minh ở Hoàng Trì	244
Cái chết của Tử Lộ	247
Tử Cống chế cười bài văn điệu Khổng Tử của Ai Công	250
Thợ thủ công vây đánh Vệ Trang Công	251
Phụ Lục : Tuyển chọn từ nguyên tác	253

## LỜI NÓI ĐẦU

Vào năm thứ tám sau khi tiêu diệt sáu nước thống nhất thiên hạ, Tần Thủy Hoàng nghe lời thừa tướng Lý Tư : “Những kẻ có học thức, cần phải loại bỏ đi”, “Người nào muốn học hỏi thì lấy quan lại làm thầy”, bèn ban bố “Luật khống chế sách”, thu gom sách vở lại, thực hiện chính sách ngu dân, để cho thiên hạ không dùng người hoặc việc của thời xưa để mà phủ định công kích hiện thức thời nay. Năm thứ tám sau khi công bố “Luật khống chế sách” (năm 206 trước công nguyên) Hạng Võ cầm đầu quân khởi nghĩa đánh vào quan ải, chiếm lĩnh Hàm Dương ra lệnh phóng hỏa đốt cháy cung A Phòng mà Tần Thủy Hoàng đã bỏ bao nhiêu công sức ra để xây dựng. Kết quả là đốt luôn toàn bộ sách trong thiên hạ mà Tần Thủy Hoàng đã thu gom lại. Mãi cho đến năm thứ hai mươi ba sau ngày công bố “Lệnh khống chế sách” (năm 191 trước công nguyên) Hán Huệ đế mới bãi bỏ “Lệnh khống chế sách”. Điều này đã đem lại tai nạn lớn cho thư tịch thời tiên Tần, cũng gây nên cuộc tranh cãi liên miên giữa kinh học kim văn và kinh học cổ văn. Trong cuộc tranh luận này “Tả Truyện” luôn luôn đóng một vai trò hết sức quan trọng.

### NGUỒN GỐC CỦA TẢ TRUYỆN.

Tả Truyện xuất hiện vào lúc nào ? Đó là vấn đề được tranh luận không ngớt về niên đại xuất hiện của Tả Truyện, có ba thuyết. Một là do Trương Thương đời Hán sơ hiện; hai là Tả

Truyện được phát hiện trong lớp tường trong phòng học Khổng Tử hay giảng bài từ thời Hán Vũ đế; ba là vào những năm cuối cùng của Tây Hán, tìm thấy được từ trong kho sách của hoàng cung triều Hán. Trong ba thuyết này nói gọn lại là : Tả truyện xuất hiện vào đầu triều Hán, giữa triều Hán và cuối triều Hán.

Về thuyết thứ nhất, đó là thuyết của Hứa Thận thời Đông Hán. Trương Thương là một người am hiểu văn hiến, chương điển, pháp luật và binh pháp. Ông ta từng làm ngự sử đời Tân, thời Hán sơ giúp Tiêu Hà nắm giữ tài sản cả nước, đến thời Hán Vũ đế làm quan đến chức thừa tướng. Về việc Trương Thương hiến Tả Truyện rất nhiều học giả không chịu thừa nhận lý do của họ là : một là Hứa Thận là học giả, là người ủng hộ kinh học cổ văn thời đông Hán, lập trường của Hứa Thận có thiên lệch, e rằng chủ trương của Hứa Thận có thành kiến. Hai là trong các thư tịch khác thời Tây Hán không thấy ghi chép việc Trương Thương hiến Tả Truyện. Ba là về việc Lỗ quân tử Tả Khán Minh lo sợ mọi người dị đoan, mỗi người một ý làm mất đi tính chân thật cho nên Khổng Tử ghi chép lại thêm vào những lời bình luận làm nên Tả thị xuân thu” được ghi chép trong niên biểu mười hai chư hầu trong sử ký, các nhà kinh học kim văn đương đại chứng minh đoạn văn này là do các nhà kinh học cổ văn sửa đổi sử ký nên gạch bỏ đi. Do đó không thể dùng đoạn sử liệu này để chứng minh rằng trước Vũ đế đã xuất hiện Tả Truyện.

Thuyết thứ hai do Vương Sung thời kỳ đầu của Đông Hán đề xuất. Trong bình luận của mình Vương Sung nói ngay Lỗ Cung Vương thời Hán Vũ Đế cần xây dựng cung thất cho mình, tháo gỡ phòng học mà Khổng Tử thường hay giảng bài. Trong khi tháo gỡ phòng học, phát hiện từ trong bức vách mười bài trong Tả



Truyện. Về giả thuyết này Đoàn Ngọc Tài một học giả lớn đời Thanh cho là “e rằng không đúng sự thật”. Bởi vì Vương Sung là người thời Mạc sơ Đông Hán, trong các văn hiến của Tây Hán cũng không tìm được những chứng cứ của giả thuyết này.

Thuyết thứ ba là thuyết của Lưu Hâm một học giả lớn trong những năm cuối đời Tây Hán. Hán Vũ đế rất coi trọng tàng thư của ông ta, ông ta đặt ra quan viết sách, sao chép lại rất nhiều sách cổ bị thất lạc. Hán Thành đế vào năm hà bình thứ ba (năm 26 trước công nguyên) lệnh cho Trần Nông đi khắp nơi thu thập thư tịch, lại lệnh cho Lưu Hưởng, Nghiệm Hoàng... hiệu đính các thư tịch đã lưu giữ và sưu tầm được. Lưu Hưởng hiệu đính tàng thư trong gần hai mươi năm, mất năm tuy hòa nguyên niên thành đế (năm thứ 7 trước công nguyên). Con của Lưu Hưởng là Lưu Hâm kế tục sự nghiệp của cha, tiếp tục hiệu đính tàng thư trong cung. Vào năm thứ hai Hán Viên đế kiến bình nguyên niên trong thư chỉ trích bác sỹ Thái Thường đương thời đã từng nói : “Xuân Thu tả thị” do Khán Minh viết đều là sách cổ văn, cất giữ trong mật phủ (kho sách trong cung) rất hay nhưng chưa được phát hiện. Hiếu Thành Hoàng đế lo sợ rằng học thức nông cạn sẽ làm sai lệch sự chân thật nên đã khai thác tàng thư chỉnh lý các bài văn cũ nên đã thấy được tam sự (tam sự chỉ Tả Truyện, Thượng Thư và Dịch Lễ). Nếu căn cứ vào những lời Lưu Hâm nói thì Tả Truyện được phát hiện vào thời kỳ này. Nhưng Khang Hữu Vi nhà kinh học kim văn cuối triều Thanh viết tân học ngục kinh khảo, qua khảo cứu đã cho rằng Tả Truyện là do Lưu Hâm cất xén ngục tạo. Ông này còn cho rằng Tả Truyện được phát hiện trước khi Lưu Hâm viết thư cho bác sỹ Thái Thường. Ông Tiềm Mục trong Lương Hán bác sỹ gia phả khảo chỉ rõ nhà sử học Tư Mã Thiên xác nhận đã nhìn thấy Tả Truyện. Nói cách khác không

thừa nhận việc Lưu Hàm phát hiện Tả Truyện trong mật phủ.

Tóm lại, Tả Truyện xuất hiện vào lúc nào, đến bây giờ vẫn chưa giải quyết dứt điểm. Nhưng phần nhiều đều thiên về thuyết cho rằng Tả Truyện xuất hiện vào thời kỳ đầu của triều Hán, cho rằng lúc Tư Mã Thiên viết sử ký đã sử dụng rất nhiều điều ghi chép trong Tả Truyện.

## XUÂN THU VÀ TẢ TRUYỆN

Theo cách nói truyền thống, Xuân Thu có ba truyện, tức Tả Truyện, Công Dương truyện, Cốc Lương truyện. Cách nói Xuân Thu có ba truyện đã được sản sinh như thế nào ? Nho gia đến cuối thời Chiến Quốc đã trở thành Hiến học cũng tức là học phái quan trọng và có ảnh hưởng lớn. Thi, thư, lễ, nhạc, dịch, Xuân thu mà nho gia truyền tập được gọi là kinh. Phàm giải thích lục kinh mà tập hợp lại thành sách thì gọi là truyện. Do đó, truyện của mỗi loại kinh thư cũng là kết tinh học thuyết của một học phái. Hán Cảnh đế bổ nhiệm Hồ Vô Sinh và Đổng Trọng Thư là Xuân thu bác sỹ. Hồ Vô Sinh và Đổng Trọng Thư đều là những người viết truyện thuộc Công Dương học phái. Họ giải thích Xuân thu theo truyền thống của Công Dương học thời Hán Tuyên đế lập Cốc Dương bởi học quan và Chính Lưu Hương do biên soạn Cốc Dương mà được gọi là bác sỹ. Từ sau khi Lưu Hàm yêu cầu lập học quan cho cổ văn thượng học, dịch lễ tả thị Xuân thu, thiết lập bác sỹ thì sự phân tranh giữa kim văn kinh học và cổ văn kinh học bắt đầu từ đó. Ngon cở của kim cổ văn kinh học được thể hiện rất rõ ràng. Đến thời Hán Quang Vũ đế Tả truyện được lập bác sỹ. Đến những năm cuối đời Đông Hán sau khi Trịnh Huyền hòa nhập giữa kim văn kinh học và cổ văn kinh học thì thanh thế của Tả Truyện ngày càng thịnh vượng và áp đảo Công Dương truyện và Cốc lương truyện. Đây là nguồn gốc của

Xuân thu tam truyện. Thực ra thời đại Tây Hán ngoài ba truyện Dương, Cốc lương và Tả thị ra còn có các truyện giải thích Xuân thu như Thị truyện, Giáp thị truyện. Đến thời Đông Hán khi Bán Cố viết Hán thư thì Thị truyện và Giáp thị truyện đã thất truyền.

Từ Hán Viên đế kiến binh nguyên niên (năm thứ 6 trước công nguyên), đến cuối đời Thanh thì “Tả truyện có phải là viết về Xuân Thu chi học hay không ?” đã trở thành vấn đề then chốt trong cuộc tranh cãi giữa những người theo kim văn kinh học cho rằng Tả truyện không phải viết về Xuân Thu chi học, cổ văn kinh học lại cho rằng Tả truyện là viết về Xuân Thu chi học. Vấn đề tranh luận suốt hai ngàn năm nay thì hiện nay trong giới học thuật Trung Quốc đã không thành vấn đề nữa. Sở dĩ có một cuộc diện như vậy có thể giải thích từ hai phương diện : một là không ít học giả đã tiếp thu cách nói của đại gia Lưu Phùng Lộch nhà kim văn kinh học giữa triều Thanh khi khảo chứng Tả thị Xuân thu ông đã đề xuất ý kiến Tả truyện không phải là viết về Xuân thu chi học. Hai là, phần lớn các học giả hiện đại tương đối coi thường quyển Xuân thu này. Thái độ của phần lớn các học giả hiện đại đối với Xuân thu là : Cho dù không phủ nhận việc Khổng Tử viết Xuân thu, cũng quyết không khẳng định Khổng Tử viết Xuân thu, cho dù khẳng định Khổng Tử viết Xuân thu, cũng chỉ cho rằng Xuân thu chẳng qua là “những bài cũ rích, lộn xộn viết về những việc trong triều đình”, chẳng qua là “sổ” nợ của các cửa tiệm nhà quê thường dùng” mà thôi, chứ quyết không thừa nhận Tả truyện là sách có lý lẽ cao xa, ngôn từ tinh xảo. Tóm lại Xuân thu là sách không có giá trị gì bởi vì Xuân thu không có giá trị gì cho nên không hề chú ý đến mối quan hệ giữa Xuân thu và Tả truyện.

Còn về việc Xuân thu có phải là do Khổng Tử sáng tác hay không ? Trước hết chúng ta hãy xem xét cách nói của Mạnh Tử, người sống cách Khổng Tử hơn một trăm năm nhưng lại tự nguyện học Khổng Tử. Mạnh Tử nói : “Thế suy đại vi (phong khí xã hội ngày càng sa sút, cái đạo lớn mọi người vì việc công ngày càng không thể thực hiện được) tà thuyết bạo hành hữu tác (những luận điệu xằng bậy những hành vi tàn bạo lại nở rộ) thần thị kỳ quân hữu hữu chi (có chuyện quân thần giết quân chủ), tử chi kỳ phu giả hữu chi (có chuyện con giết cha). Khổng Tử cụ (Khổng Tử rất lo lắng về điều này), tác Xuân thu (bèn viết bộ Xuân thu). Chúng ta lại xem tiếp ý kiến của thái sử công Tư Mã Thiên người sống cách Khổng Tử trên dưới bốn trăm năm và cũng rất ngưỡng mộ Khổng Tử. Thái sử Công nói : “Khổng Tử nói : “Phát hồ (không thể sống một cuộc đời vô ích) ! phát hồ (không thể sống một cuộc đời vô ích) ! Quân tử bệnh một thể nhi danh bất xung yên (quân tử không thể lưu danh lại đời sau cũng là việc ân hận suốt đời). Ngô đạo bất hành ai (cái đạo thiên hạ vi công mà ta chủ trương không thực hiện được), ngô hà dĩ tự kiến ư hậu thế lai (Ta làm sao có thể làm cho người đời sau biết đến ta ?) Nãi nhân sử ký tác Xuân thu (thế là căn cứ vào sách sử thời xưa để viết ra bộ Xuân thu này) thượng chi ẩn công (đi ngược về thời Lỗ Ẩn Công), hạ ngật ai công thập tứ niên (ghì chép đến Lỗ Ẩn Công năm thứ mười bốn), thập nhị công (cả thầy gồm 12 quốc công của nước Lỗ)” Căn cứ vào ý kiến của Mạnh Tử và Thái sử Công, Khổng Tử viết Xuân thu là việc chẳng còn nghi ngờ gì nữa. Nhưng người đời nay Tiên Huyền Đờng cho rằng “Mạnh Tử viết rằng “Khổng Tử viết Xuân thu” chỉ có thể xem như việc ông ta thuật về Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Y Doãn... mà thôi, không tin

đó là sự thật được”. Còn Cố Kiệt Cương thì lại nói rằng : “Trước Mạnh Tử không ai nói Khổng Tử viết Xuân thu cả. Nếu như những lời của Mạnh Tử và Thái Sử Công không chân thật, không đáng tin, thế thì chúng ta phải tin ai bây giờ ?

Xuân thu là một bộ sách như thế nào ? Ở đây chỉ xin giới thiệu tóm tắt ý kiến của Mạnh Tử và Thái Sử Công. Mạnh Tử nói : “Khổng Tử thành Xuân thu nhi loạn thân tặc tử cụ, (Sau khi Khổng Tử viết xong Xuân thu, những bầy tôi làm loạn, những đứa con bất hiếu đều sợ hãi)” Thái Sử Công nói : “Phu Xuân thu, thượng minh tam vương chi đạo, hạ biện nhân sự chi kỳ (Xuân thu nói rõ cái đạo thiên hạ vị công của tam vương, phân biệt rõ các mức độ sự việc trong trần gian) biệt hiềm nghi, minh thị phi, định do dự (phân biệt rõ nghi hoặc, làm sáng tỏ chân lý, định đoạt sự chần chừ không dám quyết), thiện thiện ác ác, hiền hiền tiên bất tiêu (biểu dương người tốt, trừng trị bọn xấu, đề cử những quan lại có khả năng, loại bỏ quan lại bất tài) tồn vong quốc, kế tuyệt thế (giúp đỡ những quốc gia bị xâm lược đang đứng trước họa diệt vong, bênh vực cho những quốc gia vì chuyển giao chính quyền trong nước mà phát sinh một số vấn đề), bổ tộ khởi phế (sửa chữa những cái bị phá hoại bị thiếu sót, dùng lại những đang nhàn rỗi không có việc làm) Vương đạo chi đại giả dã (Đây là những người có công phổ biến đạo thiên hạ vị công)”. Từ những câu nói trên, chúng ta cho rằng quả thực Khổng Tử đã đem “những lý lẽ cao xa và ngôn từ tinh xảo” gửi gắm vào bộ sách Xuân thu này. Trên thực tế, trước Tù, Đường, Xuân thu được người ta coi trọng hơn Luận Ngữ. Đến Bắc Tống luận ngữ mới có được địa vị như Xuân thu. Cho mãi đến Trình Hạo, Trình Di và Chu Hy đề cao địa vị của Luận Ngữ, Luận Ngữ mới vượt qua Xuân thu.

Nếu như không giữ chặt cánh cửa của kim văn kinh học và cổ văn kinh học chúng tôi cho rằng Công dương, Cốc lương và Tả truyện đều truyền Xuân thu chi học. Nội dung của Công dương và Cốc lương truyện là cái nghĩa của Xuân thu, còn cái mà Tả truyện ghi chép là sự việc thời Xuân thu. Cái gọi là “nghĩa” của Xuân thu là nói đến một số lý luận trừu tượng gửi gắm trong sách Xuân thu, cái gọi là “sự việc” thời Xuân Thu, là nói đến những sự thật lịch sử cụ thể trong sách Xuân thu.

### **THỜI ĐẠI CỦA TÁC PHẨM TẢ TRUYỆN**

Trong sử ký Thái Sử Công đã viết rằng : “Lỗ quân tử Tả Khâu cụ đệ tử nhân nhân dị đoan (quân tử của nước Lỗ là Tả Khâu Minh, lo rằng con em của Khổng Tử mọi người nói khác nhau) Các an kỳ ý (mỗi người căn cứ vào ý kiến của mình để giải thích Xuân thu) thất kỳ chân (làm mất đi ý nghĩa ban đầu), cố nhân Khổng Tử sử ký cụ luận kỳ ngữ (cho nên căn cứ vào sử liệu Khổng Tử viết Xuân thu, tường thuật tận tường đầu đuôi của các sự kiện lịch sử) thành Tả thị Xuân thu (viết ra cuốn Tả thị xuân thu)”.

Từ đây, chúng ta biết được hai việc. Việc thứ nhất, Tả thị xuân thu là viết những chuyện về Xuân thu. Việc thứ hai, Tả thị Xuân thu do Tả Khâu Minh viết sau khi Khổng Tử Xuân thu xuất hiện không bao lâu.

Về tác giả của Tả thị Xuân thu thì Thái Sử Công Lưu Hướng, Lưu Hâm thời Tây Hán, Ban Cố thời Đông Hán... đều cho rằng do Tả Khâu Minh viết. Nhưng từ Bắc Tống người ta bắt đầu hoài nghi về phong khí của kinh thư thì tác giả của Tả thị Xuân thu đã có nhiều cách nói khác nhau chẳng hạn như : Vương An

Thạch cho rằng Tả thị là người thời Chiến quốc. Diệp Mộng Đức cho rằng Tả thị Xuân thu là do người ở vào giai đoạn giao thời giữa Chiến quốc và Tần sáng tác : Trịnh Tiều cho rằng Tả thị Xuân thu là do người nước Sở thời Chiến quốc viết ra.. Trong các học giả đời Thanh rất nhiều người cho rằng Tả truyện không phải do Tả Khâu Minh cuối thời Xuân thu viết ra. Khang hữu Vi nhà kim văn kinh học thời Văn Thanh cho rằng Tả thị Xuân thu hiện có là do Lưu Hâm ngụy tạo.

Các học giả thời kỳ “Quan sử biên vận động” chịu ảnh hưởng của Khang hữu Vi lại đẩy lên phong trào khảo cứu tác giả của Tả thị Xuân thu. Đầu tiên Vệ Tự Hiền ra một cuốn sách nghiên cứu về Tả truyện, quả quyết rằng Tả truyện là do Tử Hạ, học sinh của Khổng Tử viết, sau đó Tử Hạ truyền lại cho Ngô Khởi người cùng địa phương với Tả thị ở nước Vệ. Bởi vì Ngô Khởi là người vùng Tả thị nên có tên là Tả thị Xuân thu. Sau đó Bernherd Karlqren người Thụy Điển viết “Bàn về thật giả của Tả truyện và tính chất của nó” (On the Authenticity and the Nature of the Tsochvan), Tác giả có hai ý kiến đối với Tả truyện : Một là, trước khi đốt sách Tả truyện đã tồn tại, thời đại của tác phẩm Tả truyện là vào giữa năm 468 — 300 trước công nguyên. Hai là, qua văn pháp có thể chứng minh được rằng Tả truyện không phải là tác phẩm của người nước Lỗ. Diện Nại một học giả thời Càn gia triều Thanh cho rằng cuốn Tả thị không phải do một người viết, mà do Ngô Khởi tạo thêm và mỹ hóa các sự kiện lịch sử của nước Ngụy. Điều này đã dẫn đến cách nói : Ngô Khởi viết Tả thị Xuân thu phủ định Tả Khâu Minh viết Tả thị Xuân thu của ông Tiền Mục.

Tại sao lại nảy sinh cách nói Tả thị Xuân thu (hoặc gọi là

Tả truyện) không do Tả Khâu Minh viết ? Một mặt là bởi vì cuộc tranh luận giữa kim văn kinh học và cổ văn kinh học. Kim văn kinh học nói chắc chắn rằng Tả thị Xuân thu là do Lưu Hâm ngụ tạo, mặt khác trong Tả truyện ghi chép rất nhiều sự việc xảy ra sau thời Khổng Tử. Trong Tả truyện có những lời tiên đoán của thầy bói rất là linh nghiệm. Do đó nói chắc chắn rằng Tả thị Xuân thu quyết không phải do Tả Khâu Minh người cùng thời với Khổng Tử viết ra. Còn về cách nói của các nhà kim văn kinh học cho rằng Tả truyện là do Lưu Hâm ngụ tạo, qua sự nghiên cứu và thảo luận của các học giả từ đầu đời Minh đến nay thì cách nói này không thể đứng vững được. Còn về cách nói Tả truyện không phải do Tả Khâu Minh viết mà là do người khác viết, ở đây chúng tôi xin nêu ra ý kiến của mình : Từ sau Chương Học Thành vào giữa triều Thanh, chúng ta có những nhận thức bước đầu về thể tài các tác phẩm thời tiên Tần. Chương thị nêu ra vấn đề trước Khổng Tử không có trước thuật tư nhân. Đối với trước thuật tư nhân thời đại Chiến quốc, Chương thị còn có những kiến giải độc đáo : “Các nhà tư tưởng nổi lên... mỗi người đi sâu vào một bộ phận của đạo lớn, dần dần lấy đó mà thay đổi thiên hạ, ai cũng có lý lẽ của mình. Những kẻ lập luận được thì khuếch trương học thuyết của mình, rồi lại truyền cho đồ đệ. Nếu làm cho học thuyết của mình sáng tỏ ra, lập nên trường phái, viện dẫn người trước, phát huy truyền lại cho người sau, mọi người không hề kể công lớn nhỏ. Do đó mới nói rằng : những lập luận của cổ nhân đều là của chung, không hề khoe trương văn chương của mình và coi đó là thứ của riêng mình mà thôi”. Căn cứ vào những lời nói này chúng ta biết rằng trước thuật tư nhân thời chiến quốc, thực ra đều là phát ngôn của một nhà. Nói một cách



khác cùng là thuyết của một môn phái, căn cứ vào quan điểm này, chúng ta có thể thảo luận từng quyển một các tác phẩm tư nhân thời Chiến quốc. Chẳng hạn quyển “Mạnh Tử”, không phải là trước tác của cá nhân Mạnh Tử mà là tác phẩm của cả môn phái Mạnh Tử. “Mặc Tử”, “Trang Tử”, “Tuân Tử”... cũng là như vậy. Như vậy chúng ta sẽ không phải tranh cãi nhau về thời đại ra đời của một quyển sách. Đối với Tả truyện chúng tôi có quan điểm như vậy, cho rằng Tả truyện cũng là những lời nói của một trường phái. Tả truyện đã là lời nói của một trường phái thì đương nhiên không phải do một mình Tả Khâu Minh sáng tác mà còn có những phần thêm thắt của người đời sau, do đó trong Tả truyện có ghi chép những sự việc lịch sử sau thời Tả Khâu Minh thì cũng không lấy gì làm lạ, đồng thời cũng không nên vì Tả truyện có những sự kiện lịch sử sau Tả Khâu Minh mà phủ định việc Tả Khâu Minh viết Tả thị Xuân thu. Về cơ bản, chúng tôi cho rằng Tả thị Xuân thu là do Tả Khâu Minh người cùng thời với Khổng Tử viết đồng thời có sự thêm thắt của người đời sau.

## TẢ TRUYỆN VÀ QUỐC NGŨ

Về hai bộ sách Tả truyện và Quốc ngữ cũng có rất nhiều vướng mắc không rõ về quan hệ giữa Tả truyện và Quốc ngữ, và không ít học giả tham gia nghiên cứu. Về quan hệ giữa Tả truyện và Quốc Ngữ, có bốn chủ trương khác nhau : Một là, Tả truyện và Quốc ngữ là hai bộ sách đều do Tả Khâu Minh viết. Học giả thời Lương Hán như như Thái Sử Công, Tư Mã Thiên... có ý kiến như vậy. Hai là, Tả truyện và Quốc ngữ vốn là một cuốn sách sau đó chia làm đôi, các kim văn kinh học gia thời Văn Thanh nghiêng về chủ trương này. Khang Hữu Vi cho rằng Lưu Hâm nụy tạo Tả truyện cũng tức là từ Quốc ngữ mà tách ra. Ba là, cho rằng Tả

truyện và Quốc ngữ không phải do một người viết. Bốn là, cho rằng Tả truyện và Quốc ngữ không phải từ một quyển sách mà tách ra.

Ông Trương Dĩ Nhân người đời nay viết cuốn “Bàn về mối quan hệ giữa Tả truyện và Quốc ngữ” so sánh giữa Tả truyện, Quốc ngữ và Sử ký, phán định rằng Tả truyện và Quốc ngữ không phải do một quyển sách tách ra làm hai. Lại có bài “Từ sự khác nhau giữa Văn pháp và Từ ngữ chứng minh hai cuốn Quốc ngữ và Tả truyện không phải do một người viết ra” cũng quả quyết Tả truyện và Quốc ngữ không phải do một người viết. Nói một cách khác, Ông Trương Dĩ Nhân chủ trương Tả truyện và Quốc ngữ vốn là sách do hai người khác nhau viết ra. Chủ trương này của Trương Dĩ Nhân được nhiều học giả thời nay tiếp thụ. Làm sáng tỏ quan hệ giữa Tả truyện và Quốc ngữ xác định Tả truyện không phải là được tách ra từ Quốc ngữ.

### **VỀ VIỆC CHÚ THÍCH TẢ TRUYỆN**

Ngôn ngữ văn tự trải qua thời gian nhất định sẽ có thay đổi, khoảng cách thời gian càng lâu, thì sự khác nhau giữa ngôn ngữ văn tự càng lớn. Tả truyện là một bộ sách thời tiên Tần, do đó cần phải chú thích. Ở đây xin giới thiệu một cách đơn giản tình hình về chú thích Tả truyện để cung cấp cho những người đọc nguyên tác Tả truyện tham khảo.

Những năm đầu thời đông Hán có Giả Quý viết giải thích Tả thị truyện, thời kỳ sau của đông Hán lại có Phục Kiên viết Xuân thu Tả thị truyện giải. Đỗ Dự thời Tây Tấn viết Tả truyện tập giải. Tả truyện tập giải đó của Đỗ Dự cho đến ngày hôm nay vẫn được coi là cuốn sách chú giải Tả truyện tiêu chuẩn nhất.

Không Dẫn Đạt đời Đường gộp Xuân thu kinh, Tả truyện và Tả truyện tập giải của Đỗ Dự làm một để giải thích gọi là Tả truyện chính nghĩa. Từ sau đời Đường phân định rõ ngũ kinh chính nghĩa thì người ta không còn chú giải Tả truyện nữa. Từ đời Đường, trải qua Tống Nguyên Minh Thanh cho mãi đến ngày hôm nay đã có không ít trước tác chuyên nghiên cứu về Tả truyện. Nhưng sách chú thích một cách toàn diện, Tả truyện thì không nhiều lắm, chỉ có một ít sách như cuốn Tả truyện hủ của Hồng Lượng Cát đời Thanh Trúc, Thiêng Quang Hồng người Nhật Bản vào năm 1893 có viết cuốn Tả truyện hội tiên. Quyển sách này hiện nay tương đối phổ biến. Ngoài ra còn có quyển Xuân thu Tả thị truyện cật chú sơ chứng của Lưu Văn Kỳ đời Thanh.

Trong những sách chú giải này, cuốn Xuân thu Tả thị truyện cật chú sơ chứng của Lưu Văn Kỳ là tốt nhất. Lấy làm tiếc là cuốn này chỉ chiếm khoảng một nửa của toàn cuốn Tả truyện. Trên thực tế, Xuân thu Tả thị truyện cật chú sơ chứng là sự nghiệp còn dang dở của ông cháu ba đời họ Lưu. Khoảng giữa năm gia khánh đời Thanh, Lưu Văn Kỳ bắt tay biên soạn “Xuân thu Tả thị truyện cật chú sơ chứng”, làm trong suốt bốn mươi năm, chỉnh lý 80 quyển, bản thảo gần 10 tập lớn. Sau đó con của ông là Lưu Dục Tung kế tục sự nghiệp của cha, sau khi Dục Tung qua đời, con trưởng là Thọ Tăng kế tục sự nghiệp của ông nội, sau đó con trai thứ hai là Quý tăng, con trai thứ ba là Phú Tăng cùng nhau tham gia vào sự nghiệp của ông. Nhưng vẫn chưa hoàn thành được. Ngày nay không những Xuân thu Tả thị truyện cật chú sơ chứng chưa hoàn thành, mà tập bản thảo trường thiên gồm hơn 10 cuốn cũng không biết nằm ở đâu. Tập bản thảo dài 10 cuốn mất vào lúc nào ? Năm 1919 Lưu Phú Tăng khi khắc vào mộ chí của người cháu đã mất là Lưu Sư Bồi có viết rằng, ông ta rất muốn về quê cùng với Lưu Sư Bồi chỉnh lý lại việc chú thích

Tả truyện của cha ông. Từ sự việc này chúng ta có thể suy ra rằng, tập bản thảo dài gồm 10 tập này đến những năm 20 của thế kỷ này vẫn còn tồn tại. Từ bản thảo cuốn Xuân thu Tả thị truyện cứu chú sớ chứng của gia đình họ Lưu, chúng ta biết rằng nghiên cứu học vấn không phải là việc một sớm một chiều là xong, mà phải qua hết năm này năm khác, là sự nghiệp của nhiều thế hệ. Đồng thời chúng ta cũng biết văn hóa học thuật có quan hệ gắn bó với sự ổn định về xã hội chính trị của một nhà nước. Trung Quốc từ đời Thanh đến nay, xã hội luôn luôn xáo động, sự tồn thất đâu chỉ dừng lại ở tập bản thảo 10 tập “Xuân thu tả thị truyện cứu chú sớ chứng” mà thôi ! Và cuộc tranh cãi giữa kim văn kinh học và cổ văn kinh lục há chẳng phải có liên quan đến tình hình xã hội bất ổn của thời đại giao tiếp giữa Tần Hán hay sao ?

## TRỊNH TRANG CÔNG ĐÁNH ĐUỐI EM TRAI LÀ CỘNG THỨC ĐOẠN

*Ấn Công nguyên niên (năm 722 trước công nguyên)*

Ban đầu, Trịnh Vũ Công lấy con gái của thân hầu là Khương thị làm vợ, Khương thị sanh ra Trịnh Trang Công và Cộng Thúc Đoạn. Khi Khương thị sanh Trịnh Trang Công lại đẻ ngược, chịu nhiều đau đớn và kinh hãi, vì thế rất ghét Trịnh Trang Công, đặt cho Trang Công cái tên là “Ngộ Sinh”, lại hết lòng yêu dấu Cộng Thúc Đoạn. Thế là Khương thị nhiều lần yêu cầu Trịnh Vũ Công lập Cộng Thúc Đoạn là người thừa kế ngôi vua, nhưng Trịnh Vũ Công chưa bằng lòng. Đợi đến sau khi Trịnh Trang Công nối ngôi, Khương thị xin Chế ấp (thuộc phía đông huyện Cung tỉnh Hà Nam ngày nay) phong cho Cộng Thúc Đoạn. Trịnh Trang Công giả vờ có lòng tốt mà nói rằng “Chế ấp là nơi địa thế hiểm trở, ngày xưa Quốc Công bởi vì dựa vào địa thế hiểm trở của vùng Chế Ấp này mà Công chịu trao đời đạo đức, kết quả đã mất mạng tại vùng đất này. Nếu yêu cầu thành ấp nào khác thì con xin theo ý”. Thế là Khương thị xin phong cho Cộng Thúc Đoạn đất Kinh thành (vùng đông nam huyện Dương, tỉnh Hà Nam ngày nay). Trang Công bằng lòng để cho Cộng Thúc Đoạn sở hữu vùng đất đó. Do đó mọi người gọi Cộng Thúc Đoạn là Kinh thành thái thúc.

Lúc bấy giờ, đại phu của nước Trịnh là Sài Trọng nói rằng : “Phạm vi của một thành ấp vượt quá ba trăm trượng vuông thì sẽ có hại cho quốc gia. Chế độ của tiên vương qui định, thành ấp lớn

không vượt quá một phần ba quốc đô, thành ấp loại vừa quá một phần năm quốc đô, thành ấp loại nhỏ không vượt quá một phần chín quốc đô. Nay Kinh thành đã quá lớn, không phù hợp với chế độ của tiên vương, Chúa công sẽ khó lòng mà chịu đựng được và không có cách nào khống chế nổi” Trang Công trả lời : “Mẹ của ta là Khương thị muốn làm như vậy, ta làm sau tránh khỏi những tai nạn này”. Sài Trọng tiếp lời : “Khương thị chẳng bao giờ chịu thỏa mãn, chỉ bằng sắp xếp trước cho Cộng Thúc Đoạn, đừng để cho thế lực của Đoạn càng ngày lan rộng, nếu lan rộng ra thì khó mà đối phó. Cô đại mộc lan tràn còn khó diệt tận gốc, huống hồ là đứa em trai yêu quý của quốc quân”. Trang Công nói : “làm nhiều điều bất nghĩa, tất sẽ chuốc lấy sự diệt vong, khanh cứ đợi mà xem !”.

Chẳng bao lâu, Cộng Thúc Đoạn ra lệnh các biên ấp ở phía Bắc và phía Tây nước Trịnh một mặt thuộc về Trang Công, một mặt thuộc về mình. Một đại phu khác của nước Trịnh là công tử Lã nói : “Một quốc gia không cho phép có hai người thống trị. Chúa công sẽ xử lý việc này ra làm sao ? Nếu như đem nước Trịnh giao cho Cộng Thúc Đoạn thống trị, thì xin phép chúa công cho khanh đi hầu hạ ông ta, nếu như không giao nước Trịnh cho Cộng Thúc Đoạn, thế thì xin Chúa công loại bỏ ông ta đi, đừng để nhân dân sinh hai lòng”. Trang Công nói : “Không cần, chẳng bao lâu Cộng Thúc Đoạn sẽ tự chuốc lấy hậu quả”.

Không bao lâu Cộng Thúc Đoạn đem vùng đất nguyên thuộc quyền thống trị của hai người, quy về sở hữu của riêng mình đồng thời mở rộng đến Diên Bâm (phía Bắc huyện Diên Tân tỉnh Hà Nam ngày nay). Công tử Lã sốt ruột nói : “Được rồi, được rồi ! Đất đai mở rộng thêm nữa, thì sẽ không có ít người qui phục ông ta”. Trang Công nói : “Một người làm nhiều điều bất nghĩa, thì sẽ

không có ai qui phục họ đâu, đất đai càng mở rộng càng thúc đẩy nhanh hơn quá trình diệt vong của ông ta mà thôi”.

Cùng lúc Cộng Thúc Đoạn tu sửa trường thành, tập hợp nhân dân, chế tạo binh giáp võ khí, huấn luyện binh sĩ, binh xa chuẩn bị đánh úp quốc đô nước Trịnh. Khương thị chuẩn bị làm nội ứng, mở cổng thành. Ngày giờ Cộng Thúc Đoạn đánh úp quốc đô, Trịnh Trang Công đều biết trước bèn nói : “Thôi đủ rồi”, và ra lệnh cho công tử Lã cầm đầu hai trăm binh xa đánh kinh thành. Nhân dân kinh thành chống lại Cộng Thúc Đoạn, Cộng Thúc Đoạn bèn chạy trốn về Yên (huyện Yên Lăng tỉnh Hà Nam) Trang Công lại đem quân đánh vào đất Yên. Ngày 23 tháng 5, Cộng Thúc Đoạn lại trốn đến Cộng quốc (huyện Huy tỉnh Hà Nam ngày nay)

Cuối cùng Trang Công trực xuất Khương thị đến thành Dĩnh (vùng tây bắc huyện Lâm Dĩnh tỉnh Hà Nam ngày nay) và thề với thân mẫu rằng : “Từ nay về sau, trừ khi xuống suối vàng, còn thì mẹ con ta sẽ không bao giờ gặp nhau.” Không bao lâu Trang Công lấy làm hối hận về lời thề này của mình.

Quan quản lý cương giới ở Dĩnh Cốc (tây nam huyện Đãng Phong tỉnh Hà Nam ngày nay) gọi là Dĩnh Khảo thúc, nghe được chuyện này bèn dâng một số lễ vật cho Trang Công. Trang Công thết đãi ông ta ăn uống tử tế. Lúc ăn cơm ông ta cố ý không ăn thịt, Trang Công hỏi ông ta vì lý do gì ? Ông đáp rằng : “Ở trong nhà tôi còn có mẹ, mẹ tôi đã ăn đủ các thức ăn của tôi, nhưng chưa hề được ăn đến thức ăn của quốc quân, tôi xin quốc quân để dành những thức ăn này cho mẹ tôi”. Trang Công than thở mà rằng : “Khanh có mẹ có thể dâng phẩm vật cho mẹ, còn ta thì không”. Dĩnh Khảo thúc nói : “Khanh xin nói một câu phạm thượng, chúa công nói câu này là có ý gì ?” Trang Công kể lại

đầu đuôi câu chuyện, đồng thời báo cho ông ta biết sự ân hận của mình. Đinh Khảo Thúc đáp rằng : “Chúa công làm gì phải suy nghĩ về điều này. Ví dụ, đào một cái địa đạo thẳng đến tuổi vàng, chúa thượng sẽ gặp mặt mẹ mình trong đường hầm, thế thì ai dám bảo chúa thượng là không giữ lời thề ?” Trang Công làm theo lời của Đinh Khảo Thúc, Trang Công đi vào đường hầm mà hát rằng : “Trong đường hầm rộng lớn, cũng vui vẻ thoải mái vậy”. Lúc đi ra đường hầm, Khương thị cũng hát rằng : “Ở ngoài đường hầm rộng lớn, phấn khởi lại vui vẻ”. Tinh mẫu tử tử đó được khôi phục trở lại.

Quân tử nói : Đinh Khảo Thúc quả là người con có hiếu. Ông ta yêu mến mẹ ông ta, mở rộng ảnh hưởng làm cho Trang Công cũng yêu mến mẹ ông ta. Trong Kinh thi có câu : “Hiếu tử bất quy, Vĩnh tích nhi loại” Có nghĩa là : Chữ hiếu của những người con có hiếu là vô cùng vô tận, mãi mãi truyền cho nhân loại. Có lẽ đây là nói về chuyện này.



## CHU BÌNH VƯƠNG VÀ TRỊNH TRANG CÔNG TRAO ĐỔI CON TIN

*Ấn công tam niên (năm 720 trước công nguyên)*

Trịnh Vũ Công và cha con Trịnh Trang Công đều làm khanh sĩ cho vua Bình Vương nhà Chu, nắm giữ chính trị trong vương triều nhà Chu. Sau đó vua Bình Vương định để cho Tây Quốc Công chia xẻ quyền lực của Trịnh Trang Công, nên không còn chỉ tin nhiệm Trịnh Trang Công nữa. Do đó Trịnh Trang Công vô cùng oán giận Bình Vương. Bởi vì Bình Vương sợ rằng đắc tội với nước Trịnh nên khi Trang Công hỏi đến việc này, vua Bình Vương liền đáp : “Làm gì có chuyện đó”. Vì thế vương thất nhà Chu và nhà Trịnh bèn trao đổi con tin. Vua Bình Vương phái Vương Tử Hồ đến nước Trịnh làm con tin, nước Trịnh phái công tử Hốt đến Vương thất nhà Chu làm con tin. Ngày 25 tháng 3 vua Bình Vương nhà Chu qua đời, Vương thất nhà Chu chuẩn bị đưa Tây Quốc Công ra nắm chính quyền. Tháng 4, đại phu nước Trịnh là Sài Túc đưa quân đội đến Ôn áp trong khu vực đô thành (phía tây huyện Ôn, tỉnh Hà Nam ngày nay) để tàn phá các ruộng lúa. Mùa thu năm đó lại đến Lạc ấp (phía đông huyện Lạc Dương, tỉnh Hà Nam ngày nay) để phá các ruộng mạ. Tình cảm giữa vương thất nhà Chu và nước Trịnh ngày càng xấu đi, mối hận thù giữa hai bên càng sâu sắc.

Quân tử khi bình luận về việc này có nói : Lòng thành nếu không xuất phát từ nội tâm, thì dù có trao đổi con tin cũng chẳng

có tác dụng gì. Nếu như hai bên hiểu biết lẫn nhau, thông cảm lẫn nhau, thì chỉ cần dùng lễ để ràng buộc nhau, tuy không trao đổi con tin thì cũng không ai có thể ly gián nổi. Chỉ cần hiểu biết lẫn nhau, tin tưởng lẫn nhau thì cây cò ở khe suối, thung lũng, ao hồ, cồn đất, lục bình, khao tử, rong rêu, thủy thảo... các đồ dùng như sọt tre, nồi sắt, nước đọng, nước chảy... đều có thể dùng để cúng tế quý thần, đều có thể dùng để dâng cho vua chúa. Hướng chi chính nhân quân tử ký kết sự ban giao giữa hai nước làm việc theo lễ nghĩa thì cần gì phải dùng con tin để làm sự bảo đảm. Các bài “Hải ngữ” trong Kinh thi “hành vĩ” “động chúc” trong Đại nhã... đều nói rõ đạo lý trong việc giữ chặt chữ trung chữ tín.

## NƯỚC TRỊNH ĐẠI THẮNG BẮC NHUNG

*Ấn Công cứu niên (năm 714 trước công nguyên)*

Bắc Nhung (phân bố ở khu vực chân Núi Thái Hành Sơn ngày nay) xâm phạm nước Trịnh. Trịnh Trang Công đem quân đội chống lại, ông ta lo ngại về quân đội của Bắc Nhung “Họ là bộ binh, chúng ta là xa binh. Chiến xa của chúng ta rất khó điều động, khó đánh nhanh rút nhanh. Ta e rằng Bắc Nhung không đánh chính diện mà đột nhập từ phía sau”. Công tử Đột con của Trịnh Trang Công nói : “Trước hết cử một số tráng sĩ dũng cảm đánh thử vào Bắc Nhung, sau đó rút nhanh để dụ Bắc Nhung truy kích, đồng thời chuẩn bị ba cánh quân mai phục đợi Bắc Nhung. Người đất Nhung tánh tình nông nổi, đội ngũ không chặt chẽ cho lắm, tham lam mà cũng không thương yêu lẫn nhau, chiến thắng thì không nhường nhịn nhau, chiến bại thì không chi viện cho nhau. Quân đội đi phía trước nhìn thấy thắng lợi thì vội vàng tiến lên. Khi tiến lên bị mai phục thì nhất định tháo chạy. Quân đội ở phía sau sẽ không chi viện thế thì chúng nó mất đi sự tiếp ứng thì chúng ta sẽ giành được thắng lợi”.

Trịnh Trang Công nghe theo kiến nghị của công tử Đột. Quả nhiên, quân tiên phong của Bắc Nhung bị mai phục liền tháo chạy, đại phu nước Trịnh là Chúc Đam đem quân truy kích từ phía sau, bao vây một bộ phận quân đội Bắc Nhung, phía trước phía sau cùng tập kích tiêu diệt toàn bộ quân Bắc Nhung. Số quân lính Bắc Nhung còn lại vội vàng tháo chạy. Ngày 26 tháng 11 người nước Trịnh đại thắng quân đội Bắc Nhung.

## ĐĂNG HẦU, TIẾT HẦU TRANH NHAU NGỒI GHẾ ĐÀU

*Ấn Công thập nhất niên (năm 712 trước công nguyên)*

Mùa xuân năm Lỗ Ấn Công thứ mười một, Đăng hầu (nước Đăng phía tây nam huyện Đăng thuộc tỉnh Sơn Đông ngày nay) và Tiết hầu (nước Tiết ở phía nam huyện Đăng tỉnh Sơn Đông ngày nay) đến triều kiến Lỗ Ấn Công. Hai người tranh nhau ngồi ghế đầu. Tiết hầu nói : “Tổ tiên của chúng tôi được thụ phong trước, tôi có tư cách hơn phải ngồi ghế đầu”. Đăng hầu nói : “Tôi là quan bố chính triều đình nhà Chu. Tiết là chúng tách, tôi không thể ngồi dưới ông ta”.

Lỗ Ấn Công cử công tử Huy thay mặt mình thỉnh cầu Tiết hầu : “Ông và quốc quân nước Đăng đã tự hạ mình đến thăm viếng nước tôi. Tôi quả thật vô cùng cảm kích. Người nước Chu có câu ngạn ngữ nói rằng : “Trên núi có gỗ, thợ mộc đi đốn, khách khứa có nghi lễ, chủ nhân tùy ý chọn lựa”. Liên kết đồng minh do nước Chu chủ trì thì người khác họ phải ngồi phía sau. Giả phũ quốc quân nước Lỗ đến nước Tiết triều kiến cũng không dám tranh giành ghế đầu với các vị họ Nhiệm của quý quốc. Ngài đã tự hạ mình đến viếng thăm tộ quốc thì xin ngài cho phép Đăng hầu ngồi ở vị trí trên ngài”.

Tiết hầu bàng lòng. Thế là Đăng hầu ngồi ở ghế đầu.

## CÔNG TỬ HUY CỬ NGƯỜI ÁM SÁT LỖ ÁN CÔNG

*Án công thập nhất niên (năm 712 trước công nguyên)*

Công tử Huy muốn làm thái tể (quan chấp chính) của nước Lỗ, cho nên nói xấu Lỗ Hoàn Công trước mặt Lỗ Án Công, chủ trương giết Hoàn Công. Trái lại Lỗ Án Công nói rằng : “Chỉ vì trước đây ông ta nhỏ tuổi tôi mới thay ông ta nhiếp chính. Bây giờ ông ta lớn tuổi rồi, tôi cần phải trả ngôi vua lại cho ông ta. Tôi còn dự kiến xây dựng Cung thất tại Thồ Cầu (phía tây bắc huyện Tứ Thủy tỉnh Sơn Đông ngày nay) định dương lão ở đó luôn”. Sau khi công Huy nghe Án Công nói những lời như vậy cảm thấy mưu kế không thể thực hiện được, bất giác trong lòng cảm thấy sợ hãi, bèn quay qua nói xấu Án Công trước mặt Lỗ Hoàn Công đồng thời thỉnh cầu Hoàn Công giết Án Công.

Lúc Lỗ Án Công lên làm công tử từng soái lãnh quân đội cùng giao chiến với người nước Trịnh tại Hồ Nhược (vùng đông nam huyện Vũ tỉnh Hà Nam hiện nay) kết quả bị bắt làm tù binh. Người nước Trịnh giam ông ta ở chỗ Doãn thị đại phu nước Trịnh. Án Công hối lộ Doãn thị, còn cúng vái cầu khẩn thần chủ của Doãn thị là Chung Vu. Sau đó cùng với Doãn thị trở về nước Lỗ và lập đền thờ Chung Vu ở nước Lỗ. Tháng 11 năm Án Công thứ mười một, Lỗ Án Công đi tế lễ Chung Vu, trai giới ở trong sân vườn nhà, và ở tại nhà thị đại phu của nước Lỗ. Ngày 15 tháng 11, công tử Huy phái thích khách giết Lỗ Án Công tại nhà của thị. Sau đó đưa Hoàn Công lên ngôi, cất quân đi đánh thị, giết chết hàng ngàn người.

## QUÍ LƯƠNG CAN NGĂN VIỆC TRUY KÍCH QUÂN SỞ

Sở Vũ Vương đánh nước Tù (huyện Tù tỉnh Hồ Bắc hiện nay, một mặt phái đại phu là Viễn Chương đến nước Tù giảng hòa, một mặt phái quân đội sang đóng ở đất Hà (huyện Tù tỉnh Hồ Bắc ngày nay) đợi thời cơ. Nước Tù phái Thiếu Sư kết ước với Sở.

Đại phu nước Sở là Đẩu Bá tử nói với Sở Vũ Vương : “Nước Sở chúng ta đối với các nước nhỏ từ Hán thủy trở về phía đông kế hoạch đến nay vẫn chưa đạt được mục tiêu đó là vì sự sai lầm của sách lược chúng ta tạo nên. Sách lược ban đầu của chúng ta là khuếch trương quân đội, đổi mới quân trang quân bị, đồng thời dùng vũ lực uy hiếp các nước khác. Các nước khác vì lo sợ quân lực của nước ta nên đoàn kết hợp tác với nhau để đối phó lại chúng ta, vì vậy chúng ta khó ly gián họ để đạt được lợi ích của mình. Trong các nước từ Hán thủy trở về phía đông, nước Tù là lớn nhất. Nếu thế lực của nước Tù mở rộng thì sẽ vứt bỏ các nước nhỏ khác, tạo nên sự ngờ vực lẫn nhau giữa các nước nhỏ vùng Hán thủy trở về phía đông, dẫn đến sự mất đoàn kết. Như vậy nước Sở của chúng ta sẽ đạt được lợi ích. Thiếu Sư nước Tù tính tình ngạo mạn, nếu ta giấu hết quân sĩ khỏe mạnh đi, chỉ cho hắn xem bọn quân sĩ già yếu để dụ dỗ nước Tù khuếch trương thế lực. Sở đại phu Hùng Xuất tử nói : “Nước Tù còn có hiền đại phu Quý Lương thì chưa làm gì được”. Đẩu Bá tử nói : “Đây là kế hoạch lâu dài, trong tương lai sẽ có hiệu quả. Bởi vì Thiếu Sư được vua Tù sủng ái, sớm muộn gì vua Tù cũng sẽ

nghe theo lời Thiệu Sư". Sở Vũ Vương nghe theo kiến nghị của Đẩu Bá tử giấu bớt quân đội, ra nghênh tiếp Thiệu Sư.

Sau khi Thiệu Sư trở về nước Tùy, thỉnh cầu Tùy hầu truy kích quân Sở. Lúc Tùy hầu đang định đồng ý với lời thỉnh cầu của Thiệu Sư, Quý Lương đứng ra can ngăn : "Lúc này chính là lúc ông trời đem vận may đến cho nước Sở. Tình thế nước Sở ngày càng thịnh vượng. Nước Sở đưa ra một đội quân hèn yếu là cốt để dụ chúng ta vào tròng, chúa thượng hà tất phải vội vã như vậy ? Thần nghe nói một nước nhỏ mà có thể địch lại một nước lớn là do nước nhỏ biết làm theo đạo trời, còn nước lớn làm xằng làm bậy. Cái gọi là đạo trời là tận trung với nhân dân, giữ chữ tín với quỷ thần. Những người bề trên lo lắng suy nghĩ đến lợi ích của nhân dân, đó là trung, lời cầu chúc khi tế lễ không ba hoa khoeác lác, không dối trá, đó là tín. Ngày nay nhân dân ăn không đủ no mà chúa thượng chỉ thỏa mãn những ham muốn của riêng mình, lúc tế lễ cầu khẩn thì thổi phồng công đức, lừa dối quỷ thần. Thần chò rằng như thế là không thể được". Tùy hầu nói : "Ta thường dùng ba con vật là bò, dê, heo để tế lễ, da chúng một màu thuần nhất, thân hình chúng mập mạp. Gạo trắng, cao lương rất là thịnh soạn. Tại sao lại nói không giữ chữ tín với thần ?" Quý Lương trả lời : "Nhân dân là chủ của quỷ thần. Cho nên thánh vương thời cổ đại trước hết đều lo nuôi dưỡng nhân dân, làm cho họ có thành tựu, sau đó mới dốc sức cho việc phụng sự quỷ thần. Cho nên khi dâng các con vật hy sinh và cầu chúc thì nói : "to lớn và mập đẹp". Điều đó có nghĩa là sức mạnh của nhân dân tồn tại phổ biến, những con vật mà nhân dân nuôi dưỡng nhiều và mập mạp, da của các con vật mà nhân dân nuôi thuần khiết không xù xì. Dùng lương thực để tế lễ, khi cầu chúc thì nói : " Trăm loại lương thực thịnh soạn đầy đủ". Đó là nói : ba mùa xuân, hạ, thu không có thiên tai, có thể ra sức mà cấy cày.

Nhân dân đồng tâm hiệp lực, cuối năm được mùa lớn. Khi dâng rượu ngon để tế lễ thì cầu chúc : “Gạo thơm nấu rượu ngon”. Đó là nói trong chúng ta bất kể là ở địa vị cao hay thấp đều có phẩm chất tốt đẹp, đều không có tà tâm. Đó là điều mà người ta thường nói : Rượu thì mùi vị bay xa, nhân tâm vốn không gian tà, cho nên ba mùa xuân, hạ, thu cần phải chuyên tâm làm việc, cần phải học tập một cách nghiêm túc năm đạo lý làm người, đó là phụ nghĩa mẫu tử, huynh hữu, đệ cố, tử hiếu. Cần phải thương yêu bà con dòng họ mình. Sau đó mới dốc sức ra mà tế lễ quỷ thần. Như thế nhân dân mới đồng tâm hiệp lực, mới được quỷ thần bảo hộ và ban phước. Đợi đến sau khi nhân dân đồng tâm hiệp lực, quỷ thần bảo hộ và ban phước lành thì việc chấn hưng giáo dục, phát động quần chúng mới thành công. Ngày nay, nhân dân ai cũng có dự định riêng của mình, quỷ thần không thể biết được phải bảo hộ những người nào. Quỷ thần như mất đi người chủ của mình, không biết nên làm như thế nào. Tuy chúa thượng một mình dâng lên vật cúng thịnh soạn, điều đó đâu có thể nhận được sự bảo hộ của quỷ thần. Chúa thượng chỉ có chỉnh đốn lại chính giáo, gần gũi các nước lân cận, thì có thể tránh khỏi tai nạn”.

Tùy hầu trong lòng vô cùng sợ hãi, ra sức chỉnh đốn lại nền chính trị trong nước, nước Sở do đó không dám tấn công nước Tùy.



## CHA VÀ CHỒNG AI THÂN HƠN ?

*Hoàn Công thập ngũ niên (năm 697 trước công nguyên)*

Đại phu nước Trịnh Sài Trọng chuyên quyền ngang ngược. Trịnh Lệ Công vô cùng lo lắng về sự chuyên quyền ngang ngược của Sài Trọng, cho nên Lệ Công muốn tìm con rể của Sài Trọng là Ung Củ để giết Sài Trọng. Ung Củ dự định sẽ giết chết Sài Trọng trong một cuộc yến tiệc mời Sài Trọng tại ngoại thành. Sự việc này bị con gái của Sài Trọng là Ung Cơ biết được. Ung Cơ vô nhà hỏi mẹ : “Cha và chồng ai thân hơn”. Mẹ Ung Cơ nói : “Bất kỳ một người đàn ông nào cũng có thể trở thành chồng, nhưng cha thì chỉ có một, chồng làm sao có thể đặt ngang hàng với cha được”. Thế là Ung Cơ bèn nói cho Sài Trọng biết : “Ung Củ không mời cha ăn cơm ở nhà, mà lại chuẩn bị mời cơm ở thành ngoại, con cảm thấy rất là kỳ lạ, có cái gì hơi khang khác”. Sau đó Ung Cơ lại kể đầu đuôi sự việc cho Sài Trọng nghe. Vì vậy Sài Trọng tìm cách giết Ung Củ rồi đem thi thể của Ung Củ vứt vào hồ nước của Chu thị là đại phu của nước Trịnh. Trịnh Lệ Công thương hại Ung Củ bị giết nên thu nhặt thi thể của Ung Củ chuẩn bị dùng xe chở thi thể của Ung Củ cùng chạy ra nước ngoài, còn nói : “Bàn công chuyện với đàn bà chết là đáng kiếp”. Mùa hạ Trịnh Lệ Công chạy trốn sang nước Thái.

## LIÊN XUNG, QUẢN CHÍ PHỤ CỦA NƯỚC TỀ LÀM LOẠN

*Trang Công bát niên (năm 686 trước công nguyên)*

Tề Tương Công phái Liên Xung, Quản Chí Phụ bảo vệ Quý Khâu (phía đông huyện Lâm Nãi, tỉnh Sơn Đông ngày nay). Vào mùa dưa chín tháng bảy hai người đi đến Quý Khâu. Trước khi bọn họ xuất phát Tề Tương Công nói với hai người rằng : “Đến mùa dưa chín sang năm ta sẽ cử người đến thay các khanh”. Một năm đồn trú đã hết, không thấy mệnh lệnh của Tề Tương Công, hai người bèn yêu cầu Tương Công cử người đến thay thế. Tương Công không chịu, cho nên hai người bàn kế làm loạn. Em trai của Tề hỷ Công là Di Trọng Niên, con của Di Trọng Niên gọi là Công tôn Vô Tri. Tề Hoàn Công rất thương yêu Tôn Vô Tri cháu trai của mình, cho nên quần áo mà Tôn Vô Tri mặc, đai ngọc mà Tôn Vô Tri được thừa hưởng chẳng khác gì con trai đích. Sau khi Tề Tương Công kế vị, ông đã giảm bớt sự đai ngọc đối với Tôn Vô Tri. Do đó Tôn Vô Tri vô cùng bất mãn đối với Tề Tương Công anh họ của mình. Liên Xung, Quản Chí vì thế cấu kết với Tôn Vô Tri để làm loạn, định đưa Tôn Vô Tri lên kế vị thay thế cho Tề Tương Công. Liên Xung có một người em gái họ là hậu cung của Tề Tương Công, nhưng không được Tề Tương Công sủng ái. Tôn Vô Tri sai cô ta dấn ngộ mọi hành động của Tề Tương Công, đồng thời nói với cô ta : “Nếu như sự việc thành công, ta sẽ lấy nàng làm vợ”.

Tháng 12 mùa đông Tề Tương Công đến Cô Phân (đông bắc huyện Bác Hưng tỉnh Sơn Đông ngày nay) du ngoạn, sau đó lại đến Bối Khâu (phía nam huyện Bác Hưng, tỉnh Sơn Đông ngày nay) để săn bắn. Tề Tương Công gặp một con heo rừng lớn, nhưng những người cùng đi la lên : “Xem kia Công tử Bành Sinh” Tề Tương Công vốn là người hoang dâm vô độ. Vợ của Lỗ Hoàn Công Văn Khương là em gái của Tề Tương Công, nhưng ông ta thông dâm với bà. Lỗ Hoàn Công năm thứ mười tám (năm 694 trước công nguyên) Văn Khương cùng Lỗ Hoàn Công đến nước Tề. Lỗ Hoàn Công phát hiện quan hệ khác thường giữa Văn Khương và Tề Tương Công, bèn quở trách Văn Khương, Văn Khương nói lại cho Tề Tương Công biết, Tương Công bèn sai khiến công tử Bành Sinh giết chết Lỗ Hoàn Công. Sau đó nước Lỗ chất vấn Tề Tương Công, Tương Công bèn giết công tử Bành Sinh để thoái thác trách nhiệm. Cái chết của Bành Sinh là chết oan, cho nên mới biến thành con heo rừng để đòi mạng Tề Tương Công. Tề Tương Công nghe người hầu la lớn : “Công tử Bành Sinh”, vừa phẫn nộ hét lớn : “Bành Sinh, sao còn dám đến đây ?” vừa giương cung nhắm bắn về hướng con heo rừng. Con heo rừng giơ hai chân trước đứng thẳng lên như người khóc thảm thiết. Lúc này Tề Tương Công vô cùng hoảng sợ, từ trên xe ngã lăn xuống đất, bị thương ở chân, rơi cả giày.

Sau khi du ngoạn trở về cung Tương Công bảo Đồ Nhân Phi (đồ nhân là một chức quan nhỏ để chúa thượng sai khiến) cất công dò hỏi xem hiện giờ chiếc giày ở đâu. Giày tìm không được, dùng roi đánh Đồ Nhân Phi đến chảy cả máu. Đồ Nhân Phi bèn rời bỏ Tương Công. Ra khỏi cung môn thì gặp bọn người làm loạn. Bọn người làm loạn trói Đồ Nhân Phi lại. Đồ Nhân Phi nói : “Tại sao ta phải chống lại các ngươi ?” Đồ Nhân Phi cởi áo, chỉ cho bọn họ xem những vết roi trên lưng. Bọn làm loạn tin lời Đồ

Nhân Phi nói. Đồ Nhân Phi yêu cầu bọn người làm loạn cho ông quay vào. Sau khi trở vào ông ta giấu kín Tương Công, sau đó đánh nhau với bọn làm loạn và chết ngay tại cổng thành. Thạch Chi Phân như một quan khác của Tương Công cùng chiến đấu và chết ngay tại bực tam cấp. Bọn làm loạn đánh thẳng vào cung đình, giết chết Mạnh Dương người đóng giả Tương Công đang nằm ở trên giường, bèn nói : “Không phải là quốc quân, không phải là quốc quân”. Sau đó thấy chân của Tương Công lộ ra ở cửa bèn giết chết ông ta, đưa Công Tôn Vô Tri lên ngôi.

Nguyên là khi Tề Tương Công kế vị, chinh lệnh không bình thường. Đại phu nước Tề là Bao Thúc Nha nói : “Quốc quân tùy tiện sai khiến, nhân dân nhất định sẽ có nổi loạn !” Nói rồi đưa theo công tử Tiểu Bạch chạy sang nước Cừ (huyện Cừ tỉnh Sơn Đông ngày nay).

Sau khi chuyện nổi loạn xảy ra, Quân Trọng, Thiệu Hốt đem công tử Cừ chạy sang nước Lỗ.

Nguyên là Công tôn Vô Tri ngược đãi Ung Lãm đại phu nước Tề. Lỗ Trọng Công năm thứ chín (năm 685 trước công nguyên) vào mùa xuân, Ung Lãm giết công tử Vô Tri.

## TRẦN TRƯỜNG NHƯỢC

*Trang công thập niên (năm 684 trước công nguyên)*

Mùa xuân năm Lỗ Trang Công thứ mười (năm 684 trước công nguyên) quân đội nước Tề tiến đánh nước Lỗ. Lỗ Trang Công chuẩn bị ứng chiến, Tào Quệ xin được gặp Trang Công người đồng hương cùng ở chung với Tào Quệ nói với ông ta rằng : “Những người làm quan lớn, bổng lộc nhiều, ăn toàn thịt cá tất sẽ biết bàn cách đánh nhau với nước Tề, liên quan gì đến ông mà ông cũng muốn chen một chân vào ?”. Tào Quệ nói : “Những kẻ ăn nhiều thịt đầu óc sẽ mê muội, không có cách suy nghĩ sâu xa được” Thế là ông đi bái kiến Trang Công.

Ngay câu mở đầu Tào Quệ đã hỏi : “Chúa thượng vì cớ gì đi đánh nước Tề ?” Trang Công nói : “Quần áo, thức ăn mà ta thích, ta không dám hưởng một mình, nhất định phải sốt chia cho người khác cùng hưởng. Làm như vậy nhân dân sẽ ủng hộ ta”. Tào Quệ đáp rằng : “Loại ân huệ còn con này của chúa thượng chỉ có một số ít người được hưởng, chứ không phổ cập đến quần đại quần chúng, nhân dân không nghe theo lời chúa thượng đâu” Trang Công nói : “Lúc tế lễ các con vật hy sinh, vải vóc, lương thực, hoa quả... không dám tùy ý tăng thêm nhất thiết phải cúng lễ một cách chân thành, nghiêm túc. Làm vậy quỷ thần tất sẽ ban phúc và phù hộ” Tào Quệ đáp rằng : “Đây chỉ là một sự thành tâm quá ít ỏi, chưa chắc đã làm cho tất cả quỷ thần đều tin tưởng,

quỉ thần cũng không ban phúc và phù hộ cho đâu”. Trang Công nói : “Tất cả thẩm phán trong pháp viện, tuy không thể làm được bất kỳ một việc gì cũng đều xem xét tỉ mỉ nhưng nhất định có được sự phán quyết hợp tình hợp lý”. Tào Quệ bỗng nghiêm túc nói với Trang Công : “Đây là việc tận tâm tận lực, mưu sự vì nhân dân, xứng đáng tận trung với nhân dân. Dựa vào việc này có thể đánh nhau một trận sống chết với nước Tề. Nếu như đánh nhau với nước Tề, xin chúa thượng cho phép khanh cùng chúa thượng tham chiến”. Trang Công và Tào Quệ đi trên một chiếc binh xa ra trận cùng đánh nhau với quân Tề tại Trường Thước (Phía bắc huyện Khúc Phụ, tỉnh Sơn Đông hiện nay) Trang Công chuẩn bị đánh trống trận, ra lệnh công kích, Tào Quệ nói : “Chưa đến lúc, chưa được hạ lệnh xuất kích”. Quân Tề đánh ba lần trống trận, Tào Quệ nói : “Có thể đánh trống trận và phát lệnh công kích rồi.” Quân đội nước Tề thua trận tan rã, Trang Công chuẩn bị truy kích quân Tề, Tào Quệ nói : “Chậm một chút”. Tào Quệ xuống xe kiểm tra dấu vết binh xa của quân Tề, leo lên thành xe nhìn ra nơi xa xa, rồi nói rằng : “Được rồi”. Thế là Trang Công hạ lệnh truy kích quân Tề.

Sau khi đánh thắng trận. Trang Công hỏi Tào Quệ vì sao làm như vậy, Tào Quệ trả lời rằng : “Về việc đánh nhau cần nhất là phải có dũng khí. Lần thứ nhất đánh trống trận để lấy dũng khí của quân đội, đánh trống trận lần thứ hai thì dũng khí của quân đội đang hàng sẽ tàn lụi dần, đến lần trống trận thứ ba thì dũng khí của quân đội sẽ mất hết. Dũng khí của quân Tề xẹp hết rồi, trái lại quân ta dũng khí tràn đầy, cho nên chúng ta có thể đánh bại quân Tề. Nước lớn là rất khó dự liệu e rằng họ giả vờ tháo chạy rồi nằm lại mai phục. Tôi xuống xe xem thấy vết xe của

quân Tề rất lộn xộn, leo lên cao thấy quân kỳ của họ cái nằm ngang cái nằm dọc, nên tôi phán đoán rằng không phải quân Tề giả bộ tháo chạy để dụ chúng ta cho nên mới bắt đầu hạ lệnh truy đuổi chúng”.

## VỆ Ý CÔNG VÌ THÍCH HẠC MÀ MẤT NƯỚC

*Mãn công nhị niên (năm 660 trước công nguyên)*

Mùa đông tháng 12 người Địch (người Địch hoạt động ở vùng chân núi Thái Hành Sơn ngày nay) tiến đánh nước Vệ. Bởi vì thường ngày Vệ Ý Công nuôi hạc cũng thích chơi hạc, nên Ý Công cho hạc của mình nuôi ngồi vào xe mà chỉ có đại phu mới có tư cách ngồi. Bởi vì người Địch đến xâm lược nên Vệ Ý Công bèn triệu tập quốc nhân chuẩn bị cất quân đánh trận. Những người tiếp nhận binh khí và áo giáp nói : “Đưa những con hạc mà chúa thượng nuôi ra đánh nhau với người Địch ! Hạc của chúa thượng có chức tước bổng lộc, chúng tôi còn chưa có đủ tư cách ngồi lên chiếc xe mà hạc của chúa thượng đã từng ngồi. Chúng tôi, những người không có công danh làm sao biết đánh trận được !” Vệ Ý Công không biết làm thế nào, chỉ còn biết đưa ngọc quyết cho Vệ đại phu Thạch Kỳ Tử (ngọc quyết là một loại vũ khí thời cổ đại), đưa tên cho Ninh Tốc, bảo bọn họ phòng thủ người Địch. Vệ Ý Công nói : “Hai khanh nên sử dụng có hiệu quả quyết và tên để bảo vệ an toàn cho đất nước. Quyết là biểu hiện của sự quyết đoán, Tên là biểu thị sự bảo vệ nước nhà. Các khanh cần lựa chọn những việc có lợi nhất mà làm”. Ông ta còn đưa cho phu nhân áo thêu ngũ sắc và nói : “Từ nay trở đi phu nhân cần làm theo lời của Thạch Kỳ Tử và Ninh Tốc”. Cừ Không đánh xe cho Vệ Ý Công, Tử Bá đi hộ vệ, Hoàng Di đi trước mở đường, Không Anh



Tên đi sau cùng. Quân nước Vệ và người狄 đánh nhau ở Huỳnh Trạch (phía đông huyện Kỳ, tỉnh Hà Nam ngày nay).

Quân nước Vệ đại bại, thế là người狄 tiêu diệt nước Vệ.

(Ghi chú : Sau khi người狄 rút quân, nước Vệ lại được khôi phục trở lại).

## TỀ HOÀN CÔNG ĐÁNH SỞ

*Hi công tử niên (năm 656 trước công nguyên)*

Mùa xuân năm Hi công thứ tư, Tề Hoàn Công cầm đầu quân đội các nước chư hầu tiến vào nước Sái. Sau khi đánh bại quân nước Sái lại đem quân đánh nước Sở. Sở Thành Vương phái sứ giả đi giao thiệp với quân chư hầu : “Nước Tề các ông nằm bên bờ Bắc Hải, nước Sở chúng tôi nằm bên bờ Nam Hải. Chúng tôi và các ông cách nhau rất xa, chả dính líu gì đến nhau, cũng chẳng liên quan gì đến nhau không ngờ các ông lại xâm nhập vào đất đai của nước chúng tôi, có cái lý gì để làm như vậy ?”. Quân Trọng của nước Tề đáp rằng : “Thời Chu Thành Vương, Thái Bảo Thiệu Công Thích bảo với Khương Thái Công là tiên quân của chúng tôi rằng : “Chư hầu các nước có những hành vi không đúng, người đều có quyền đi thảo phạt họ, để giúp đỡ cho vương thất nhà Chu, còn giao cho chúng tôi phạm vi thảo phạt là : đông đến biển, tây đến lưu vực Hoàng Hà, nam đến Mục Lăng, bắc đến Vô Đệ. Các ông phải cống nạp một bó cỏ tranh. Không giao đúng hạn, phẩm vật tế lễ Chu thiên tử không cung cấp đầy đủ, không có cỏ tranh thì không có gì để nấu rượu. Ta phải đến hỏi về việc này, đồng thời, Chu Chiêu Vương nam chinh mà không thấy trở về, ta cũng hỏi về việc này. Sứ giả của nước Sở đáp rằng : “Cỏ tranh không cống nạp đúng hạn, đó là tội lỗi của quốc nhân chúng tôi đâu dám không cống nạp ? Còn như Chu Chiêu Vương nam chinh mà không quay về, thế thì, xin ông đến Hán thủy mà hỏi vậy !”.

Thế là, quân đội của chư hầu tiến về phía trước, rồi đóng quân tại đất Hình (phía nam huyện Yên Thành tỉnh Hà Nam

ngày nay).

Mùa hạ năm đó, Sở Thành Vương cử đại phu nước Sở là Khuất Hoàn đi đến quân đội các nước. Quân đội các nước rút lui về phía sau một ít, rồi đóng quân tại Chiêu Lăng (phía đông huyện Yên Thành tỉnh Hà Nam ngày nay).

Tề Hoàn Công bố trí lại quân đội các nước cùng Khuất Hoàn đi xe kiểm duyệt số quân đội này. Tề Hoàn Công làm ra vẻ khiêm tốn nói : “Những quân đội này đâu phải vì cá nhân ta. Những quân đội này chỉ là vì kế tục mối quan hệ hữu hảo của tiên quân ta mà thôi. Nước Sở các anh cùng hữu hảo với nước Tề chúng tôi có được không?”. Khuất Hoàn đáp rằng : “Nhờ ơn ông cầu phúc cho xã tắc chúng tôi, không hủy diệt chúng tôi. Nếu như ông không chê nước tôi, quốc quân của chúng tôi rất đồng ý hữu hảo với quý quốc”. Tề Hoàn Công đắc ý nói : “Dùng những tướng sĩ này mà đánh trận, ai mà địch lại nổi ! Dùng những tướng sĩ này mà đánh vào thành lũy thì không thành lũy nào còn đứng vững được”. Khuất Hoàn ung dung nói : “Nếu như ông dùng đức để làm yên lòng các nước, thì nước nào lại dám không phục tùng ? Nếu ông dùng vũ lực đe dọa các nước thì nước Sở chúng tôi không sợ cái trò này. Nước Sở chúng tôi sẽ lấy Phương Thành Sơn (phía nam huyện Diệp tỉnh Hà Nam ngày nay) để làm tường thành, lấy Hán thủy làm dòng sông bảo vệ tường thành của chúng tôi. Tướng sĩ liên quân các nước các ông tuy có nhiều cũng không có tác dụng gì !”.

Cuối cùng Khuất Hoàn liên kết với chư hầu các nước.

## CUNG CHI KỶ CAN VUA KHÔNG CHO NƯỚC TẤN MƯỢN ĐƯỜNG

*Hi công ngũ niên (năm 655 trước công nguyên)*

Tống Hiến Công lại sắp mượn đường nước Ngu (phía đông bắc huyện Bình Huyện tỉnh Sơn Tây ngày nay) để quân đội của nước Tấn đi qua, để tiến đánh nước Quắc (huyện Thiểm tỉnh Hà Nam ngày nay) Cung Chi Kỳ can ngăn Ngu quân rằng : “Nước Quắc là bình phong của nước Ngu. Nếu nước Quắc bị diệt vong, thì nước Ngu cũng theo đó mà diệt vong. Không thể để cho nước Tấn được hưởng lợi. Sau khi nước Tấn hưởng lợi, thì dã tâm của họ càng lớn hơn. Đối với kẻ địch bên ngoài không thể lơ là cảnh giác. Mượn đường một lần đã quá đáng lắm rồi, làm sao lại có thể mượn lần thứ hai. “Môi và răng dựa vào nhau. Môi hở thì răng lạnh”. Câu tục ngữ này cũng hình dung quan hệ giữa nước Ngu và nước Quắc.

Ngu quân nói : “Nước Tấn cùng tộc họ với chúng ta làm sao có thể hãm hại chúng ta ?”. Cung Chi Kỳ đáp rằng : “Thái Bá, Ngu Trọng đều là con của Thái Vương. Thái Bá không nghe lệnh cha mà nhường ngôi, di đến đất Ngô cho nên không kể tục ngôi vua. Quắc Trọng, Quắc Thúc là con của Vương Quý là anh em của Văn Vương lại làm khanh sĩ của Văn Vương, lo việc quốc chính, có công với vương thất. Điển sách ghi chép về việc có công mà được thụ phong cất giấu tại minh phủ (minh phủ là cơ quan của

nhà nước chủ quản minh thệ diên sách). Nếu nói đến quan hệ tộc họ thì địa vị của Quốc thị trong họ Cơ phải cao hơn Ngu thị. Quan hệ giữa Quốc và Tấn thân thiết hơn so với Ngu. Nước Tấn chuẩn bị tiêu diệt nước Quốc, thì làm sao mà yêu thương nước Ngu. Hơn nữa tình yêu thương của nước Tấn đối với nước Ngu chúng ta, lẽ nào lại vượt qua người anh em cùng Tổ của họ hay sao ? Anh em cùng Tổ với họ, tộc Hoàn Trang suy cho cùng có tội gì ? Mười lăm năm trước đây đã giết hết họ. Chẳng phải là vì tộc Hoàn Trang có chút uy hiếp họ hay sao ? Thân thích mà chỉ vì có chút uy hiếp họ, họ còn ra tay hãm hại, huống chi là một nước ?”.

Ngu quân đáp rằng : “Lúc ta tế lễ tế phẩm rất phong phú khỏi phải nói, hơn nữa trai giới triệt để, quỷ thần nhất định sẽ nghe ta”. Cung Chi Kỳ đáp : “Thần nghe nói : quỷ thần không vì con người mà trở nên thân thiết hơn, chỉ gần gũi với người có đức. Cho nên trong Chu thư có nói : “Trời xanh không có lòng tư lợi, chỉ giúp đỡ những người có đức hạnh” lại còn nói : “Đồ vật cúng lễ không thơm tho, đức hạnh tốt mới thơm tho”, lại nói : “Đồ vật cúng lễ giống nhau, nhưng chỉ chọn lựa đồ cúng của những người có đức”. Như vậy, bởi vì không có đức hạnh, nhân dân mới không hiệp lực, quỷ thần cũng không hưởng các vật cúng lễ. Cái mà quỷ thần dựa vào là đức hạnh. Nếu như nước Tấn lấy được nước Ngu, mà có thể lành sạch thân thể, tu chính đức hạnh, sau đó dâng lên những vật cúng thơm tho, lẽ nào quỷ thần không tiếp nhận ?”.

Ngu quân không nghe theo lời trung thành của Cung Chi Kỳ, đáp ứng thỉnh cầu của sứ giả nước Tấn, cho quân Tấn mượn đường. Cung Chi Kỳ dẫn toàn tộc rời khỏi nước Ngu. Ông ta nói :

“Nước Ngụ không thể cử hành tế lễ vào tháng chạp cuối năm. Lần này nước Tấn sẽ rất hài lòng, không cần thiết phải cất quân đi đánh nữa”. Mùa đông. Mừng một tháng mười hai, nước Tấn tiêu diệt nước Quắc, quốc quân nước Quắc tháo chạy đến Vương Thành (tây bắc huyện Lạc Dương tỉnh Hà Nam ngày nay). Lúc quân đội nước Tấn quay trở về triều, mượn đường ở lại nước Ngụ. Cuối cùng đem quân đánh úp, tiêu diệt luôn nước Ngụ.

## CUỘC CHIẾN GIỮA TẤN, TẦN Ở ĐẤT HÀN

*Hi công thập ngũ niên (năm 645 trước công nguyên)*

Lúc Tấn Huệ Công được nước Tần hộ tống về nước Tấn kẻ vị, Tần Mục phu nhân dặn dò ông ta chăm sóc Giả Quân, cung phi của Tấn Hiến Công. Đồng thời còn dặn dò ông ta : “Phải đưa tất cả công tử nước Tấn đang trốn ở nước ngoài về nước Tấn”. Kết quả là Tấn Huệ Công dâm loạn với Giả Quân, cũng không đón tiếp các công tử của nước Tấn đang chạy trốn ở nước ngoài về. Vì vậy, Tần Mục phu nhân rất oán hận Tấn Huệ Công. Đồng thời Tấn Huệ Công cũng từng đồng ý hối lộ cho Lý Khắc, Phi Trịnh là trung đại phu đang chấp chính ở nước Tấn, sau đó không những nuốt lời hứa mà còn giết hại Lý Khắc, Phi Trịnh. Ông ta cũng đã từng hứa dâng năm thành ở khu vực phía nam Hoàn Khúc Hoàng hà cho Tần Mục Công, phía đông đến tận cùng biên giới nước Quắc cổ xưa (thuộc huyện Thiểm, tỉnh Hà Nam ngày nay), phía bắc đến tận Giải Lương thành (huyện Lâm Tấn, tỉnh Sơn Tây ngày nay). Sau đó cũng không giữ lời hứa. Vào năm Hi công thứ mười ba (năm 647 trước công nguyên), lúc nước Tấn bị đói kém, nước Tần đưa lương thực đến nước Tấn để cứu trợ. Nhưng đến năm sau, năm Lỗ Hi công thứ mười bốn (năm 646 trước công nguyên) khi nước Tần bị mất mùa, nước Tấn ngược lại không cho nước Tần đến mua lương thực. Bởi vì các nguyên nhân này mà Tần Mục Công đem quân đi đánh nước Tấn.

Trước khi nước Tấn xuất quân, Bốc đồ phu, một bốc quan của nước Tấn bói một quẻ, là một quẻ tốt. Trong quẻ này có câu : “Qua sông, binh xa của công hầu sẽ thất bại”. Tấn Mục Công không hiểu câu này, hỏi rằng câu này có ý nghĩa gì. Bốc đồ phu trả lời rằng : “Là một sự việc đại cát đại lợi, ba lần liên tục đánh bại quân Tấn, thì có thể bắt quốc quân nước Tấn làm tù binh. Quẻ này là quẻ “Cổ quái” của “Sơn, Phong, cổ”. Lời trong quẻ nói rằng : “Nước lớn có hàng trăm binh xa ba lần tiến quân về phía trước, sau khi ba lần tiến quân về phía trước, thì có thể bắt được con cáo lớn”. Hồ (con cáo), Cổ (con sâu đục) nhất định là chỉ quốc quân của bọn họ. Nội quái của “Cổ” là “Phong”, ngoại quái của Cổ là Sơn . Tượng trưng của nước Tấn chúng ta là phong, tượng trưng của đối phương, nước Tấn là Sơn. Bây giờ là mùa thu, gió mùa thu sẽ làm rơi rụng trái cây trên núi. Mà gỗ trên núi cũng có thể lấy mà dùng được cho nên, chúng ta nhất định thắng lợi. Trái cây rơi rụng hết, gỗ cũng không còn nữa, không đánh thắng trận, thì còn đợi gì nữa?”. Quả nhiên, quân Tấn ba lần liên tiếp đánh bại quân Tấn, truy đến Hàn Nguyên của nước Tấn (giữa huyện Hà Tân và huyện Vạn Tuyên tỉnh Sơn Tây ngày nay) Tấn Huệ Công nói với Khánh Trịnh : “Kẻ địch đã thâm nhập vào lãnh thổ nước Tấn chúng ta, chúng ta nên làm như thế nào ?” Khánh Trịnh đáp rằng : “Do chúa thượng đưa kẻ địch vào, chúng ta còn biết làm sao được nữa” Tấn Huệ Công nghe xong vô cùng tức giận nói : “Ăn nói vô lễ, ăn nói vô lễ ! Thật đáng ghét, thật đáng ghét !” Nước Tấn xem bói xem dùng ai làm phò tá, kết quả, nếu dùng Khánh Trịnh thì là điềm may, nhưng Tấn Huệ Công không chịu dùng ông ta, nên bổ nhiệm Bô Dương đại phu điều khiển binh xa. Gia Bốc đồ làm phò tá, ngồi xe thắng ngựa do nước



Trịnh đưa đến. Khánh Trịnh vội nói : “Ngày xưa, việc chiến tranh đại sự, nhất định phải ngồi vào xe thắng ngựa của nước mình, ngựa sinh ra ở nước mình, lớn lên trên đất nước của mình, sẽ hiểu được ý của chủ, yên tâm với sự tập trung của chủ, quen thuộc đường đi. Bất kể điều khiển như thế nào cũng đều được như ý muốn. Bây giờ đi ngựa do nước ngoài đưa đến để tham gia chiến tranh, những con ngựa này vì sợ hãi mà thay đổi tính nết, sẽ không thuận theo sự điều khiển. Hễ ngựa mà sợ hãi thì hô hấp không bình thường, máu tuần hoàn gấp gáp bên ngoài tuy có vẻ cường tráng, nhưng thực ra đã rệu rã hết sức lực, không thể tiến lên được, cũng không thể lùi lại được, muốn quay đầu lại cũng không làm nổi. Chúa thượng nhất định sẽ hối hận về việc ngồi vào xe do ngựa của nước ngoài kéo”. Tấn Huệ Công không đếm xỉa đến ý kiến của Khánh Trịnh.

Tháng 11, Tấn Huệ Công nghênh chiến với quân Tần, cử Hàn Giản đại phu của nước Tấn thám thính tình hình của quân Tần. Hàn Giản báo cáo rằng : “Quân số của nước Tần ít hơn chúng ta, nhưng số binh sĩ thiện chiến gấp đôi chúng ta”. Tấn Huệ Công hỏi rằng : “Là lý gì ?” Hàn Giản trả lời : “Khi chúa thượng chạy trốn ra nước ngoài dựa vào sự giúp đỡ của nước Tần. Cho nên mới có thể trở về nước làm quốc quân, đó cũng là kết quả của sự ưu ái của nước Tần, lúc chúng ta đói kém mất mùa, nước Tần chở lương thực đến cứu trợ. Nước Tần người ta ba lần có ơn nghĩa đối với chúng ta, chúng ta chưa một lần báo đáp, cho nên họ đến tìm chúng ta thanh toán món nợ đó. Chúng ta lại đem quân ra đối chọi với họ. Phía chúng ta thì đã quá mệt mỏi, phía quân Tần thì cùng chung kẻ thù hăng hái quyết chiến. Theo khanh không chỉ gấp đôi ta mà thôi đâu” Tấn Huệ Công nói :

“Một người còn không thể để người khác làm nhục, huống chi là một nước !” Nói xong bèn sai Hàn Giản đi khiêu chiến với nước Tần. Hàn Giản thay mặt cho Tấn Huệ Công nói với nước Tần : “Ta không có tài năng, chỉ tập hợp quân đội lại, nhưng không giải tán họ được, cho nên chỉ còn cách đánh nhau một trận với nước Tần các người. Nếu như các người không chịu rút lui chúng ta chỉ đành sống chết với các người mà thôi”. Tần Mục Công cử Chi Công Tôn làm đại diện trả lời cho phía Tấn rằng : “Lúc ông (Tấn Huệ Công) chưa về nước ta (Tần Mục Công) rất lo lắng cho ông. Khi ông (Tấn Huệ Công) chưa ổn định được ngại vàng, ta (Tần Mục Công) lo lắng cho người (Tấn Huệ Công). Giờ ông (Tấn Huệ Công) đã ổn định được ngôi báu, ta (Tần Mục Công) làm sao dám không nhận lời khiêu chiến của người (Tấn Huệ Công) ?” Hàn Giản lui ra nói : “Ta dù còn sống mà bị bắt làm tù binh, cũng là may mắn lắm rồi...”.

Ngày 14 tháng 11 nước Tần và nước Tấn giao chiến với nhau trên cánh đồng vùng đất Hàn (giữa huyện Hà Tân và huyện Vạn Tuyên tỉnh Sơn Tây ngày nay). Ngựa chiến của Tấn Huệ Công bị sụp vào chõn sinh lầy, loay hoay mãi mà không thể nào thoát ra được. Tấn Huệ Công kêu gào Khánh Trịnh đến cứu, Khánh Trịnh bảo rằng : “Chúa thượng quá tự tin không nghe lời can ngăn, lại làm trái với lời tiên đoán của quẻ bói, quả là tự mình chuốc lấy thất bại, làm sao thoát đi đâu được”. Nói xong, bèn bỏ đi. Đại phu nước Tấn Lương Do Mị điều khiển xe cho Hàn Giản. Một đại phu khác là Quắc Xạ làm phò tá. Trên chiến trường cả đoàn người trong xe gặp Tần Mục Công, chuẩn bị bắt Tần Mục Công làm tù binh. Khánh Trịnh vì không cứu Tấn Huệ Công nên gọi bọn Hàn Giản để cứu Tấn Huệ Công. Hành động này làm vụt

mất cơ hội bắt sống Tần Mục Công để cho Tần Mục Công chạy mất. Kết quả là nước Tấn bắt Tấn Huệ Công làm tù binh và mang về nước.

Các đại phu nước Tấn để xoa tóc rũ xuống, trú ngụ ngoài trời, bám theo quân Tần. Tần Mục Công dùng lời lẽ ngon ngọt vỗ về họ : “Tại sao các anh lại đau buồn như vậy ? Ta cùng đi với quốc quân nước Tấn về phía Tây (đây là lời nói mang tính chất ngoại giao, trên thực tế Tần Mục Công bắt Tấn Huệ Công làm tù binh và đang dẫn về nước Tấn ở phía tây), cũng chẳng qua là vi ứng với cơn ác mộng của nước Tấn ngày xưa mà thôi — Cơn ác mộng có ý chỉ Lỗ Hi Công năm thứ mười (năm 650 trước công nguyên) Đại phu nước Tấn Hồ Đột gặp phải hồn ma của thái tử Thần Sinh. Hồn ma của Thần Sinh quở trách Tấn Huệ Công không thực hành quân đạo, còn dự đoán rằng sẽ bị thất bại ở đất Hàn — Ta đâu dám đối xử thái quá với quân chủ nước Tấn”. Các bậc đại phu của nước Tấn, lạy ba lần, rập đầu ba lần rồi nói : “Trên đầu chúa thượng có trời xanh, dưới chân có thần thổ địa. Trời xanh và thổ địa đã nghe rõ lời nói của chúa thượng. Quân thần chúng tôi cũng mạo muội đứng cuối chiều gió, những lời nói vừa rồi nghe cũng rất rõ ràng”.

Tần Mục phu nhân nghe nói quân chủ nước Tấn sắp bị đem về đô thành bèn dẫn thái tử Đào, Hoàng và con gái là Giản Bích cùng leo lên đồng củi chất trên đài cao, biểu thị sẽ tự thiêu mà chết, đồng thời cử người mặc tang phục đi đón Tần Mục Công, bảo ông ta nói với Tần Mục Công : “Trời đã giáng tai họa làm cho quân chủ hai nước Tần, Tấn không giao thiệp với nhau bằng con đường ngoại giao như thường lệ, mà đã dấy lên chiến tranh. Nếu như quân chủ nước Tấn vào thành vào lúc rạng sáng, thì buổi tối

nữ tì sẽ tự sát. Nếu như vào thành buổi tối thì sáng hôm sau sẽ tự sát. Mong chúa thượng suy nghĩ cho kỹ !” Thế là Tần Mục Công để Tấn Huệ Công tại Linh Đài (huyện Hộ tỉnh Thiểm Tây ngày nay). Các đại phu nước Tần yêu cầu đưa Tấn Huệ Công vào thành, Tần Mục Công nói : “Ta vốn tưởng rằng bắt được quân chủ nước Tấn đưa về đô thành chúc mừng thắng trận. Bây giờ nếu đưa quân chủ nước Tấn vào thành thì kết quả sẽ làm cho quốc gia xảy ra việc tang, thế thì việc gì phải đưa quân chủ nước Tấn vào thành ? Đại phu các khanh phỏng được lợi ích gì ? Hơn nữa người nước Tấn dùng buồn thương làm tăng thêm gánh nặng trong lòng ta, dùng trời xanh, thổ địa để ràng buộc ta. Nếu như ta không nghĩ đến những việc mà người Tấn lo lắng thì sẽ làm tăng thêm lòng thù hận của họ đối với ta, nếu như ta nói lời không giữ lấy lời thì sẽ bội tín với trời đất. Làm tăng thêm sự thù oán của người Tấn đối với ta, ta sẽ chịu không nổi. Bội tín đối với đất trời đó là việc chẳng lành. Cho nên nhất định phải đưa quân chủ nước Tấn trở về nước Tấn”. Công tử Chấp, con trai của Tần Mục Công nói : “Chi bằng giết quách ông ta đi, để lòng ta khỏi tụ hợp quần chúng làm điều ác”. Tôn Chi đại phu nước Tần nói rằng : “Đưa trả quân chủ nước Tấn về nước, bắt thái tử của ông ta đưa về nước Tần làm con tin nhất định sẽ có kết quả tốt. Chúng ta đã không tiêu diệt nước Tấn, giết quân chủ của họ chỉ tạo nên sự thù hận giữa hai nước. Sử Dật có một câu nói nổi tiếng : “Không nên gây mầm mống tai họa, không nên lợi dụng người khác gặp nguy biến, không nên làm tăng thêm hận thù”. Làm tăng thêm hận thù thì khó chịu đựng nổi. Hiệp đáp người khác là không may” Thế là nước Tần cho phép giảng hòa với nước Tấn.

Tấn Huệ Công cử đại phu Thích Khất về nước báo với đại

phu Lã Di Sanh biết việc nước Tần cho phép giảng hòa với nước Tấn, đồng thời triệu Lã Di Sanh đến nước Tần đàm phán. Lã Di Sanh dạy bảo Thích Khất rằng : “Ông nên triệu tập người trong nước đến triều đình họp lấy danh nghĩa mệnh lệnh của quân chủ mà khen thưởng họ, đồng thời thay mặt quân chủ bảo với họ rằng : “Ta tuy đã về nước, nhưng đã đem lại một cái nhục lớn cho đất nước. Phải dùng thẻ bói để quyết định xem phò tá thái tử Ngũ kế ngôi như thế nào ?” Thích Khất làm theo lời dạy của Lã Di Sanh, nhiều người cảm động đến rơi nước mắt. Sau đó nước Tấn lập ra chế độ viên điền. Lã Di Sanh nói với mọi người : “Quốc quân nước ta đánh trận bị bắt làm tù binh, chúng ta ở trong nước đều không thể đi giải cứu cho quốc quân, trái lại quốc quân lại quan tâm lo lắng đến mọi người chúng ta. Ân tình này to lớn xiết bao ! Chúng ta nên làm thế nào để báo đáp quân chủ của chúng ta ?” Mọi người nói : “Làm thế nào để đền đáp công ơn của quân chủ đối với chúng ta ?” Lã Di Sanh trả lời rằng : “Thu sưu thuế, chỉnh đốn lại quân đội, phò tá thái tử. Chư hầu nghe nói, quốc quân chúng ta tuy đánh trận bị bắt làm tù binh, nhưng trong nước đã có tân quân chủ lo việc nước, hơn nữa tất cả quốc thần đều hòa mục, quân bị cũng đã được tăng cường. Các nước láng giềng hữu nghị sẽ khích lệ chúng ta. Còn những nước không tốt với nước ta, chúng sẽ sợ hãi chúng ta. Làm như vậy mới có thể tốt được”. Mọi người nghe xong đều rất phấn khởi. Sau đó nước Tấn lại xây dựng chế độ chân binh.

Lúc đầu, Tấn Hiến Công dùng cờ thi để bói quẻ gà con gái lớn đến nước Tần. Bói một quẻ từ “Qui muội” biến thành quẻ “Khuê” (đi ngược lại, không hợp, chia tay nhau) Bộc quan nói rằng : “Đây là một quẻ không tốt. Lời trong quẻ nói rằng : kẻ sĩ

giết dê cũng không có máu. Con gái cầm giỏ cũng không thu hoạch được gì. Sự chỉ trích đối với nước láng giềng phía tây, bởi vì tôi đuối lý nên không thể nào trả lời được. “Qui muội” có nghĩa là thiếu nữ xuất giá, “Khuê” là đi ngược lại. Từ “Qui muội” biến thành “Khuê”, thiếu nữ xuất giá mà có sự làm ngược lại, đương nhiên không giúp ích được gì cho mẹ đẻ. Lôi — trạch — qui muội — hòa — trạch — khuê. Từ “qui muội” biến thành “khuê”, tức là từ “lôi” biến thành “hỏa” cũng là “hỏa” biến thành “lôi”. Bất kể là “lôi” hoặc “hỏa” đều là quẻ bên ngoài, tượng trưng cho nước Tấn. Tấn Hoa khi quá thịnh là điềm báo trước con gái sau khi gả chồng sẽ trở lại làm hại nhà mẹ đẻ, cũng tức là cái điềm họ Doanh đánh bại họ Cơ. “Xe bị rơi cả trục, lửa đốt cháy cờ xi” đều tượng trưng cho việc bại trận, không có lợi cho việc đem quân đi đánh trận, sẽ bị bại trận, sẽ bị bại trận ở Tông Khâu (tức Hàn Nguyên). Thiếu nữ xuất giá đi ngược lại lợi ích của nhà mẹ đẻ, kẻ địch gương cung sắp bắn về phía mình. Cháu đi theo cô, sáu năm sau mới tháo chạy về, chạy trốn về tổ quốc mình và vứt bỏ lại nhà của mình. Năm sau ông ta sẽ chết ở Cao Lương (huyện Lâm Phần tỉnh Sơn Tây ngày nay)” Đến khi Tấn Huệ Công bị bắt làm tù binh ở nước Tần, ông ta nói : “Nếu như trước đây nghe theo lời bói của Sử Tô, ta không đến nỗi rơi vào tình thế như bây giờ !” Hàn Giản đang hầu hạ bên cạnh nói chen vào : “Mu rùa là một loại hình tượng, cô thi là một loại số lý. Sự vật sau khi sản sinh mới có hình tượng, sau khi có hình tượng mới có diễn biến, sau khi diễn biến mới có số lý. Những việc xấu mà tiên quân gây nên quá nhiều, “số” làm sao phản ánh hết được. Cái quẻ mà Sử Tô bói có quan hệ gì. Trong Kinh thi có nói : “Tai nạn của nhân dân không phải từ trên trời rơi xuống. Tự tập nhau lại nói năng lung

tung, sau lưng thì ghen ghét lẫn nhau, kẻ xách động chủ yếu vẫn là con người”. Từ đó mà biết rằng, sự việc là do con người tạo nên không có được một chút quan hệ gì với diêm dữ diêm lành của bói toán.

Tháng 11 Lữ Di Sanh của nước Tấn hội kiến Tần Mục Công, ký kết hiệp ước liên minh với nước Tần tại Vương Thành (tây nam Triều áp huyện tỉnh Thiểm tây ngày nay). Tần Mục Công hỏi rằng : “Nội bộ nước Tấn có thể chung sống hòa mục với nhau không ?” Lữ Di Sanh đáp rằng : “Không thể sống hòa mục với nhau. Những người dân bình thường cảm thấy xấu hổ vì quân chủ bị bắt làm tù binh, lại tưởng nhớ đến người thân của họ hy sinh trong chiến tranh không sợ trưng thu thuế má, không sợ chinh đốn quân đội sửa sang vũ khí, còn ủng hộ thái tử Huy làm quân chủ, lại còn nói : “Mỗi hạn này nhất định phải trả thù, cho dù phải cúi đầu trước Nhung Địch, hầu hạ Nhung Địch cũng phải trả thù”. Các quý tộc yêu mến bảo vệ quân chủ của họ biết sai lầm của quân chủ, không sợ trưng thu thuế má, không sợ chinh đốn quân đội sửa sang vũ khí, để chờ đợi mệnh lệnh chiến đấu của nước Tấn, lại còn nói : “Nhất định phải đền đáp công ơn của nước Tần, cho dù có chết cũng không có lòng dạ nào khác. Chính vì thế nên không thể sống hòa mục với nhau được”. Tần Mục Công nói : “Các ông có suy nghĩ thế nào về vận mạng của quân chủ các ông ?” Lữ Di Sanh đáp rằng : “Phần đông nhân dân hơi lo lắng, cho rằng ông ta không thể thoát chết được ! Các quý tộc thì suy nghĩ có lẽ sâu xa hơn, cho rằng ông ta nhất định sẽ về nước. Người dân bình thường nói rằng : “Chúng ta lấy thù địch mà đáp lại ân huệ của nước Tần, nước Tần làm sao chịu trả lại quân chủ của chúng ta”. Nước Tấn của chúng tôi bấy giờ sinh ra hai lòng,

nước Tần các ông phải lập tức chớp lấy thời cơ này. Đợi đến khi nước Tấn đang chia rẽ này thàn phục rồi, thì nước Tần lập tức nổi lòng ra. Nếu làm được như vậy, thì cái nhân đức sâu dày của nước Tần là không thứ gì có thể sánh được. Cái uy lực về sự trừng phạt của nước Tần cũng không có ai sánh được. Cuộc chiến như thế này nước Tần có thể xưng bá trong thiên hạ. Nếu như đưa quân chủ nước Tấn về nước mà không ổn định được ngôi vị của ông ta, phế quân chủ cũ mà không lập quân chủ mới, làm như vậy sẽ khiến cho việc vốn là nhân đức trở thành việc oán giận. Nước Tần chắc sẽ không làm như vậy !” Tần Mục Công nói : “Ta vốn cũng suy nghĩ như vậy”. Sau đó đưa Tấn Huệ Công đến ở một nơi khác, đồng thời tặng cho ông ta bảy con dê, bảy con bò và bảy con heo.

Đại phu nước Tấn là Nga Tích nói với Khánh Trịch : “Tại sao không bỏ ra đi ?” Khánh Trịch nói : “Tôi làm cho quân chủ nước tôi thất bại. Quốc quân thất bại mà tôi lại không thể hy sinh vì nước. Nếu như tôi bỏ ra đi, hình phạt cũng không rơi vào người tôi, nhưng lại làm cho hình phạt của quốc chủ nặng hơn, đó là hành vi không nên có của một trung thần. Một người là “thần” mà không hành thần đạo, thì có nơi nào có thể dung nạp tôi, tôi có thể đi được đến nơi nào ?” Tháng 11, Tần Huệ Công về nước, ngày 29 giết Khánh Trịch, sau đó vào đô thành.

Năm đó, nước Tấn lại mất mùa đói kém. Tần Mục Công lại tặng lương thực cho nước Tấn, đồng thời nói rằng : “Ta chán ghét quân chủ của họ, nhưng thương hại nhân dân của họ. Hơn nữa ta nghe nói lúc Đường Thức ở nước Tấn, Kỳ Tử có nói rằng : “Hậu nhân của ông ta nhất định sẽ phát triển mạnh mẽ”. Làm sao ta lại có thể tính toán thiệt hơn với nước Tấn. Trước mắt hãy



cho nước Tấn một số ân huệ đợi đến ngày sau nước họ xuất hiện những người có năng lực”.

Sau đó, nước Tấn trưng thu sưu thuế, thiết lập sự cai trị của quan phủ tại vùng đất cũ của nước Tấn ở phía đông Hoàng Hà.

## CUỘC CHIẾN CỦA TỐNG, SỞ Ở ĐẤT HOẢNG

*Hì công nhị thập niên (năm 640 trước công nguyên)*

Tống Tương Công một lòng định triệu tập chư hầu tham gia vào liên minh do mình làm chủ. Đại phu nước Lô Trang Tôn Thìn nghe được việc này bèn nói : “Dục vọng của một con người phải nghe theo sự chi phối của một ý chí thì mới có thể được. Một con người không có ý chí, chỉ tuân theo một dục vọng là không thể được. Ý chí của một con người tuân theo dục vọng của một người thì rất khó làm được một việc gì”.

*Hì công nhị thập nhất niên (năm 639 trước công nguyên)*

Lỗ Hì Công năm thứ hai mươi mốt. Vào mùa xuân nước Tống triệu tập đồng minh tại Lộc Thượng (phía tây huyện Thái Hòa, tỉnh An Huy ngày nay). Bởi vì ba nước Tống, Tề, Sở cũ đại phu tham gia hội nghị nên nước Tống yêu cầu các chư hầu tổ chức một lần hội nghị. Nước Sở giả bộ đồng ý. Công tử Mục Di nói : “Nước nhỏ giành làm minh chủ, đây là họa chứ không phải là phúc. Chỉ sợ nước Tống sắp mất nước, cũng không kéo dài thêm được bao lâu nữa”.

Mùa thu, Tống Tương Công cùng Sở Thành Vương, Trần Mục Công Thái Trang Hầu, Trịnh Văn Công, Tào Cộng Công... họp hội nghị tại đất Vu (tây bắc huyện Tuy tỉnh Hà Nam ngày nay). Công tử Mục Di nói : “Lê nào họa lại xảy ra tại nơi đây ? Dục vọng của quân chủ chúng ta quá lớn, người ta làm sao có thể chịu đựng nổi ?”. Sau đó nước Sở giữ Tống Tương Công tại phòng

họp và tiến hành đánh nước Tống.

Mùa đông nước Sở và nước Tống lại họp tại đất Bạc (tây bắc Thương Khâu tỉnh Hà Nam ngày nay) Trong cuộc họp, phóng thích Tống Tương Công. Công tử Mục Di nói : “Tai họa vẫn chưa chấm dứt, sự trừng phạt này vẫn chưa thể trừng trị quân chủ của chúng ta”.

*Hi công nhị thập nhị niên (năm 638 trước công nguyên)*

Mùa hạ, Tống Tương Công đem quân chinh phạt nước Trịnh. Công tử Mục Di nói : “Tai họa mà ta nói sẽ xảy ra tại nơi đây”. Mùa thu, để giải cứu cho nước Trịnh, nước Sở xuất quân đánh nước Tống. Tống Tương Công chuẩn bị đánh nhau với nước Sở. Quan đại ty Mã Cố can ngăn Tương Công rằng : “Ông Trời đã từ bỏ người Thương chúng ta (người Tống là hậu duệ của triều Thương cho nên mới xưng là người Thương) từ lâu rồi. Ta chú yếu là phục hưng sự thịnh vượng của người Thương. Tội lỗi này là không thể tha thứ được. Chúng ta xuất quân thì ông Trời không ủng hộ ta đâu” Tống Tương Công không chịu nghe lời khuyên răn của Mã Cố.

Ngày mùng một tháng 11 mùa đông năm đó, Tống Tương Công dẫn quân ra đối chọi với quân Sở tại Hoàng Thủy (phía bắc huyện Thạch Thành tỉnh Hà Nam ngày nay). Quân đội nước Tống đã bố trí sẵn thế trận. Quân Sở vượt Hoàng Thủy mới được một nửa, công tử Mục Di nói : “Họ quân nhiều, ta quân ít, khi họ chưa qua sông hết ta hạ lệnh công kích”. Tống Tương Công nói : “Không được”. Đợi quân Sở qua sông xong, chưa kịp lập thế trận, công tử Mục Di lại xin Tống Tương Công ra lệnh công kích. Tống Tương Công nói : “Vẫn chưa được”. Đợi đến lúc quân Sở bày xong trận thế, Tống Tương Công mới hạ lệnh công kích. Kết quả quân Tống thất bại thảm hại. Quân Sở truy đuổi một mạch cho đến tận

kinh thành nước Tống. Bắp dùi của Tống Tương Công bị thương. Tất cả quan bảo vệ thành đều bị giết sạch.

Dân nước Tống đều trách tội Tống Tương Công. Tống Tương Công nói : “Trên chiến trường một người quân tử không giết kẻ địch đã bị thương, không bắt làm tù binh những người lớn tuổi trên đầu đã có hai thứ tóc. Ngày xưa đánh nhau không cần phải dựa vào quan ải hiểm trở để mà giành thắng lợi. Quả nhân tuy là hậu duệ của người vong quốc (người Tống là hậu duệ của người Thương, do đó tự xưng là hậu duệ của vong quốc), nhưng cũng phải giành chiến thắng một cách đàng hoàng, cho nên không tiến công kẻ địch chưa kịp bày binh bố trận”.

Công tử Mục Di nói : “Chúa công ta không biết đánh giặc như thế nào. Kẻ địch hùng mạnh không bày nổi thế trận ở nơi đất hẹp đó là ông Trời phù hộ cho chúng ta. Sự tiến quân của kẻ địch hùng mạnh gặp trở ngại, chúng ta hạ lệnh công kích có gì là không phải ? Cho dù như vậy đi nữa chưa chắc ta đã đánh thắng. Huống hồ kẻ địch bây giờ người nào người nấy cường tráng dũng cảm. Tuy rằng gặp một người già, bắt được thì cứ bắt làm tù binh, hơi đâu mà suy nghĩ đến những người trung niên tóc vừa chớm bạc ? Chúng ta huấn luyện người dân chiến đấu, cần làm cho người dân hiểu rõ liên sĩ, đánh trận quyết không thế đầu hàng, chăm chú lo việc dùng cảm giết giặc. Ta không giết giặc, giặc tất giết ta. Kẻ địch bị thương chưa chết, tại sao lại có thể không giết kẻ địch đang bị thương ? Ví thử yêu mến kẻ địch bị thương, chi bằng thả đừng làm cho nó bị thương. Giả thử yêu mến bảo vệ kẻ địch đâu đã có chút tóc bạc, chi bằng đầu hàng, xưng làm thần cho xong chuyện. Ba quân đánh trận thế có lợi cho chúng ta thì phải hành động ngay. Tiếng kèn tiếng trống chính là để khích lệ sĩ khí của quân đội chúng ta. Hễ có lợi cho chúng ta

là hành động ngay bất kể là kẻ địch đang gặp khó khăn trở ngại. Tiếng trống càng vang to, càng nâng cao ý chí chiến đấu, cho dù kẻ địch chưa bày xong thế trận, cũng có thể ra lệnh công kích trong tiếng trống trận vang rền”.

*Hi công nhị thập tam niên (năm 637 trước công nguyên)*

Mùa xuân năm Hi công thứ hai mươi ba, Tề Hiếu Công tấn công nước Tống, bao vây vùng đất Mân (đông bắc huyện Kim Hương tỉnh Sơn Đông ngày nay). Nước Tề tấn công nước Tống vì bốn năm trước không tham gia minh hội tại nước Tề. Mùa hè ngày 25 tháng 5 Tống Tương Công chết vì bệnh. Vết thương mà ông bị thương tại trận Hoàng Thủy là nguyên nhân gây ra cái chết của ông.

## QUÁ TRÌNH TRỌNG NHỊ — CÔNG TỬ CỦA NƯỚC TẤN — TRỐN CHẠY SANG NƯỚC KHÁC

*Hi công nhị thập tam niên (năm 637 trước công nguyên)*

Công tử nước Tấn là Trọng Nhị gặp hồi loạn lạc khi Lệ Cơ gièm pha hãm hại thái tử nước Tấn là Thân Sinh bèn trốn chạy đến Bồ Thành (huyện Tập tỉnh Sơn Tây ngày nay). Tấn Hiến Công xuất quân đánh Bồ Thành. Người Bồ Thành chấp nhận đánh nhau với quân đội của Tấn Hiến Công, nhưng công tử Trọng Nhị không cho phép, và nói : “Dựa vào mệnh lệnh của quân phụ, hưởng thụ bổng lộc ưu đãi, sau đó mới được sự ủng hộ yêu mến của thuộc hạ. Được người khác ủng hộ rồi lại chống đối lại cha mình thì không còn có tội lỗi nào lớn hơn thế. Chi bằng ta trốn chạy đến nơi khác thì hơn” Thế là trốn sang chỗ người Địch (một chủng tộc ở miền Bắc thời cổ đại Trung Quốc) để lánh nạn. Hồ Yên, Triệu Tương, Điền Hiệt, Ngụy Ngưu, Ty Không Quý Tử... cùng đi theo. Gặp phải lúc người Địch đánh Lâm Cửu Như (là một nước nhỏ do người Địch lập ra, thời Xuân thu nằm rải rác ở hai tỉnh Hà Bắc và Sơn Đông) bắt được hai người con gái của bọn họ tên là Thúc Ngõi và Quý Ngõi. Gả Quý Ngõi cho công tử Trọng Nhị. Sau đó nàng sinh được hai người con là Bá Thốc và Thúc Lưu. Gả Thúc Ngõi cho Triệu Tương, sau đó nàng sinh ra Triệu Thuần. Bọn Trọng Nhị muốn đi đến nước Tề, thế là Trọng Nhị

nói với Quý Ngõi : “Đợi ta 25 năm, nếu ta chưa về thì nàng đi lấy người khác !” Quý Ngõi trả lời rằng : “Bây giờ em đã 25 tuổi rồi, đợi một thời gian dài là 25 năm nữa mới tái giá, em sợ rằng lúc đó đã đến quan tài rồi. Thôi thì cứ để em đợi chờ chàng”. Bọn Trọng Nhĩ trước sau cả thấy là 12 năm ở trong vùng của người Dịch.

Lúc họ đi ngang qua nước Vệ, Vệ Văn Công không đón tiếp họ theo nghi lễ. Đi đến Ngũ Lộc (vùng Huyện Bộc Dương tỉnh Hà Bắc ngày nay) họ phải xin cơm ăn, dân quê cho họ một nắm đất bùn. Công tử Trọng Nhĩ vô cùng tức giận, định lấy roi đánh dân quê, Hồ Yên can ngăn ông ta : “Đây là báo bồi mà ông Trời tặng cho chúng ta. Nắm đất là tượng trưng cho đất, được một nắm đất, đó là điềm báo trước có thể xây dựng đất nước” Thế là công tử Trọng Nhĩ rập đầu nhận nắm đất đó đồng thời mang nắm đất đi theo.

Bọn họ đến nước Tề, Tề Hằng Công gả con gái cho ông ta, còn tặng cho 80 con ngựa để kéo 20 xe. Công tử Trọng Nhĩ yên tâm với cuộc sống thoải mái này. Hồ Yên và một số người khác cho rằng không thể làm hao mòn chí khí như vậy, chuẩn bị rời khỏi nước Tề. Đang bàn bạc kế hoạch ở dưới cây dâu thì có một nô tì đang hái dâu nghe được kế hoạch của họ, cô ta bèn kể lại những điều nghe được cho Khương thị, vợ của Trọng Nhĩ nghe. Khương thị giết nô tì vì sợ cô ta tiết lộ bí mật, đồng thời nói với Trọng Nhĩ : “Chàng có chí nguyện đi khắp thiên hạ, đứa nô tì nghe trộm được kế hoạch của chàng thiếp đã giết chết rồi”. Trọng Nhĩ nói : “Ta chẳng có chí hướng đi khắp thiên hạ đâu.” Khương thị nói : “Chàng phải rời khỏi nước Tề. Ham muốn hưởng thụ, bằng lòng với hiện trạng thì dễ làm bại hoại chí tiết của một con người”. Trọng Nhĩ không bằng lòng. Thế là Khương thị bàn với

Hồ Yến phục rượu cho Trọng Nhĩ say rồi khênh lên xe, đưa ông ta rời khỏi nước Tề. Đợi đến khi Trọng Nhĩ tỉnh rượu phát hiện mình đang ở trên đường rời khỏi nước Tề, trong cơn tức giận nhất thời đã dùng kích đâm chết Hồ Yến.

Bọn họ đến nước Tào, Tào Cộng Công nghe nói xương sườn dưới nách Trọng Nhĩ dính liền nhau, định nhân lúc Trọng Nhĩ ở trần xem cho rõ thực hư có phải xương sườn của ông ta dính liền với nhau không. Lúc Trọng Nhĩ tắm, Tào Cộng Công lảng lạng đến gần ông ta nhìn trộm xương sườn của ông ta. Vợ của Hi Phụ Ki, đại phu nước Tào nói rằng : “Theo quan sát của tôi, bọn tùy tùng của Tấn công tử kẻ nào cũng xứng đáng là đại thần phò tá cho một nước. Nếu như Tấn công tử dùng những người này để phò tá thì Tấn công tử nhất định trở về được. Sau khi về nước chấp chính, nhất định sẽ trở thành hùng mạnh trong các chư hầu mà trở thành bá chủ. Kẻ hùng mạnh trong các chư hầu, trở thành bá chủ của chư hầu mà ta thất lễ với ông ta, thì phải kể Tào quốc là số một. Tại sao chúa công không sớm có quan hệ với nước Tấn gây chút thiện cảm với họ”. Thế là tối hôm đó đem đến một đĩa cơm, trong đĩa cơm dẫu một miếng ngọc. Trọng Nhĩ nhận đĩa cơm nhưng đem trả lại miếng ngọc.

Bọn họ đến nước Tống, Tống Tương Công tặng họ 80 con ngựa.

Bọn họ đến nước Trịnh, Trịnh Văn Công không đón tiếp họ theo nghi lễ. Đại phu nước Trịnh là Thúc Chiêm khuyên can Trịnh Văn Công : “Thần nghe nói những việc mà trời giúp đỡ thì con người không thể nào làm được. Công tử nước Tấn có ba việc được trời giúp đỡ, ông Trời có lẽ định dựng ông ta làm quốc quân



của nước Tấn ! Chúa thượng nên tiếp đón ông ta theo lễ. Trai gái cùng một họ lấy nhau thì con cái của họ không hưng thịnh được. Cha mẹ của Tấn công tử đều họ Cơ. Ông ta là con của hai người cùng họ, mà ông ta vẫn sống tràn đầy sinh lực cho đến ngày nay. Đây là điều thứ nhất. Ông ta gặp tai họa chạy trốn ra nước ngoài, mà ông Trời thì luôn luôn làm cho nước Tấn bất an, có lẽ tạo điều kiện thuận lợi cho ông ta. Đây là điều thứ hai. Có tài năng của ba hiền sĩ vượt qua bất cứ hiền sĩ nào, họ lại còn theo ông ta lang thang khắp nơi. Đây là điều thứ ba. Nước Tấn và nước Trịnh cùng địa vị như nhau, họ đi qua anh em của nước Trịnh, nước Trịnh vẫn phải dùng nghi lễ để tiếp đãi họ, hưởng hồ công tử Trọng Nhĩ là người mà Trời trợ giúp”. Trịnh Văn Công không hề đếm xỉa đến lời khuyên can của Thúc Chiêm.

Sau khi họ đến nước Sở, Sở Thành Vương mở tiệc khoản đãi. Sở Thành Vương nói : “Nếu công tử trở về nước Tấn thì sẽ báo đáp bất cốc như thế nào ?” (“bất cốc” là lối xưng hô khiêm tốn của vương hầu thời cổ đại Trung Quốc. Nghĩa của từ ngữ ấy là : không tài giỏi, không có tài gì để nói, không có ưu điểm gì cả). Trọng Nhĩ đáp rằng : “Gái đẹp, tiền của chúa công đủ cả rồi, còn như lông chim, lông thú, ngà voi, da tê giác... cũng đều là sản vật của nước Sở. Còn như những đồ vật trôi dạt đến nước Tấn thì cũng là những thứ mà nước Sở thừa thải. Những thứ thừa mứa đó làm sao có thể báo đáp chúa công ?” Sở Thành Vương bám chặt không buông tha nói tiếp : “Tuy nói như vậy, nhưng rốt cuộc nhà ngươi định báo đáp ta như thế nào ?” Trọng Nhĩ chỉnh đốn y phục ngồi ngay ngắn đáp rằng : “Nếu nhờ ơn chúa công tôi được trở về nước Tấn, quân đội hai nước Tấn, Sở giao tranh, quân đội hai nước gặp nhau ở Trung Nguyên. Để báo đền công ơn của

chúa công, quân đội nước Tấn chúng tôi sẽ nhượng bộ lui binh. Sau khi chúng tôi nhượng bộ lui binh mà nước Sở không ra lệnh rút quân, thì tay trái tôi gương cung tay phải tôi sờ vào túi đựng tên, chuẩn bị quần nhau với quân Sở”. Từ Ngọc, chấp chính nước Sở đề nghị Sở Thành Vương giết Trọng Nhĩ, Sở Thành Vương nói : “Tấn công tử chí hướng rất lớn, ép mình rất nghiêm, nói năng lễ phép khôn ngoan chu đáo. Những người đi theo ông ta thái độ nghiêm túc, đối xử với người khác rất rộng lượng, một mực trung thành, tài năng hơn người. Quốc quân của nước Tấn hiện nay không yêu mến ủng hộ ông ta, người trong nước, ngoài nước đều chán ghét ông ta. Ta nghe nói, trong các nước mang họ Cơ hậu nhân của Đường Thúc ngày càng suy yếu. Đây có lẽ là vì Tấn công tử. Ông Trời muốn hưng vượng thì ai có thể loại bỏ được. Đi ngược lại ý Trời, tất sẽ có tai họa lớn”. Thế rồi đưa họ sang nước Tần.

Tần Mục Công đem cho Trọng Nhĩ năm cô gái để làm thiếp, trong đó có con gái của Mục Công, người đã từng gả cho Hoài Doanh của Tấn Hoài Công. Một hôm Hoài Doanh bưng một cái chậu đồ nước cho Trọng Nhĩ rửa tay, sau đó Trọng Nhĩ dùng tay ướt vẩy vào Hoài Doanh. Hoài Doanh vô cùng tức giận nói : “Nước Tần, nước Tấn là hai nước ngang hàng nhau, tại sao ông coi khinh ta !” Trọng Nhĩ rất lo sợ, cởi áo tự trói mình để tạ tội. Có một hôm Tần Mục Công mở tiệc khoản đãi Trọng Nhĩ, Hồ Yển nói : “Tôi nói năng không văn vẻ bằng Triệu Tương, hãy để cho Triệu Tương cùng công tử đi dự tiệc. Trọng Nhĩ đọc bài thơ hà thủy, dùng nước sông để ca ngợi nước Tần, Tần Mục Công đọc bài thơ lục nguyệt, cầu chúc Trọng Nhĩ sự nghiệp thành đạt, đồng thời khích lệ Trọng Nhĩ phò trợ chân thiên tử. Triệu Tương vội

vàng nói : “Trọng Nhĩ ! Mau cảm tạ những lời tốt đẹp mà nước Tần đã tưởng thưởng !”. Thế là Trọng Nhĩ chấp hai tay cúi đầu cảm tạ. Tần Mục Công đứng dậy, bước xuống bậc tam cấp cuối cùng biểu thị không dám nhận lễ tạ này. Triệu Tương nói : “Chúa công đem bài thơ phò trợ thiên tử để dẫn dò Trọng Nhĩ thì Trọng Nhĩ làm sao không bái tạ được ?”.

*Hi công nhị thập tứ niên (năm 636 trước công nguyên)*

Tháng giêng mùa xuân, năm Lỗ Hi Công thứ hai mươi bốn. Tần Mục Công hộ giá Trọng Nhĩ về nước. Đến bên Hoàng Hà, Hồ Yên đưa cho Trọng Nhĩ một miếng bích (bích là một loại ngọc) và nói : “Tay của thần cầm dây cương đi theo công tử, xem xét việc xưa việc nay, đi khắp thiên hạ, sai lầm mà thần phạm phải quá nhiều ! Những sai phạm này thần đều biết hướng chi là công tử ? Xin công tử cho phép thần từ nay chia tay công tử thôi !”. Trọng Nhĩ thề rằng : “Sau khi về nước, ta bảo đảm một lòng một dạ với cậu, nếu nhà ngươi không tin thì có dòng sông này chứng giám !” Nói xong liền ném miếng ngọc xuống sông Hoàng Hà.

Bọn họ qua khỏi Hoàng Hà, bao vây Lệnh Hồ (phía tây huyện Ý Thị, tỉnh Sơn Tây ngày nay) tiến vào Tạng Truyền (phía tây huyện Giải, tỉnh Sơn Tây ngày nay) chiếm lấy Cự Suy (vùng tây bắc huyện Giải, tỉnh Sơn Tây ngày nay).

Ngày mùng bốn tháng hai, quân đội của Tống Hoài Công đóng quân tại Lô Liễu (tây bắc huyện Ý Thị, tỉnh Sơn Tây). Tần Mục Công cử Tần công tử tên là Chấp đến chỗ quân đội của Tấn Hoài Công. Quân đội của Tấn Hoài Công rút lui, đóng tại Tuân (tây bắc huyện Giải, tỉnh Sơn Tây) tháng 11 Hồ Yên cùng đại phu của nước Tần, nước Tấn ký kết việc lập minh ước. Ngày 12,

Trọng Nhĩ tiến vào quân Tấn. Ngày 16, Trọng Nhĩ tiến vào Khúc Ốc (huyện Văn Hỉ tỉnh Sơn Tây ngày nay). Ngày 17, Trọng Nhĩ tiến vào đất Giáng (phía nam huyện Phần Thành tỉnh Sơn Tây ngày nay). Trọng Nhĩ đến tổ miếu của tổ phụ là Tấn Vũ Công, triều kiến quần thần, lên ngôi kế vị thành tân quân của nước Tấn, sau đó được truy tặng là Tấn Văn Công. Ngày 18, Tấn Văn Công cử người giết Tấn Hoài Công tại Cao Lương (đông bắc huyện Lâm Phần tỉnh Sơn Tây ngày nay).

Cụ thần của Tấn Hoài Công là Lã Di Sanh, Khước Nhuế lo sợ sự bức hại của Tấn Văn Công, âm mưu phóng hỏa đốt cháy cung điện của Tấn Văn Công và giết Tấn Văn Công. Không bao lâu, Tụ Nhân Phệ xin yết kiến, Tấn Văn Công cử người ra từ chối không tiếp, đồng thời quở trách rằng : “Trong trận Bồ Thành, Hiến Công mệnh lệnh nhà ngươi sau một ngày hãy đến, ngay ngày hôm đó nhà ngươi đã đến rồi. Sau đó ta (Tấn Văn Công) cùng quốc quân người Địch đến bên bờ Vị Thủy để săn bắn, nhà ngươi nghe lời Huệ Công đến giết ta (Tấn Văn Công), Huệ Công bảo nhà ngươi ba ngày tới, hai ngày nhà ngươi đã tới rồi. Tuy nhà ngươi có mệnh lệnh của quốc quân, nhưng tại sao nhà ngươi lại đến một cách nhanh như vậy ? Ống tay áo của ta bị nhà ngươi chặt đứt còn giữ đây, (trong chiến dịch Bồ Thành, Tấn Văn Công tuy chạy thoát được, nhưng ống tay áo bị Tụ Nhân Phệ chặt đứt), theo ta nhà ngươi nên mau mau rút xéo đi !” Tụ Nhân Phệ đáp rằng : “Thần tưởng rằng ông đã trở về nước Tấn làm quốc quân, nhất định phải hiểu đạo lý của người làm quốc quân ? Nếu như vẫn không hiểu đạo lý của người làm quốc quân, chắc sẽ gặp tai nạn. Chấp hành mệnh lệnh của quốc quân phải toàn tâm toàn ý mà quán triệt, đó là chế độ từ xưa đến nay. Chấn hành mệnh lệnh

của quân chủ đi diệt ác phải xem sức lực mình có bao nhiêu thì phải làm hết sức của mình. Dưới thời Hiến Công, Huệ Công, ta chỉ xem nhà người như bọn người Bò, người Dịch đối lập với quốc quân mà thôi. Giết một người Bò hoặc người Dịch đối với ta đâu có quan hệ gì ? Ngày nay nhà người đã trở thành quân chủ của nước Tấn, lẽ nào không còn người đối lập với nhà người hay sao ? Tề Hằng Công còn gác bỏ sự việc phóng móc câu mà dùng lại Quân Trọng làm chấp chính. Nếu nhà người không khoan hồng, đại lượng được, như Tề Hằng Công, ngược lại vẫn ôm mãi mối hận bị chặt đứt ông tay áo trong lòng, thì ta đâu cần chờ đến nhà người ra lệnh trục xuất ta ? Nếu như sức chịu đựng của nhà người hạn hẹp thì những người vì lo sợ tội lỗi mà bỏ đi sẽ rất nhiều, đâu chỉ có một mình ta mà thôi !" Thế là Tấn Văn Công triệu kiến TỰ NHÂN PHỆ. TỰ NHÂN PHỆ báo cho Tấn Văn Công biết mưu đồ của bọn Lã Di Sanh. Tháng ba, Tấn Văn Công lặng lẽ ra khỏi nước Tấn, gặp Tần Mục Công tại Vương Thành. Ngày 29, cung điện của Tấn Văn Công bị cháy. Lã Di Sanh, Khước Nhuế không bắt được Tấn Văn Công bèn chạy đến bên Hoàng Hà. Tần Mục Công dụ họ ra rồi giết chết.

Tấn Văn Công đón Doanh thị phu nhân về nước. Tần Mục Công cử ba ngàn vệ sĩ hộ tống Tấn Văn Công. Ba ngàn người này là những người thật sự có năng lực làm việc.

Nguyên là, tiểu thần của Tấn Văn Công là Đâu Tu chuyên trông coi kho báu. Đợi Tấn Văn Công bỏ chạy ra nước ngoài, Đâu Tu liền lấy trộm tài sản trong kho báu. Toàn bộ chi phí dùng vào việc đón tiếp Tấn Văn Công về nước. Khi Tấn Văn Công về nước, Đâu Tu xin tiếp kiến. Tấn Văn Công lấy cớ đang gọi-đầu không ra tiếp Đâu Tu. Thế là Đâu Tu nói với đầy tớ của Văn Công : "Lúc

gội đầu, cúi đầu xuống, kết quả đầu thấp tim cao, vị trí của tim ở trên. Trái tim đã phản phúc thì dù có suy nghĩ mọi cách cũng không ngẩng đầu lên được. Như vậy không tiếp kiến ta lại hóa ra là đúng. Người ở lại trong nước là trông coi xã tắc của ông ta, người tùy tùng chạy theo ra nước ngoài là để bôn ba phục dịch cho ông ta. Cả hai loại người này đều đúng cả. Tại sao cứ cho rằng những người ở lại trong nước là có tội ? Quốc quân nếu như thù địch cả với những dân bình thường, thế thì, những người trong lòng lúc nào cũng nơm nớp lo sợ càng đông”. Người đầy tớ kể lại cho Văn Công nghe những lời nói này, Văn Công bèn vội ra tiếp Đầu Tu.

Người Địch đưa Quý Ngỗi về nước Tấn, đồng thời xin ý kiến Tấn Văn Công nên xử lý Bá Thúc Lưu như thế nào. Con gái của Tấn Văn Công gả cho Triệu Suy, đẻ ra Nguyên Đồng, Bình Quát, Lâu Anh. Lúc bấy giờ Triệu Cơ yêu cầu Triệu Suy đón Triệu Thuần và mẹ của ông ta là Thúc Ngỗi về. Triệu Suy một mực từ chối. Triệu Cơ nói : “Được người mới, thì bỏ quên người cũ, như vậy thì sao mà dùng người được ?” Yêu cầu mãi Triệu Suy mới đồng ý. Thúc Ngỗi và Triệu Thuần trở về nước Tấn, Triệu Cơ cho rằng Triệu Thuần có tài năng, nhiều lần thỉnh cầu Tấn Văn Công để cho Triệu Thuần làm con trai đích, còn vị trí của ba người con bà ta thì ở dưới Triệu Thuần. Đồng thời Triệu Cơ còn để cho Thúc Ngỗi làm vợ chính, còn mình thì khiêm tốn ở vào vị trí thứ hai.

Tấn Văn Công tưởng thưởng những người cùng ông ta chạy ra nước ngoài. Giới Chi Thôi không đề cập đến quan lộc, vì vậy quan lộc cũng không đến lượt Giới Chi Thôi. Giới Chi Thôi nói : “Hiển Công có chín người con, bây giờ chỉ còn có chủ của ta. Huệ

Công, Hoài Công không có ai ủng hộ, trong ngoài nước đều bị người ta bỏ quên. Nhưng ông Trời vẫn chưa tuyệt diệt nước Tấn, nước Tấn nhất định sẽ có quân chủ. Chủ trì việc tế lễ ở nước Tấn nếu không phải là chủ ta thì còn ai ? Quả là ông Trời sắp đặt quốc quân của nước Tấn, còn những kẻ tự cho là công lao của mình, lẽ nào không dẫn đến sự hiểm nghi là đối người đối mình hay sao ? Ăn cắp tiền tài của người ta còn bị gọi là kẻ ăn trộm, hưởng hồ những kẻ lấy công lao của Trời làm công lao của mình ? Những kẻ bề dưới cho rằng ăn cướp công Trời là việc nên làm, lẽ nào bề trên lại tưởng thưởng những kẻ cướp công của Trời này. Trên dưới hòa nhau lừa dối, khó mà sống chung với họ được. Mẹ Giới Chi Thôi nói : “Tại sao con không xin được tướng thưởng ? Nếu như thế này mà chết đi thì có thể oán giận ai ?” Giới Chi Thôi đáp rằng : “Đã quở trách những người đó mà lại bắt chước họ xin được tướng thưởng, thì tội càng gấp đôi ! Con đã bực tức rồi thì không thêm hưởng bổng lộc nhà quan nữa”. Mẹ ông ta nói : “Sự việc này bọn họ biết được thì sẽ như thế nào ?” Giới Chi Thôi đáp rằng : “Ngôn từ của một người là trang sức trên người họ. Thân thể còn phải giấu giếm đi, thì nói chi đến chuyện trang sức ? Làm theo lời mẹ là cầu hiển đạt chứ không phải cầu ẩn cư”. Mẹ ông ta nói : “Con có làm được hay không ? Ta cùng con đi ở ẩn”. Thế là họ ở ẩn cho đến khi qua đời. Tấn Văn Công tìm không ra Giới Chi Thôi bèn đem đất Miên (phía nam huyện Giới Hữu tỉnh Sơn Tây ngày nay) làm đất phong cho Giới Chi Thôi. Văn Công còn nói rằng : “Một mặt là đánh dấu sự sai lầm của ta, mặt khác là để biểu dương người tốt”.

## TRẬN CHIẾN ĐẤU Ở THÀNH BỘC GIỮA NƯỚC TẦN VÀ NƯỚC SỞ

*Hi công nhị thập thất niên (năm 633 trước công nguyên)*

Sở Thành Vương chuẩn bị đánh nước Tống, phái Đấu Cốc Vu Thỗ luyện tập binh sĩ tại đất Khuê (trong huyện Giang Lăng tỉnh Hồ Bắc ngày nay) Đấu Cốc Vu Thỗ để cho Tử Ngọc biểu hiện, cố ý làm ra vẻ miễn cưỡng tác trách, chỉ trong một buổi sáng đã luyện tập xong, đồng thời cũng không trừng phạt một ai cả, lại bảo Tử Ngọc tập luyện binh sĩ tại vùng đất Vi (gần đất Khuê). Luyện tập cả ngày suốt từ sáng đến tối, có sau người bị đánh bằng roi, có ba người bị mũi tên xuyên thủng lỗ tai. Các lão thần đã nghĩ hưu của nước Sở đều đến chúc mừng Đấu Cốc Vu Thỗ, nói rằng ông ta có đôi mắt tài tình, chọn đúng người có tài. Đấu Cốc Vu Thỗ mời họ uống rượu. Vi Cổ lúc bấy giờ còn trẻ, đến sau lại không chúc mừng. Đấu Cốc Vu Thỗ hỏi anh ta tại sao không chúc mừng. Vi Cổ nói với ông ta : “Tôi không biết phải chúc mừng cái gì. Ông đề cử Tử Ngọc thay thế cho lệnh doãn và còn nói rằng : “Đây là vì làm cho quốc gia an định”. Nếu như an định trong nội bộ mà đối ngoại toàn là thất bại, thế thì đạt được cái gì ? Đây phải chăng là cái được không bù lại cho cái mất đi ! Nếu như Tử Ngọc xử lý công việc bên ngoài thất bại, thì đó là do ông đề cử đấy. Người được đề cử đem lại thất bại cho đất nước, thì có gì đáng để chúc mừng ? Tử Ngọc là người cương bạo, không chú ý đến lễ phép, không thể dùng để cai trị nhân dân.



Ông ta thống lĩnh một quân đội gồm 22.500 người và 300 binh xa, có lẽ không thể nào thắng lợi toàn vẹn trở về. Nếu như ông ta thống lĩnh toàn quân thắng lợi trở về thì tôi sẽ đến chúc mừng, cũng không lấy gì làm muộn !”.

Mùa đông, Sở Thành Vương cùng quân đội các nước Trần, Thái, Trịnh, Hứa... bao vây nước Tống. Tống quốc công Thúc Cổ đến nước Tấn báo cáo về nguy cơ của nước Tống. Tấn quốc phu nhân Tiên Chấn nói : “Đền đáp lại công ơn nước Tống tặng ngựa, trừ bỏ tai họa nước Tống bị bao vây, xây dựng uy tín trong chư hầu, củng cố sự nghiệp của nước Tấn đều nằm ở nghĩa cử này !” Hồ Yến nói : “Nước Sở vừa xây dựng được quan hệ với nước Tào, lại vừa lập minh ước hôn nhân với nước Vệ ! Nếu đánh Tào, Vệ, nước Sở nhất định chia quân ra chi viện. Nếu nước Sở chia quân cứu viện Tào, Vệ thì nước Tề, nước Tống sẽ hủy bỏ sự uy hiếp.

Thế là nước Tấn tiến hành cuộc diễn tập quân sự với qui mô lớn tại Bi Lô (đông nam huyện Tân Giang tỉnh Sơn Tây ngày nay), sau đó xây dựng tam quân (ba tập đoàn lớn), suy nghĩ đến việc tuyển chọn người làm nguyên soái. Triệu Suy nói : “Hồ đại phu có thể đảm nhiệm chức vụ nguyên soái của tam quân. Thần thường nghe ông ta nói chuyện. Qua việc nói năng của ông ta biết rằng ông ta rất yêu thích lễ, nhạc và tôn trọng thi, thơ. Thi, thơ là kho báu của nghĩa lý, lễ, nhạc là thước đo đạo đức. Đạo đức và nghĩa lý là cái căn bản và cơ sở của lợi ích. Trong Hạ Thư có một câu như thế này : “Sử dụng một nhân tài, nên nghe theo ý kiến của ông ta. Đem một nhiệm vụ cụ thể giao cho ông ta làm thử, làm cho ông ta có được thử thách rõ ràng. Nếu ông ta có công tích thì tặng thưởng cho ông ta xa mã, trang phục coi đó là thù lao”. Chúa công hãy thử dùng ông ta xem sao. Thế là Tấn Văn Công cử Hồ Cốc làm trung quân thống soái lĩnh trung quân, Hồ

Tần làm trung quân tá để giúp việc cho ông ta. Lệnh cho Hồ Yển làm thượng quân thống soái lĩnh thượng quân, nhưng Hồ Yển để cho Hồ Mao là thượng quân tướng, còn mình thì làm thượng quân tá, giúp việc cho Hồ Mao. Cử Triệu Suy làm Khánh soái lĩnh ba quân, nhưng ông ta lại nhường cho Loan Chi, Tiên Chấn. Sau đó lệnh cho Loan Chi làm hạ quân tướng, soái lĩnh hạ quân đưa Tiên Chuẩn làm hạ quân tá để giúp việc cho Loan Chi. Tuần Lâm phụ đánh xe cho Tấn Văn Công, Ngụy Ngưu làm người bảo vệ.

Tấn Văn Công vừa về nước bèn dạy bảo dân nước Tấn quen thuộc với việc binh, trải qua hai năm, Tấn Văn Công định dùng họ để đánh trận. Hồ Yển nói : “Nước Tấn chúng ta chiến loạn nhiều năm, người dân bình thường chưa phân biệt rõ đúng sai, chưa an cư được, thường dễ rời bỏ quê hương”. Thế là về đối ngoại thì ổn định Vương vị của Chu Tương Vương, đối nội thì ra sức mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân. Có được hai thành tích này, nhân dân dần dần yêu mến sản nghiệp, sống quen rồi không muốn dời đi nơi khác, yên tâm lo kế sinh nhai. Tấn Văn Công lại muốn sử dụng họ vào việc đánh nhau, Hồ Yển nói : “Nhân dân chưa thật hoàn toàn tin tưởng chúa công, chưa hiểu hết dụng ý các việc chúa công làm”. Thế là Tấn Văn Công dừng việc đánh Nguyên (tây bắc huyện Tế Nguyên tỉnh Hà Nam ngày nay) để lấy lòng tin ở nhân dân. Sau đó nhân dân làm ăn buôn bán, coi thường tiền của, không ham nhiều lợi, hiểu rõ khế ước của chúng tín. Tấn Văn Công nói : “Như vậy có thể sử dụng nhân dân vào việc chiến đấu rồi chứ ?” Hồ Yển đáp : “Nhân dân vẫn còn chưa biết rõ lẽ tiết của sự giàu nghèo sang hèn, chưa có lòng cung kính”. Thế là có cuộc diễn tập qui mô lớn để thi phạm về lẽ tiết của sự giàu nghèo sang hèn, bắt đầu thiết lập quan trật lộc để quản lý trật ngạch của tước lộc, điều chỉnh và sắp xếp quan lại trong nước. Nhân dân nghe mệnh lệnh mà không cảm thấy mê

hoặc, sau đó mới dùng họ vào việc chiến đấu. Sau đó làm cho binh lính của nước Sở rút lui khỏi đất Cốc (huyện Đông A, tỉnh Sơn Đông ngày nay) loại bỏ nguy cơ bị vây của nước Tống. Chỉ cần một trận chiến đấu là giành được ngôi bá chủ đó là nhờ Tấn Văn Công giáo hóa nhân dân. Hi công nhị thập bát niên (năm 632 trước công nguyên).

Mùa xuân năm Lỗ Hi Công thứ hai mươi tám, Tấn Văn Công sắp tiến đánh nước Tào cần phải mượn đường Vệ để quân đội đi qua. Nước Vệ không cho phép. Thế là phải đi vòng về phía Nam nước Vệ để vượt qua Hoàng Hà, xâm lược nước Tào. Sau đó quay lại đánh nước Vệ. Ngày 11 tháng giêng quân Tấn chiếm lĩnh vùng Ngũ Lộc của nước Vệ (huyện Bộc Dương, tỉnh Hà Bắc ngày nay).

Tháng hai, trung quân tướng của nước Tấn qua đời, Tiên Chân thăng chức trung quân tướng, Ty Không Quý Tử tiếp nhận chức vụ hạ quân tá của Tiên Chân. Đây là tuyển chọn nhân tài qua phẩm chất đạo đức.

Tấn Văn Công và Tề Chiêu Công định lập minh ước tại Liêm Vu (phía nam huyện Bộc Dương tỉnh Hà Bắc ngày nay). Vệ Thành Công yêu cầu được tham gia liên minh, nhưng nước Tấn không đồng ý. Vệ Thành Công chuyên hướng định liên minh với nước Sở, nhưng nhân dân nước Vệ không bằng lòng. Thế là nhân dân nước Vệ đuổi Thành Công đi để lấy lòng nước Tấn. Vệ Thành Công chạy đến Tương Ngưu (đông nam huyện Bộc, tỉnh Sơn Đông ngày nay).

Nguyên nước Lỗ liên minh với nước Sở, Lỗ Hi Công phái công tử Mãi đi giúp quân Sở đóng giữ nước Vệ, sau đó nước Sở cất binh cứu Vệ không thành công, điều đó tạo nên sự lo sợ của Lỗ Hi Công đối với nước Tấn, thế là giết chết công tử Mãi để lấy lòng nước Tấn, lại còn nói rằng nước Lỗ cử quân lính đi đóng giữ

nước Vệ hoàn toàn là do ý của công tử Mãi. Ngược lại nói với nước Sở rằng : “Công tử Mãi không hoàn thành nhiệm vụ đóng giữ nước Vệ cho nên phải xử tử anh ta”.

Tấn Văn Công xuất quân bao vây nước Tào. Lúc đánh vào cửa thành tổn thất rất nặng nề. Người nước Tào đem xác chết quân Tấn bày ra trong thành. Về việc này Tấn Văn Công hết sức lo lắng, bèn nghe theo mưu kế của nhiều người : “Chúng ta cần đào mộ tổ của người Tào lên, đồng thời hạ trại đóng quân ở đó”. Sau đó quân đội bèn rút đi. Người Tào cảm thấy lo sợ không yên. Họ bèn đem thi thể của quân Tấn mà họ nhặt được bỏ vào quan tài rồi vận chuyển ra khỏi thành mong rằng quân Tấn không đào mộ tổ của họ nữa. Quân Tấn nhân lúc người Tào lo sợ bất yên bèn gấp rút đánh vào thành. Mông 10 tháng ba đánh vào đô thành nước Tào. Thế rồi chất vấn tội trạng của Tào Cộng Công. Việc thứ nhất là tại sao ông ta không nghe lời Hi Phụ Kỵ, việc thứ hai là : Nước Tào là một nước nhỏ trái lại có đến hơn 300 quan lớn ngồi hiên xa. Đồng thời yêu cầu tất cả đại phu giao nộp bàn công trạng, đồng thời ra lệnh không cho phép bất cứ ai đến nơi ở của Hi Phụ Kỵ để quấy rầy, còn ân xá cho những người cùng tộc với Hi Phụ Kỵ. Xem thử bọn đại phu nước Tào này có những công đức gì mà được quan cao bổng lộc nhiều, đó là vì báo đền cái ơn Hi Phụ Kỵ cho cơm. Bởi vì Ngụy Ngư chỉ làm tới chức bao vệ binh xa, Điền Hiệt là một quan nhỏ như hạt mè hạt đậu mà thôi. Cho nên hai người họ bất bình nói : “Chúa công không thèm báo đáp công lao chúng tôi thắp tưng chúa công chạy trốn mà lại đi báo đáp kẻ cơ hội là Hi Phụ Kỵ ?” Bọn họ tức giận quá bèn phóng hỏa đốt nhà ở của Hi Phụ Kỵ. Kết quả Ngụy Ngư làm bóng ngược mình. Tấn Văn Công định giết Ngụy Ngư, nhưng vì còn tiếc tài cán của ông ta nên sai người đi dò xét xem thử ông ta bị thương như thế nào. Nếu bị thương nặng thì đợi sau khi trở về

báo cáo xong sẽ giết chết ông ta. Ngụy Ngưu bâng bó vết thương ở ngực ra hội kiến sứ giả : “Nhờ ơn của chúa thượng, ông xem tôi vẫn bình an đó chứ ?” Tiếp đó nhảy về phía trước ba trăm lần, nhảy lên cao ba trăm lần, biểu thị vết thương không nặng lắm, tình trạng sức khỏe vẫn còn tốt. Tấn Văn Công bèn tha Ngụy Ngưu, chỉ giết Điền Hiệt để thị uy quân lính. Sau đó cử Đan Chi Kiêu thay thế Ngụy Ngưu, đảm nhận chức hộ vệ cho binh xa.

Nước Tống cử đại phu Môn Doãn Ban đến nước Tấn cầu xin cứu viện. Nếu chúng ta khoanh tay làm ngơ, không chú ý đến nước Tống, tất sẽ đoạn tuyệt bang giao với chúng ta. Nhưng nếu chúng ta thỉnh cầu nước Sở lui quân, nước Sở nhất định không đồng ý. Ta muốn đánh nhau với Sở một trận, cứu cho nước Tống thoát khỏi nguy cơ. Nhưng hai nước Tề và Tần cũng không chắc đã giúp đỡ. Ta nên làm sao bây giờ ?” Tiên Chân nói : “Tìm mọi cách làm cho nước Tống không cầu nước ta, mà nên hỏi lộ cho hai nước Tề, Tần, dựa vào hối lộ để hai nước Tề, Tần yêu cầu nước Sở rút quân. Chúng ta nắm lấy quốc quân nước Tào, sau đó chia đất của hai nước Tào, Vệ cho nước Tống. Nước Sở yêu quý bảo vệ hai nước Tào, Vệ, Tất không thể phân chia cho họ. Hai nước Tề, Tần thích sự hối lộ của nước Tống, tức giận sự phản kháng của nước Sở, thì làm sao không tuyên chiến với nước Sở được ?” Tấn Văn Công nghe nói rất lấy làm phấn khởi, nắm chặt lấy quốc quân nước Tào, chia cắt đất đai của hai nước Tào, Vệ rồi dâng cho nước Tống.

Sở Thành Vương tiến vào đất Thân (vùng chung quanh huyện Nam Dương tỉnh Hà Nam ngày nay) mệnh lệnh cho Thân Thúc đưa quân rời khỏi Cốc (tây bắc huyện Cốc Thành tỉnh Hồ Bắc ngày nay), mệnh lệnh cho Tử Ngọc đem quân rời khỏi nước Tống, và nói : “Không nên đuổi theo quân Tấn, chúa công nước

Tấn lưu lạc bên ngoài đã mười chín năm, sau đó mới có được nước Tấn. Trong 19 năm đó ông ta đã nếm trải đủ mùi cay đắng, ông ta biết rõ thật hư của nhân dân. Ông Trời cũng để cho ông ta được sống lâu và quét sạch mọi tai họa của nước Tấn. Ông ta là do Trời lập nên, lẽ nào có thể phế truất được ? Trong quân chí có nói : “Biết dừng ở chỗ vừa phải, không nên thái quá”, lại còn nói : “Biết khó mà thắng nổi, thì cần phải rút lui”, lại nói : “Không nên đối địch với người có đạo đức”. Ba câu nói này dường như là để nói về nước Tấn”. Tử Ngọc sai Đẩu Tiêu thỉnh cầu Sở Thành Vương cho phép ông ta dẫn đầu quân Sở ra trận. Ông ta nói : “Thần không dám nói là sẽ đánh thắng trận, nhưng thần phải bịt miệng những kẻ chuyên nói xấu thần !” Sở Thành Vương rất tức giận về việc Tử Ngọc làm trái ý ông ta, cố ý cho ông ta số binh lính ít hơn. Trên thực tế chỉ có 15 binh xa ở tây Quảng (Quảng : là tên gọi một đơn vị biên chế trong quân đội nước Sở, mỗi “quảng” có 15 binh xa). Quân đội đóng quân nguyên thuộc về thái tử và 600 thân binh đồng tộc của Tử Ngọc thì giao cho Tử Ngọc soái lĩnh.

Tử Ngọc cử đại phu Uyển Xuân nói với quân đội nước Tấn rằng : “Xin các anh hãy để cho quốc quân nước Vệ quay trở về nước Vệ, cùng với quốc quân của nước Tào nắm giữ trở lại việc nước, chúng tôi cũng sẽ giải tỏa sự bao vây đối với nước Tống”. Hồ Yên nghe xong bực tức nói với Tấn Văn Công rằng : “Tử Ngọc thật là coi trời bằng vung, dám to gan vô lễ, chúa quân ta chỉ được lợi một việc, còn ông ta là thần trái lại thu được hai điều lợi. Nên tấn công nước Sở, không nên bỏ qua cơ hội này”. Tiên Chấn khuyên can Hồ Yên rằng : “Ông nên bằng lòng với họ an định đất nước của người khác đó là lẽ, dựa vào cái gì để đi đánh nhau với nước Sở ? Không bằng lòng với đề nghị của nước Sở, đó chính là vứt bỏ nước Tống. Cần cứu Tống mà lại bỏ rơi Tống thì

ăn nói làm sao với các nước chư hầu. Nước Sở làm như vậy thì ba nước hàm ơn, chúng ta làm như vậy thì ba bước oán giận. Oán giận càng nhiều thì làm sao mà đánh nhau với nước Sở được ? Chi bằng lẳng lặng cho phép khôi phục địa vị của quốc quân hai nước Tào, Vệ để cho họ lại cai quản việc nước, ly gián quan hệ đồng minh giữa hai nước với nước Sở, giam giữ chặt Uyển Xuân sứ giả của nước Sở để kích cho nước Sở tức giận. Đợi đến sau khi quyết chiến hãy suy nghĩ đến việc có nên khôi phục địa vị cho quốc quân hai nước Tào, Vệ hay không”. Tấn Văn Công bằng lòng với ý kiến này, bèn giam giữ Uyển Xuân tại nước Vệ, lẳng lặng cho phép khôi phục địa vị của quốc quân hai nước Tào, Vệ. Hai nước Tào, Vệ cắt đứt quan hệ qua lại với nước Sở.

Quả nhiên Tử Ngọc vô cùng tức giận. Quân Sở nhằm về phía quân Tấn chuẩn bị tấn công. Quân Tấn ngược lại rút về phía sau. Một quan lại nhỏ trong quân đội nước Tấn nói rằng : “Quân đội do một quân chủ thống soái mà đi trốn quân đội một thần tử chỉ huy là một điều nhục nhã. Hơn nữa quân đội nước Sở nhiều năm ở bên ngoài đã hết sức rệu rã, mất hết ý chí chiến đấu. Tại sao ta lại phải rút lui để tránh họ ?”. Hồ Yên trả lời rằng : “Quân đội chính nghĩa có lẽ phải không sợ gì cả. Khi vào trận sinh lực tràn trề. Nếu xuất quân đi đánh nước người mà không có lý do, đui lý, sức lực sẽ yếu kém, khi vào trận không có ý chí chiến đấu. Quân đội có đánh nhau được hay không, vấn đề không ở chỗ thời gian quân đội ở bên ngoài dài hay ngắn ! Nếu như lúc đầu chúa quân ta không chịu ân huệ của nước Sở thì cho, thì sẽ không có ngày nay. Rút lui về phía sau, tránh đụng chạm với quân Sở là để trả ơn. Nếu chúng ta không rút lui về phía sau là bội ước lời thề, như vậy chỉ làm cho họ càng cùng chung mối thù, đồng thời khiến chúng ta đui lý, mà họ càng trở nên chính nghĩa. Quân đội của nước Sở xưa nay được cung cấp đầy đủ quân

nhu không thiếu, binh sĩ tinh thần dồi dào không thể nói là họ suy yếu bạc nhược. Nếu như chúng ta rút lui, nước Sở cũng đưa quân về nước, thế thì chúng ta còn đòi hỏi gì nữa ? Nếu như chúng ta rút lui mà họ không về nước, chỉ riêng có quốc quân ta tránh né, mà thần tử của họ phạm thượng, thì đó có nghĩa là họ phi nghĩa". Thế là quân Tấn rút lui về phía sau. Quân đội nước Sở định truy đuổi, nhưng Tử Ngọc không đồng ý.

Mùa hè. Ngày 3 tháng 4, quân đội của Tấn Văn Công, Tổng Thành Công, Tề đại phu Quắc Quý Phụ, Thôi Yên và con út Tần Mục Công đóng quân tại Thành Bộc (đông nam huyện Bộc tỉnh Sơn Đông ngày nay). Quân đội nước Sở đóng quân tại vùng đất phía sau vô cùng hiểm trở (đông nam huyện Bộc tỉnh Sơn Đông ngày nay). Tấn Văn Công vô cùng lo lắng. Bỗng nhiên ông ta nghe mọi người hát rằng : "Trên vùng đất vừa cao vừa bằng phẳng ! Mùa màng tốt tươi, rậm rạp. Hãy nhanh chóng đào bỏ gốc cây cũ, chuẩn bị cấy mạ mới". Khi nghe mọi người hát bài hát này, Tấn Văn Công càng do dự hơn. Hồ Yên thúc giục Tấn Văn Công : "Hãy chiến đấu đi. Nếu như chiến thắng sẽ được các nước chư hầu ủng hộ tôn sùng. Nếu không chiến thắng, đất Tấn ta trong ngoài địa thế hiểm trở thì cũng không có hại gì !" Tấn Văn Công hỏi rằng : "Nhưng còn ân tình của nước Sở đối với chúng ta thì ta sẽ ăn nói làm sao ?" Loan Chi nói : "Những nước thuộc họ Cơ ở bờ bắc Hán Thủy hết nước này đến nước khác bị Sở thôn tính, chúa công chỉ nghĩ đến chút ân huệ của nước Sở đối với chúng ta mà quên mất cái nhục lớn của họ Cơ. Chi bằng quyết chiến với họ". Vào một đêm, Tấn Văn Công nằm mơ thấy mình đánh lộn với Sở Thành Vương. Sở Thành Vương đi lên người mình, còn dùng miệng cắn vào đầu mình nữa. Tấn Văn Công cho rằng đây là điềm báo trước sự thất bại nên cảm thấy lo sợ. Hồ Yên nói với ông ta rằng : "Đây là điềm lành, nằm ở dưới đất nhìn



thấy trời, biểu thị chúng ta được trợ giúp để lên trời. Sở quân đi lên người chúa thượng, mặt nhìn xuống đất, lưng hướng về trời là dấu hiệu nhận tội. Chúng ta cần phải áp dụng chiến thuật lấy mềm mỏng chống lại cứng rắn”.

Tử Ngọc cử Đấu Bọt làm đại diện đi khiêu chiến quân Tấn. Đấu Bọt nói : “Ta muốn mời đội quân của chúa công so tài, cũng mời chúa công leo lên xe xem đấu, Tử Ngọc của chúng tôi cũng sẽ cùng chúa thượng xem đấu”. Tấn Văn Công cử Loan Chi thay mặt mình trả lời Đấu Bọt : “Quả nhân có nghe mệnh lệnh khiêu chiến của các ông. Ân huệ của Sở quân đối với quả nhân (Tấn Văn Công khiêm xưng), quả nhân không bao giờ dám quên, cho nên dừng quân ở đây, không dám tiến lên. Đối với sự rút lui của Tử Ngọc quân Tấn còn không dám chống chọi, càng không dám ngăn chặn quân Sở ! Nay đã không nhận được mệnh lệnh rút quân của các ông, thì nhân đây phiên đại phu báo lại với các tướng quân khác hãy chuẩn bị quân lính của mình, làm việc tận tụy cho quốc quân các người. Sáng sớm ngày mai, mọi người gặp nhau ở chiến trường”.

Quân lính nước Tấn có đến 700 thặng, tổng cộng 52.500 người. Người ngựa đã chuẩn bị đầy đủ. Tấn Văn Công leo lên đồng hoang tàn ở Hữu Tân (bắc huyện Tào tỉnh Sơn Đông ngày nay) để kiểm duyệt quân nước Tấn, sau đó nói rằng : “Người nhỏ tuổi đứng phía trước, người lớn tuổi đứng phía sau, giữ gìn kỷ luật quân đội, biết nhường nhau theo nghi lễ. Có thể đi chiến đấu được. Thế là bèn đồn rất nhiều cây cối, tăng thêm vũ khí đánh trận. Ngày mồng bốn, quân Tấn bày binh bố trận ở phía bắc Thành Bộc, Tư Không Quý Tử dùng quân đội của hạ quân tá chống lại quân đội của hai nước Trần, Thái. Tử Ngọc lấy sáu trăm

người đồng tộc làm thân binh đảm trách trung quân. Tử Ngọc nói : “Hôm nay nhất định phải tiêu diệt quân Tấn”. Đấu Nghi Thân thống soái tả quân, Đấu Bột thống soái hữu quân. Tư Không Quý Tử dùng da hổ che kín thân ngựa, trước tiên đánh vào quân của hai nước Trần, Thái. Quân hai nước Trần, Thái bỏ chạy, sau đó đánh tan hữu quân do Đấu Bột thống soái. Trong việc hành quân thời cổ đại, trung quân là chủ soái, chỉ có trung quân mới được giương cờ lớn hai mặt. Hồ Mao thống soái thượng quân, nhưng ông ta lại cố ý giương cờ hai mặt rút lui về phía sau, làm cho quân Sở của Tử Ngọc tưởng lầm rằng quân Tấn thua chạy, để dụ quân Sở do Hồ Mao thống soái vào sâu. Loan Chi cũng mệnh lệnh cho binh lính hạ quân vác theo cây gỗ giả dò thảo chạy. Tả quân nước Sở do Đấu Nghi Thân thống soái bèn truy kích hạ quân do Loan Chi thống soái. Đúng vào lúc này trung quân và thân binh do Tiên Chân và Khước Tần cầm đầu đánh thọc sườn. Hồ Mao, Hồ Yên lại dùng thượng quân giáp công. Thế là tả quân của Sở đại bại. Kết quả quân đội nước Sở thất bại thảm hại. Tử Ngọc thu trung quân dừng lại không tham chiến nữa, cho nên không bị đánh bại. Quân Tấn nghỉ ngơi ba ngày, ăn lương thực của quân Sở, đến ngày mùng tám đưa quân về nước.

Ngày 29, quân Tấn hành quân đến Hoàn Ung (tây bắc huyện Nguyên Vũ tỉnh Hà Nam ngày nay). Chu Tương Vương nghe nói quân Tấn thu được thắng lợi, đích thân đến ủy lạo. Tấn Văn Công xây dựng cho Chu Tương Vương một sở hành cung tại Tiêu Thố (đông bắc huyện Quảng Vũ tỉnh Hà Nam ngày nay).

Ba tháng trước khi xảy ra chiến dịch này. Trịnh Văn Công đã gửi quân đội nước Trịnh sang nước Sở chuẩn bị đánh nhau với quân Tấn. Lần này bởi vì quân Sở chiến bại, Trịnh Văn Công sợ

nước Tấn trả thù bèn cử Tử Nhân Cửu đến nước Tấn cầu hòa. Nước Tấn lại cử Loan Chi sang nước Trịnh, cùng Trịnh Văn Công kết thành đồng minh. Ngày 11 tháng 5 Tấn Văn Công và Trịnh Văn Công ký kết minh ước tại Hoàn Ung.

Tháng 12, Tấn Văn Công đem tù binh của các nước Trần, Thái, Sở dâng cho Chu Tương Công và gần 400 ngựa có mang giáp, một ngàn bộ binh. Trịnh Văn Công cho Chu Tương Công đảm nhận chức Tư Nghi, ông ta dùng nghi thức mà trước đây Chu Bình Vương tiếp đón Tấn Văn Hầu để tiếp đón Tấn Văn Công. Ngày 14 Chu Tương Vương dùng rượu ngọt khoản đãi Tấn Văn Công, lại khuyên Tấn Văn Công nên uống nhiều một tí. Chu Tương Công lệnh cho các khanh sĩ là Doãn thị, Vương Tử Hồ, nội sử thúc và nội sử phụ dùng sách thư bổ nhiệm Tấn Văn Công làm trưởng các chư hầu. Lại cho Tấn Văn Công trang phụ dùng khi tế lễ và ngự đại xa màu vàng, trang phụ dùng khi đi binh xa, một cái cung màu đỏ, một trăm mũi tên màu đỏ, một cái cung màu đen và một trăm mũi tên màu đen và một bình rượu thơm nấu bằng hắc thủ, cùng với ba trăm dĩnh sī... và tuyên bố rằng : “Vua nói rằng thúc phụ (Chu Tương Vương gọi Tấn Văn Công) là người có thể phục tùng mệnh lệnh Chu Vương một cách cung kính, làm ổn định thiên hạ, sửa chữa những điều không hay cho Chu Vương, thanh trừ bọn xấu”. Tấn Văn Công nhiều lần từ chối, cuối cùng tuân theo lệnh vua và nói : “Trọng Nhĩ mạo muội cúi đầu bái lạy, tiếp nhận sự vĩ đại, quang minh của thiên tử, tiếp nhận lệnh của trời, đồng thời xin phát huy sự vĩ đại quang minh của thiên tử và mệnh lệnh đẹp đẽ”.

Tấn Văn Công tiếp nhận sách mệnh rồi lui ra. Sau đó Tấn Văn Công còn ba lần liên tục triều kiến thiên tử.

Vệ Thành Công nghe nói quân Sở chiến bại, trong lòng cảm thấy lo sợ, bèn bỏ nước Vệ chạy sang nước Sở, sau đó lại đến nước Trần. Ông ta đồng thời cử đại phu Nguyên Huyền đi cùng Vũ Thúc đến Tiền Thỗ tham gia minh hội chư hầu — Ngày 28 tháng 5, Vương Tử Hồ cùng chư hầu các nước Lỗ, Tấn, Tề, Tống, Thái, Trịnh, Vệ ký minh ước tại Vương Đình Tiên Thỗ. Minh ước có nói : “Mọi người đều phù trợ vương thất, không làm hại lẫn nhau. Nếu kẻ nào làm trái lại minh ước thì thần linh sẽ trừng phạt nghiêm khắc, làm cho kẻ đó quân lính tan nát, đất nước không trường thọ được. Cho dù truyền đến con cháu đời sau, bất kể già trẻ, nếu ai đi ngược lại minh ước này cũng đều bị thần linh trừng phạt nghiêm khắc. Quân tử đều cho rằng minh ước này phù hợp với chữ tín. Chiến dịch này của nước Tấn, có thể dựa vào đạo, đức mà đánh trận.

Nguyên là Tử Ngọc của nước Sở dùng hồng ngọc kết liên nhau trên bờm ngựa, dùng hồng ngọc trang sức yên ngựa, nhưng vẫn chưa dùng đến. Trước khi xảy ra chiến tranh Tử Ngọc nằm mơ thấy Hà thần nói với mình : “Người đưa bờm ngựa, yên ngựa trang điểm bằng ngọc cho ta, ta sẽ giao đất Mạnh Chư Trạch (huyện Thương Khưa tỉnh Hà Nam ngày nay) cho người”. Tử Ngọc không nỡ đưa bờm ngựa, yên ngựa trang sức bằng hồng ngọc cho Hà thần. Đâu Nghi Thân và con của Tử Ngọc là Tôn Bá sai Vinh Hoàng đến khuyên can, nhưng Tử Ngọc không nghe. Vinh Hoàng nói : “Chỉ cần có lợi cho đất nước, cho dù có hy sinh tánh mạng cũng không tiếc ? Huống chi là một miếng ngọc ? Hồng ngọc này chỉ là phân là đất, không có một chút giá trị, không làm cho quân đội qua sông được thì có gì là quý giá đâu ?” Tử Ngọc không nghe. Vinh Hoàng trở ra báo với Tôn Bá và Đâu

Nghi Thân : “Không phải là thần linh đánh bại lệnh doãn. Lệnh doãn không dốc lòng vì việc dân, quả là tự mình đánh bại mình vậy.” Đến khi Tử Ngọc thua trận, sứ giả của Sở Thành Vương nói với họ : “Đại phu (chỉ Tử Ngọc) nếu trở về, ông ta sẽ đem nướng hết con em của hai vùng Thân, Túc trên chiến trường. Ông ta sẽ ăn nói làm sao với các bậc phụ lão ở hai vùng Thân, Túc ?” Đấu Nghi Thân và Tôn Bá nói : “Tử Ngọc vốn định tự sát. Hai người chúng tôi can ngăn ông ta, chúa công ta sẽ xử ông”. Đợi khi đi đến Liên Cốc (phía đông huyện Phương Thành tỉnh Hà Nam ngày nay), Tử Ngọc không nhận được mệnh lệnh ân xá của Sở Thành Vương, bèn tự sát. Tấn Văn Công nghe câu chuyện này hơn hờ ra mặt, bèn nói : “Từ đó sẽ không còn ai đối địch với ta nữa”.

## CHỨC CHI VŨ THUYẾT PHỤC NƯỚC TẦN RÚT QUÂN

*Hi công tam thập niên (năm 630 trước công nguyên)*

Tấn Văn Công liên hợp với Tần Mục Công đem quân bao vây nước Trịnh, một trong những nguyên nhân là khi Tấn Văn Công là công tử chạy trốn ra nước ngoài lúc đi ngang qua đất Trịnh, Trịnh Văn Công không tiếp đón ông ta theo nghi lễ. Một nguyên nhân khác là nước Trịnh nhìn thấy nước Sở ngày càng lớn mạnh bèn giao hảo với nước Sở, ăn ở hai lòng với nước Tấn. Quân đội nước Tấn đóng trại tại Hàm Lăng, (bắc huyện Tân Trịnh tỉnh Hà Nam ngày nay). Quân đội nước Tần đóng trại tại phía nam Phiếm Thủy (phía nam huyện Trung Mâu tỉnh Hà Nam ngày nay). Đại phu nước Trịnh là Dật Chi Hồ bẩm báo với Trịnh Văn Công : “Tình thế của nước nhà vô cùng nguy khốn ! Nếu như cử Chúc Chi Vũ đi gặp quốc quân của Tần, quân Tần nhất định sẽ triệt thoái”. Trịnh Văn Công nghe theo lời Dật Chi Hồ bèn cử Chúc Chi Vũ đến nước Tần. Sau khi nhận được mệnh lệnh Chúc Chi Vũ bèn từ chối rằng : “Tôi lúc còn trai trẻ đã không bằng người, nay đã già yếu rồi chẳng làm nên việc gì đâu !”. Trịnh Văn Công nói : “Ta không sớm trọng dụng người, ngày nay tình thế khẩn cấp ta mới mời người ra giúp nước, ấy là cái lỗi của ta đó. Nhưng, nếu nước Trịnh bị diệt vong thì cũng không có lợi cho người”. Thế là Chúc Chi Vũ bèn đồng ý.

Đêm hôm ấy, Nước Trịnh dùng dây buột Chúc Chi Vũ rồi từ

từ thả xuống chân tường. Chúc Chi Vũ nhìn thấy Tần Mục Công bèn nói : “Quân đội nước Tần, nước Tấn liên hợp bao vây nước Trịnh chúng tôi. Chúng tôi cũng biết là sắp bị diệt vong. Nếu như nước Trịnh diệt vong có lợi cho nước Tần các ông thì tôi xin mạo muội lấy việc nước Trịnh diệt vong mà làm phiền chúa công. Nước Tấn nếu vượt qua nước Tấn mà lại lấy đất của nước Trịnh làm biên ấp tôi nghĩ rằng chúa công cũng biết việc ấy là khó khăn. Nói như vậy thì đâu cần phải dùng đến việc tiêu diệt nước Trịnh chúng tôi để làm tăng thêm đất đai của nước Tần ? Đất đai nước Tấn mở rộng ra cũng có nghĩa là đất đai nước Tần thu hẹp lại. Nếu như chúa công chịu nổi tay, không xâm lược nước Trịnh chúng tôi, lúc đó nước Trịnh chúng tôi có thể làm chủ nhân con đường phía đông. Các sứ tiết ngoại giao của nước Tần các ông qua lại Đông, Tây thì chúng tôi có thể cung cấp nơi ăn chốn ở. Như vậy đối với các ông có hại gì ? Và lại Tấn Huệ Công dựa vào lực lượng của nước Tần mới trở về được nước Tấn và ngồi vào vị trí quốc quân. Ông ta nói rằng để đền đáp ân tình của chúa công đối với ông ta nên đã giao cho nước Tần hai vùng Tiêu, Hà (vùng phụ cận huyện Thiểm, tỉnh Hà Nam ngày nay). Nhưng khi ông ta đã qua sông Hoàng Hà trở về nước, liền lập tức xây đắp tường thành, xây dựng các công sự phòng ngự ở Tiêu, Hà. Việc này chúa công biết rất rõ. Nước Tấn ấy chẳng bao giờ thấy thỏa mãn. Nước Tấn đã lấy nước Trịnh làm biên giới phía đông, lại ra sức bành trướng biên giới phía tây. Nếu không lấy đất từ nước Tần, thì lấy đất ở đâu bây giờ ? Tiêu diệt nước Trịnh, làm tổn hại nước Tần làm lợi cho nước Tấn, vậy mong chúa công suy nghĩ kỹ cho việc này”.

Tần Mục Công rất phấn khởi, bèn cùng nước Trịnh ký kết minh ước, đồng thời cử ba đại phu nước Tấn là Kỳ Tử, Phùng

Tôn và Dương Tôn đóng quân lại, để giữ hộ cho nước Trịnh. Sau đó Tần Mục Công trở về nước Tần.

Hồ Yên, đại phu nước Tấn yêu cầu Tấn Văn Công phái binh đi đánh nước Tần. Tấn Văn Công nói : “Không được, nếu không có sự giúp đỡ của Tần Mục Công thì ngày ta cũng không làm được quốc quân của Tấn. Dựa vào lực lượng của người ta, sau khi thành đạt lại đi làm hại người ta, đó là bất nhân. Làm mất đi nước đồng minh đó là thiếu khôn ngoan. Phá hoại sự đoàn kết hợp tác là điều ngu xuẩn. Ta cũng không muốn quay trở về”. Sau đó rời khỏi nước Trịnh.



## TRẬN ĐÁNH GIỮA TẦN VÀ TẤN Ở ĐẤT HÀO

*Hi công tam thập nhị niên (năm 628 trước công nguyên)*

Ngày 11 tháng 12 mùa đông năm Lỗ Hi Công thứ ba mươi hai Tấn Văn Công qua đời. Ngày 12 đưa linh cữu của Tấn Văn Công về quàng ở đất Khúc Ốc (phía đông huyện Quán Hi tỉnh Sơn Đông ngày nay). Khi linh cữu đi ra khỏi cửa thành nước Tấn (đông nam huyện Dục Thành tỉnh Sơn Tây ngày nay) thì trong linh cữu phát ra tiếng kêu to như tiếng trâu rống. Quan thái bosc là Quách Yển nghe được âm mưu bí mật của nước Tần, bèn mượn tiếng kêu phát ra từ linh cữu bảo quần thần quỳ lạy và nói : “Đây là tiên quân dặn dò chúng ta về việc chiến tranh đại sự, quân đội nước Tần ở phía tây sắp vượt qua lãnh thổ của chúng ta. Đến lúc đó công kích chúng nó nhất định sẽ thắng lớn”.

Đại phu nước Tần là Kỳ Tử từ nước Trịnh cử sứ giả về nước báo cáo rằng : “Người Trịnh cử khanh trấn giữ cửa bắc biên cương nước Trịnh, nếu như bí mật xuất quân cộng thêm sự nội ứng của khanh thì sẽ lấy nước Trịnh một cách dễ dàng”. Sau khi nghe những lời này thì đến thăm Kiến Thúc, hỏi suy nghĩ của ông ta về vấn đề này. Kiến Thúc nói : “Đưa quân đội đã mệt mỏi mà tập kích một nơi xa xôi, khanh chưa từng nghe những việc như thế này. Quân đội mệt mỏi rệu rã lại thêm kẻ địch nhất định sẽ phòng thủ trước có lẽ không làm được đâu ? Hành động của quân đội người nước Trịnh nhất định biết được, mệt nhọc vất vả mà không được gì, nhất định sẽ nảy sinh lòng phản nghịch.

Hướng chi mỗi ngày hành quân hàng ngàn dặm, tài nào mà che mắt thiên hạ ?” Tần Mục Công phật ý ra về, lại triệu kiến Mạnh Minh Thị, Tây Khất Thuật, Bạch Ất Bính, cử bọn họ xuất quân, rời khỏi đông môn. Kiến Thúc rơi lệ vì đoàn quân này, đồng thời nói : “Mạnh Minh Thị, ta xem ra đội quân này chỉ có ra đi mà không có trở về”. Sứ giả của Tần Mục Công nói với Kiến Thúc một cách thô bạo : “Ông thì biết cái gì. Nếu ông chỉ sống đến sáu mươi tuổi, thì cây cối trên mộ ông đã to bằng một người ôm rồi, thật là già rồi mà không chịu chết !”.

Con của Kiến Thúc cũng có mặt trong đoàn quân viễn chinh của nước Tần. Kiến Thúc đem địa nước mắt tiễn con : “Quân đội nước Tấn sẽ bố trí phòng ngự tại đất Hào (tây bắc huyện Lạc Ninh tỉnh Hà Nam ngày nay). Đất Hào có hai quả núi thật lớn. Mộ của Quân Cao nằm ở đỉnh núi phía nam. Chu Văn Vương từng tránh mưa gió ở đỉnh núi phía bắc. Nhất định con sẽ bị tử trận giữa hai quả núi này, không khéo ta sẽ nhật xương con ở chỗ đó”. Quân đội nước Tần tiến về phía đông.

*Hi công tam thập tam niên (năm 629 trước công nguyên)*

Mùa xuân năm Hi công thứ ba mươi ba, lúc quân Tần đi ngang qua cửa bắc của kinh đô nước Chu (tây bắc huyện Lạc Dương tỉnh Hà Nam ngày nay) Thượng tã Nhung, Hữu Vệ Thoát, Hạ Thiết Khôi thuộc binh xa quân Tần xuống xe đi bộ để biểu lộ sự tôn kính đối với Chu Tương Vương. Nhưng vừa xuống xe lại leo lên xe, biểu thị sự ngông cuồng vô lễ. Vương tôn Mãn lúc bấy giờ tuy còn nhỏ, nhưng nhìn thấy cảnh tượng này bèn nói với Chu Tương Vương : “Quân đội nước Tần ngông cuồng phóng túng, lại không tuân theo lễ phép, thì xuất quân đánh trận, thất bại là cái chắc. Ngông cuồng phóng túng thì sẽ không có kế hoạch chu đáo cẩn mật được, không tuân theo lễ phép thì sẽ không thể

thận trọng tỉ mỉ được. Hành quân vào nơi hiểm trở mà khinh xuất, lại không có kế hoạch chu đáo tỉ mỉ thì không thất bại sao được ?”.

Quân Tần đến nước Hoạt (phía nam huyện Yên Sư tỉnh Hà Nam ngày nay) thương nhân nước Trịnh là Huyền Cao đang định đến Vương Thành (tây bắc huyện Lạc Dương tỉnh Hà Nam ngày nay) để buôn bán, trên đường đi gặp quân Tần. Thế là Huyền Cao bèn đem bốn tấm da và 12 con bò ủy lạo quân Tần và nói với thống soái quân Tần : “Quốc quân chúng tôi nghe nói quân Tần các ông sẽ đi ngang qua nước Trịnh, chúng tôi mạo muội đến ủy lạo quân đội của các ông. Nước Trịnh chúng tôi tuy không phải là một nước giàu có, nhưng e rằng quân đội các ông phải ngừng lại nên chúng tôi vui lòng cung cấp lương thảo cho các ông. Nếu như quân đội các ông phải xuất phát, chúng tôi nguyện trực đêm bảo vệ cho các ông”, đồng thời sai người vội vàng về nước báo cáo tình hình.

Trịnh Mục Công biết chuyện này, lập tức cử người đi giám sát tình hình quân Tần đang đóng quân ở sứ quán nước Trịnh, phát hiện quân Tần đang sắp xếp hành trang, mài sắc vũ khí, cho ngựa ăn cỏ, có vẻ như đang chuẩn bị hành quân. Thế là Trịnh Mục Công cử Hoàng Vũ Tử thay mặt nước Trịnh đưa Công hàm cho họ và nói rằng : “Các ông dừng lại ở tề quốc rất lâu, có lẽ vì lương thực dùng hàng ngày và các loại nhu phẩm thường dùng đã cạn kiệt, cho nên các ông sắp xếp hành trang chuẩn bị rời khỏi tề quốc. Kỳ thực, hai nước Trịnh, Tần lâu nay vẫn qua lại mật thiết tình hữu nghị sâu đậm. Viên Phố Nguyên Hựu (tây bắc huyện Trung Mâu tỉnh Hà Nam ngày nay) của nước Trịnh, cũng giống như Viên Hựu Cự Phố (phía tây huyện Long, tỉnh Thiểm Tây

ngày nay) của nước Tần, các ông có thể lấy nhu yếu phẩm tại Nguyên Phố để trú quân tại nước Trịnh chúng tôi, các ông xem có được không?”. Bọn Kỷ Tử sứ giả nước Tần nghe xong biết rằng nước Trịnh đã nhìn thấu kế hoạch của họ, cho nên Kỷ Tử bỏ chạy sang nước Tề, Phùng Tôn, Dương Tôn bỏ chạy sang nước Tống.

Mạnh Minh chủ soái quân Tần quan sát tình hình, sau đó nói : “Nước Trịnh có sự chuẩn bị trước, chúng ta không thể làm gì được họ. Chúng ta tiến đánh họ, chưa chắc đã đánh đổ được họ. Nếu như bao vây họ, thì lực lượng phía sau của ta không tiếp ứng kịp, chi bằng rút quân về nước !” Sau đó tiêu diệt nước Hoạt rồi lui quân về nước.

Đại phu nước Tấn Tiên Chấn nói : “Vì lòng tham thôn tính nước Trịnh, nước Tần đã không nghe lời khuyên của Kiến Thúc, làm cho nhân dân vất vả, khổ sở. Đây là cơ hội tốt đẹp mà ông trời ban cho chúng ta. Thiên cơ không thể để mất, kẻ địch không thể buông tha. Buông tha kẻ địch sẽ di hại vô cùng, đi ngược lại thiên cơ là điều không tốt. Nhất định phải tiến đánh quân Tần”. Loan Chi nói : “Chúng ta chưa đền đáp ân huệ của nước Tần đối với chúng ta mà lại tiến đánh quân đội của họ, đây chẳng phải là đã quên tiên quân rồi hay sao ?” Tiên Chấn trả lời rằng : “Nước Tần không đau thương trước việc tang của chúng ta, ngược lại thừa dịp tiến đánh các nước họ Cơ chúng ta, đó là nước Tần không giữ lễ phép, làm gì có ân với huệ ? Ta nghe nói thả lỏng quân địch một ngày thì sẽ tạo nên tai họa cho mấy đời. Chúng ta xuất quân đánh quân Tần, là nghĩ đến con cháu đời sau, sao có thể nói là quên tiên quân được ?”. Thế là ra lệnh động viên, đồng thời cử địch xa truyền lệnh cho Khương Nhung bảo họ động viên

quân đội. Tấn Tương Công lúc bấy giờ mặc tang phục màu đen đích thân cầm quân xuất chinh. Lương Hoàng đánh xe, Lai Câu làm hữu vệ.

Mùa hạ. Ngày mười bốn tháng tư, nước Tấn và liên quân củaa Khương Nhung đánh bại quân Tần ở Hào (phía bắc huyện Lạc Ninh tỉnh Hà Nam ngày nay) bắt Bách Lý Thị, Tây Khất Thuật, Bạch Ất Bính làm tù binh. Người nước Tấn mặc tang phục màu đen đi an táng Tống Văn Công. Từ đó người Tấn mặc quần áo màu đen. Tống Văn Công phu nhân Văn Doanh thỉnh cầu Tương Công phóng thích ba vị tướng quân nước Tần, bà nói : “Ba người này quả thực là những người khiêu khích quân chủ hai nước Tấn, Tần. Quân chủ nước Tấn chúng ta ăn thịt của nước họ mà trong lòng còn không lấy gì làm ngon, hà tất phải tự hạ mình đi trừng phạt bọn họ, chi bằng phóng thích họ về nước, để nước Tần giết họ, để mãn nguyện tấm lòng của Tấn quân ta. Chúa công thấy thế nào ?” Tống Tương Công đồng ý bèn phóng thích bọn họ.

Tiên Chấn lên châu hỏi đến bọn tù nhân nước Tần. Tấn Tương Công nói : “Máu thân của ta thỉnh cầu phóng thích bọn họ, ta đã phóng thích rồi”. Tiên Chấn nổi giận nói : “Trên chiến trường các chiến sĩ phải tốn nhiều công sức mới bắt được bọn họ. Thế mà một người đàn bà trong nháy mắt đã ân xá, phóng thích họ, hủy hoại chiến quả của quân đội, lại làm tăng thêm mối hận thù của kẻ địch. Ngày mất nước không còn xa nữa !” Tiên Chấn vì quá tức giận quên cả lễ nghĩa quân thần, nhổ nước bọt trước mặt Tấn Tương Công.

Sau khi Tấn Tương Công đụng chạm với Tiên Chấn bèn cử

Dương Xứ Phu đuổi theo ba viên tướng nước Tần. Khi đuổi đến Hoàng Hà thì phát hiện ba vị tướng đã ngồi trên thuyền qua sông. Dương Xứ Phu bèn cỡi dây cương con ngựa thảng ở bên trái xe, làm ra vẻ lệnh của Tương Công ban cho Bách Lý Thị, định khi Bách Lý Thị quay lại lấy ngựa thì tóm luôn cả bọn. Bách Lý Thị đập đầu lạy tạ : “Nhờ ân huệ của quốc quân các ông không giết chết một tù binh như ta, dùng máu của ta mà bôi lên trống, đã phóng thích ta về nước, để về nước Tần mà chịu tội tử hình. Nếu như quân chủ của nước Tần chúng tôi xử ta tội chết mà chém đầu ta, thì dù ta có chết đi cũng không quên ân huệ của quân chủ các người. Nếu như, nhờ ơn của quốc quân các ông mà ta thoát khỏi tội chết, ba năm sau ta sẽ quay lại tạ ơn và nhận lãnh tặng vật mà quốc quân các người ban tặng”.

Tần Mục Công mặc quần áo trắng dẫn quần thần ra ngoài ô chờ đón, nhìn thấy quân Tần mà lệ chảy đầm đìa. Mục Công nói : “Ta không nghe theo lời can khuyển của Kiên Thúc, làm cho quân lính chịu nhục nhã. Đây chính là tội lỗi của ta. Ta cũng không ra lệnh đình chỉ việc Bách Lý Thị đem quân đi đánh nước Trịnh. Đây cũng là sai lầm của ta. Các vị đại phu có tội lỗi gì. Hơn nữa, ta cũng không vì những sai lầm bé nhỏ mà che lấp những thành tựu to lớn”.

## NƯỚC TRỊNH BẮT HOA NGUYÊN — ĐẠI PHU NƯỚC TỔNG — LÀM TÙ BINH

*Tuyên Công nhị niên (năm 607 trước công nguyên)*

Mùa xuân năm Lô Tuyên Công thứ hai, Trịnh công tử là Qui Sinh tiếp nhận mệnh lệnh của nước Sở cầm quân Trịnh đi đánh nước Tống. Đại phu nước Tống là Hoa Nguyên, Lữ Nhạc cầm đầu quân đội phòng ngự sự công kích của quân Trịnh. Ngày 10 tháng 2, quân đội hai nước Trịnh, Tống đại chiến tại Đại Cốc (tây bắc huyện Chá Thành, tỉnh Hà Nam ngày nay). Quân Tống đại bại. Quân Trịnh bắt Hoa Nguyên, Lữ Nhạc làm tù binh, đồng thời thu được 400 chiếc binh xa, bắt làm tù binh 250 người, cắt 100 cái tai trái của quân Tống.

Đại phu nước Tống là Cuồng Giáo trên chiến trường gặp binh sĩ nước Trịnh. Binh sĩ nước Trịnh rút xuống giếng, Cuồng Giáo cầm ngược cây kích, cứu người lính đó ra khỏi giếng, kết quả Cuồng Giáo lại bị nước Trịnh bắt làm tù binh.

Người quân tử bình luận về việc Cuồng Giáo bị bắt làm tù binh rằng : “Cuồng Giáo làm sai yêu cầu lúc hành quân, làm trái mệnh lệnh giết giặc. Ông ta bị kẻ địch bắt làm tù binh là chuyện đương nhiên. Trong chiến tranh, hiểu biết, dũng cảm, cương nghị, chấp hành mệnh lệnh đó là “lễ”. Giết giặc là quả cảm, quả cảm giết giặc là “nghị”. Ta không giết giặc, giặc tất giết ta”.

Trước khi Tống, Trịnh đánh nhau, Hoa Nguyên giết dê đãi binh sĩ, nhưng lại không chia cho người đánh xe của ông ta là Dương Châm. Sau đó đến lúc chiến tranh, Dương Châm nói :

“Mấy hôm trước chia thịt dê là ông làm chủ, hôm nay đánh xe là do tôi làm chủ”. Đánh xe đưa Hoa Nguyên vào giữa quân Trịnh, cố ý đánh bại trận.

Người quân tử phê bình rằng : “Dương Chăm không phải là người. Vì thù oán cá nhân mà làm hại nước, hại dân, về mặt hình pháp thì không có tội nào lớn hơn. Trong Kinh thi có câu : “người mất hết lương tâm”, có lẽ để chỉ loại người như Dương Chăm vậy ! Chỉ để thỏa mãn niềm vui nhất thời của cá nhân mà khiến cho nhân dân chịu đau khổ.

Nước Tống dùng 100 chiếc binh xa và 400 ngựa hoa đưa cho nước Trịnh để xin chuộc Hoa Nguyên. Vừa mới chuyển một nửa số ngựa đến nước Trịnh thì Hoa Nguyên trốn thoát về nước Tống. Hoa Nguyên đứng ngoài thành, nói rõ thân thế của mình cho quan lại giữ thành biết, sau đó vào thành. Hoa Nguyên gặp Thúc Tường, Thúc Tường nói : “Có lẽ do ngựa của ngài không nghe theo sự chỉ huy của ngài, mới khiến cho ngài bị bắt làm tù binh”. Hoa Nguyên nói : “Không phải là ngựa không nghe chỉ huy chạy về phía quân Trịnh mà vì có kẻ muốn làm phản ta. Nước Tống chúng ta đã giảng hòa với nước Trịnh, nên ta chạy về”.

Sau đó, nước Tống củng cố thành lũy. Hoa Nguyên làm chủ soái phụ trách việc giám sát theo dõi tình hình thủ công của công trình. Người dân xây thành hát rằng : “Mất to, bụng phệ, vứt áo giáp, đánh bại trận, trốn chạy về. Râu dài, râu rậm, vứt mũ giáp, đánh bại trận, trốn chạy về” Hoa Nguyên sai thị vệ tả hữu đối đáp rằng : “Bò có da bò, con tê giác da càng nhiều hơn, vứt bỏ mũ giáp, không có làm sao cả”. Người dân xây thành lại hát rằng : “Tuy rằng da bò nhiều nhưng đan lại tất không đủ, ông xem phải làm sao ?” Hoa Nguyên nói : “Đi thôi, đi thôi ! Bọn họ người đông, lắm mồm lắm miệng, chúng ta chọi lại không nổi đâu”.



## TỔNG LINH CÔNG KHÔNG THỰC HIỆN ĐẠO LÀM VUA

*Tuyên Công nhị niên (năm 607 trước công nguyên)*

Tổng Linh Công làm vua, nhưng không thực hiện đạo làm vua. Ông ta tăng thuế khóa, dùng tiền đó trang trí bích họa ở trên tường nhà, từ trên lầu cao dùng cung tên bắn vào người ta, để xem người ta tránh đạn như thế nào. Một hôm tể phu (tức là quan chuyên lo việc ăn uống) ninh chân gấu cho ông ta, nhưng ninh chưa được nhừ, ông ta bèn giết chết tể phu, rồi đặt ở trong một cái rọ, cố ý để cho một người phụ nữ dùng xe vận chuyển đi ngang qua triều đình để thị uy quần thần. Triệu Thuần và Sĩ Hội nhìn thấy tay của tể phu, hỏi rõ đầu đuôi câu chuyện và hết sức lo lắng về việc này. Triệu Thuần chuẩn bị đi can ngăn Tổng Linh Công, Sĩ Hội nói : “Nếu như sau khi ông vào can ngăn mà chúa công vẫn không chịu nghe, thì không còn ai có thể khuyên can được nữa. Sĩ Hội tôi sẽ vào khuyên trước, nếu như chúa công không chịu nghe thì sẽ mời ông ra tay” Sĩ Hội đi về phía trước một đoạn, phủ phục xuống đất hành lễ. Tấn Linh Công biết rằng ông ta sẽ vào khuyên can, giả bộ không nhìn thấy. Sĩ Hội đành tiến lên phía trước, lại hành lễ. Linh Công vẫn làm bộ không nhìn thấy. Sĩ Hội lại tiến về phía trước, đến dưới hiên nhà, Linh Công không còn trốn tránh được nữa, đành phải chú ý đến, Linh Công nói trước có ý đe nẹt : “Ta biết sai lầm mà ta phạm phải, cũng chuẩn bị để sửa chữa những sai lầm này”, định ngăn chặn

không cho Sĩ Hội nói. Sĩ Hội vẫn làm lễ rạp đầu (rạp đầu là lễ tiết cung kính nhất của người xưa. Động tác tựa như cúi đầu sát đất, nhưng trước tiên phải lạy, sau đó hai tay giao nhau đặt xuống đất, đầu phủ phục trước hai tay một hồi lâu. Động tác hết sức chậm rãi, sau đó đáp rằng : “Người nào lại không có sai lầm, phạm sai lầm mà biết sửa chữa thì không có việc gì tài giỏi hơn. Trong kinh thi có câu : “Sự việc nào lại không có mở đầu, có thủy có chung mới thật là hiếm”, xem ra người có thể sửa chữa được sai lầm không nhiều lắm. Nếu chúa công có thủy có chung thì đất nước chúng ta sẽ được củng cố, đâu chỉ có bọn thần tử chúng tôi là có thể dựa vào người. Trong kinh thư lại có câu : “Thiên tử có sai lầm, chỉ có Trọng Sơn Phủ có thể bù đắp được”. Điều này có nghĩa là có thể sửa được sai lầm. Nếu chúa công sửa chữa được sai lầm thì chúa công sẽ không mất đi ngôi vua của mình”.

Tấn Linh Công vẫn không sửa chữa sai lầm để trở thành người tốt. Triệu Thuần khuyên can hết lần này đến lần khác. Thế là Tấn Linh Công rất ghét Triệu Thuần, cử đại lực sĩ nước Tấn là Sừ Ngao đi ám sát Triệu Thuần. Trời chưa sáng Sừ Ngao đã ra đi, phát hiện cửa phòng ngủ của Triệu Thuần còn mở, nhìn thấy Triệu Thuần ăn mặc chỉnh tề sắp đi vào triều. Bởi vì trời còn sớm, Triệu Thuần ngồi ngủ gật. Thế là Sừ Ngao bèn lui ra than rằng : “Một người mà lúc nào cũng không quên cung kính, đó là người chủ thực sự của nhân dân. Giết người chủ của nhân dân là bất trung, còn không tuân theo mệnh lệnh của vua là bất tín. Con người sống ở trên đời, nếu phạm một trong hai điều bất trung, bất tín thì sống cũng không bằng chết” Nói xong đập đầu vào cây hòe mà chết.

Tháng chín, mùa thu năm Lỗ Tuyên Công thứ hai, Tấn Linh Công ban cho Triệu Thuần rượu ngon để uống, lại lẳng lặng kêu

võ sĩ mặc áo giáp mai phục, chuẩn bị đâm chết Triệu Thuần. Dũng sĩ của Triệu Thuần là Đê Di Minh phát hiện việc này, bèn vội vàng chạy lên thượng đường nói lớn : “Thần hầu rượu quốc quân, uống quá ba chung là thất lễ” Rồi vội vàng diu Triệu Thuần đi ra. Tấn Linh Công gọi chó săn của ông ta, Đê Di Minh tay không đập chết con chó. Triệu Thuần nói : “Loại bỏ con người để dùng con chó. Chó tuy hung dữ nhưng nào có tác dụng gì ?” Thế là vừa đánh vừa chạy ra bên ngoài. Đê Di Minh lại vì Triệu Thuần mà tử nạn.

Có một lần Triệu Thuần săn bắn ở đầu Sơn (phía nam huyện Vinh Tế, tỉnh Sơn Tây ngày nay) từng ngủ đêm dưới gốc cây dâu, nhìn thấy Linh Triếp vì đói mà ngã bệnh. Hỏi Linh Triếp mắc bệnh gì, Linh Triếp trả lời rằng : “Ba ngày nay không ăn gì cả” Thế là đưa lương thực cho ông ta, Linh Triếp chỉ ăn một nửa. Triệu Thuần hỏi vì sao không ăn hết, Linh Triếp đáp rằng : “Thần đi ra ngoài du học đã ba năm, làm quan sai ba năm, không biết bây giờ mẹ thần có còn sống hay không. Bây giờ cách nhà không xa nữa. Xin để dành nửa phần còn lại cho mẹ thần ăn” Triệu Thuần bảo ông ta cứ ăn hết, đồng thời cho ông ta một giỏ cơm và thịt rồi bỏ vào một cái túi da đưa cho ông ta. Không lâu sau Linh Triếp trở thành dũng sĩ của Tấn Linh Công. Khi Triệu Thuần vừa đánh vừa tháo chạy, Linh Triếp đã quay kích lại chống chọi với thuộc hạ của Linh Công, làm cho Triệu Thuần thoát thân. Triệu Thuần hỏi ông tại sao làm như vậy. Ông ta trả lời : “Thần chính là người đã đói lả ở chỗ bóng râm cây dâu dạo nào”. Triệu Thuần hỏi tiếp tên tuổi và chỗ ở của ông ta. Linh Triếp không nói và cáo từ. Triệu Thuần bèn tháo chạy một mình.

Ngày 27 tháng 9, Triệu Xuyên giết chết Linh Công ở ngay tại vườn đào của Linh Công. Triệu Thuần chưa chạy ra khỏi biên

giới nước Tấn, lại quay trở về. Thái sử nước Tấn (thái sử là tên một chức quan, lo việc ghi chép của quốc gia) là Đồng Hồ viết rằng : “Triệu Thuần giết chết quốc quân của ông ta” rồi đem ra triều đình công bố. Triệu Thuần nói : “Không phải như vậy.” Đồng Hồ đáp rằng : “Ông là chính khanh của một nước (chính khanh, quan chính vụ chủ yếu của một nước), lúc chạy trốn không chạy ra khỏi biên giới, lúc quay trở lại không trừng phạt quốc tặc, thế không phải ông giết chết quốc quân thì còn ai nữa ?” Triệu Thuần than rằng : “Chao ôi ! Ta vì lưu luyến với đất nước, trái lại mang đến cho ta sự buồn phiền. Câu này có lẽ là nói về hoàn cảnh của ta !”

Sau này, khi bình luận về việc này, Khổng Tử có nói : “Đồng Hồ là một sử quan tốt thời cổ đại, viết sách sử không hề có một chút giấu giếm. Triệu Thuần là đại phu tốt thời cổ đại, vì nguyên tắc của sử quan mà mang tội danh giết vua. Điều này cũng thật là đáng tiếc. Nếu như lúc ông ta bỏ chạy, chạy xa đi một chút, vượt qua biên giới của nước Tấn thì có thể tránh được cái tội danh giết vua”.

## VƯƠNG TÔN MÃN TRẢ LỜI SỞ TRANG VƯƠNG VỀ CỬU ĐỈNH

*Tuyên công tam niên (năm 606 trước công nguyên)*

Mùa xuân năm Lỗ Tuyên thứ ba, Sở Trang Vương đánh Lục Hồn Nhung (Lục Hồn Nhung nguyên ở huyện An Tây phía tây, tỉnh Cam Túc ngày nay), sau đó chuyển về phía tây bắc giữa hai nước Tần, Tấn. Lỗ Hi Công năm thứ hai mươi hai (năm 638 trước công nguyên) hai nước Tần, Tấn dụ Lục Hồn Nhung di chuyển đến Y Xuyên (đông bắc huyện Tung, tỉnh Hà Nam ngày nay), thừa thắng đánh thẳng tới lưu vực Lạc Thủy (tức Lạc Thủy tỉnh Hà Nam ngày nay) và triển khai vũ lực trong khu vực Vương Ki Chu thiên tử. Chu Định Vương phái Vương Tôn Mãn đại phu của nước Chu khảo quân Sở. Sở Trang Vương muốn giành lấy đất đai của Chu bèn hỏi Vương Tôn Mãn về trọng lượng và kích thước của cửu đỉnh từ thời vua Vũ truyền lại. Vương Tôn Mãn trả lời Sở Trang Vương rằng : “Được thiên hạ là bởi vì có đức trọng cao cả, được mọi người ngưỡng mộ, chứ không phải ở việc chiếm hữu bảo đỉnh hoặc có vũ khí thần tiên. Trước đây triều Hạ vừa xây dựng đức vọng — đại Vũ Vương, người ở những nơi xa dùng các sản vật quý hiếm của địa phương về thành bản đồ đem đến triều cống, trưởng lão của châu triều cống Kim đồng, sau đó đúc các tô tem hình vật lạ quý báu lên bảo đỉnh. Trên bảo đỉnh có đủ kỳ hình quái trạng làm cho nhân dân biết được quý thần bách vật để mà phòng bị trước. Cho nên nhân dân vào núi, sông lớn, ao hồ, rừng

rậm không bao giờ gặp chuyện không lành, không gặp bất cứ yêu ma quỷ quái nào. Do đó trên thuận dưới hòa, cùng nhận được sự phù hộ của trời. Bởi vì Hạ Kiệt bạo ngược nên quốc gia bị diệt vong, không giữ được cửu đỉnh. Cửu đỉnh được dời đến vương đình triều Thương. Người Thương chiếm giữ các bảo đỉnh này hơn 600 năm, sau đó Thương Trụ bạo ngược vô đạo, những bảo đỉnh này lại thuộc sở hữu người Chu. Nếu như một nước có đạo đức tốt, làm việc thiện, thì dù đỉnh có nhỏ, nhẹ, người khác cũng không tài nào chuyển đi được. Nếu chính trị của một quốc gia hỗn loạn, tà ác thì đỉnh có nặng đến mấy, người khác cũng chuyển đi được. Ông trời ban phước cho những người có đạo đức làm điều thiện, nhưng cũng có thể thu về những vật đã ban thưởng. Chu Thành Vương lấy được cửu đỉnh lúc đặt kinh đô tại Giáp Nhục (huyện Lạc Dương, tỉnh Hà Nam ngày nay), đã xem bói, bói xem Chu Thất có thể truyền được mấy đời ? Quẻ bói báo rằng có thể truyền được ba mươi đời. Hỏi nhà Chu có thể được hưởng phúc trong bao nhiêu năm ? Quẻ bói báo rằng có thể hưởng phúc được 700 năm. Nhà Chu tồn tại được bao lâu là do trời định. Đức Vọng của Chu thiên tử tuy có biểu hiện sa sút, nhưng mệnh trời vẫn không thay đổi. Cửu đỉnh nặng nhẹ to nhỏ, bây giờ chưa phải là lúc hỏi đến”.

## TRẬN ĐÁNH GIỮA TẦN VÀ SỞ Ở VÙNG TẮT

*Tuyên Công thập nhị niên (năm 597 trước công nguyên)*

Tuyên Công năm thứ mười một, nước Trịnh và nước Tấn liên kết với nhau tại Thần Lăng (phía tây nam huyện Hoài Dương, tỉnh Hà Nam ngày nay). Mùa xuân Tuyên Công năm thứ mười hai Sở Trang Vương cầm quân bao vây đô thành nước Trịnh (huyện Tân Trịnh tỉnh Hà Nam ngày nay).

Sau khi bao vây 17 ngày, người Trịnh bói quẻ hỏi về việc cầu hòa với nước Sở, kết quả không lấy gì làm kiết tường cho lắm. Thế là người nước Trịnh khóc lóc cầu khẩn tại miếu tổ, biểu thị quyết tâm quyết tử (cầu tổ tông phù hộ) khiến binh phòng thủ công sự trên mặt thành cũng đều rơi lệ.

Khi Trang Vương cầm đầu quân đội rút về phía sau, người Trịnh vội vàng tu bổ tường thành, Sở Trang Vương lại đem quân đến bao vây. Quân Sở bao vây suốt ba tháng mới đánh chiếm được đô thành nước Trịnh. Quân Sở từ Hoàng môn đánh vào, chiếm cứ đường lớn thông đi các ngã. Trịnh Tương Công cởi áo, để vai trần tay dắt một con dê ra nghênh tiếp Sở Trang Vương và nói : “Ta không được ông trời phù hộ, không thể phục vụ tốt cho Sở quân, xúc phạm đến Sở quân, khiến Sở quân tức giận làm liên lụy đến đất nước. Đây là tội lỗi của ta, ta đâu dám không vâng lời ! Cho dù bắt ta làm tù binh đến Giang Nam cư ngụ tại vùng hoang vu bên bờ biển, ta cũng chấp nhận. Nếu chia cắt nước Trịnh cho chư

hầu, khiến nhân dân nước Trịnh thần thiếp nô tỳ, ta cũng phải nghe theo. Nếu như Người còn nghĩ đến tình hữu hảo giữa chúng ta từ trước, chịu cầu phúc cho con cháu của Lịch Vương, Tuyên Vương, Trịnh quốc Hằng Công, Tuyên Công... không tiêu diệt đất nước của họ, làm cho nước Trịnh ngang hàng với địa vị của cửu huyện, có dịp phụng sự Sở Vương, thì đó là đại ân đại đức của Người, cũng là tâm nguyện của ta. ta không dám có một nguyện vọng viển vông nào khác, chỉ xin nói với Người những lời xuất phát tự đáy lòng. Tất cả, tất cả xin Người định đoạt”.

Những người xung quanh Sở Trang Vương nói : “Không thể thỏa mãn yêu cầu của ông ta. Đã lấy được đất nước của người ta, thì không thể nào tha tội !” Sở Trang Vương nói : “Quốc quân của nước Trịnh có thể đặt mình dưới người khác, nhất định được sự tín nhiệm của nhân dân ông ta, cũng có thể sai khiến nhân dân của ông ta ! Làm sao lại có thể có dã tâm quá đáng đối với nước Trịnh ?” Quân Sở lui về phía sau 30 dặm và đồng ý giảng hòa với nước Trịnh.

Đại phu nước Sở Phàn đi sứ sang nước Trịnh ký kết minh ước, nước Trịnh phái công tử Khứ Tật đến nước Sở làm con tin.

Mùa Hạ. Tháng sáu. Quân đội Tấn chuẩn bị giải cứu nước Trịnh. Tuân Lâm Phụ soái lĩnh trung quân, Tiên Học làm trung quân tả. Sĩ Huệ soái lĩnh thượng quân, Khước Khắc làm thượng quân tả, Triệu Sóc soái lĩnh hạ quân, Loan Thư làm hạ quân tả, Triệu Quát, Triệu Anh làm trung quân đại phu, Cung Sóc, Hàn Xuyên làm thượng quân đại phu. Tuân Thủ, Triệu Đồng làm hạ quân đại phu, Hàn Khuyết làm tư mã.

Quân Tấn đến bờ sông Hoàng Hà nghe nói nước Trịnh đã



giảng hòa với nước Sở. Tuân Lâm Phụ định quay trở về, bèn nói : “Cứu Trịnh không còn kịp nữa, chi bằng quay trở về, nếu như bây giờ đuổi đến nước Trịnh thì chỉ làm mệt nhân dân và tổn công của mà thôi. Thế thì làm gì ? Đợi quân Sở đem quân về nước, chúng ta lại dấy binh hành động, cũng không lấy gì làm muộn” Sĩ Huệ cũng nói : “Ý kiến hay ! Ta nghe nói dụng binh phải xem xét thời cơ mà hành động. Ân đức hình phạt, chính trị, điển lễ không thay đổi thì không thể thù địch với họ được, cũng không thể đi đánh một đất nước như vậy. Người nước Sở đánh người nước Trịnh là bởi vì phần nộ việc nước Trịnh ăn ở hai lòng đối với nước Sở, ngược lại thương hại người dân nước Trịnh thế thọt khúm núm. Lúc nước Trịnh bội phản minh ước, nước Sở liền cử quân đội đi đánh. Sau khi nước Trịnh nhận tội, nước Sở lại tha tội cho nước Trịnh. Như vậy đã gây dựng nên ân đức và hình phạt của nước Sở. Đánh kẻ phản nghịch là thể hiện hình phạt của một quốc gia, dùng biện pháp mềm mỏng mà đối xử với một nước đã nhận tội, đó là biểu hiện ân đức của một quốc gia. Ân đức và hình phạt của nước Sở đã được xây dựng. Năm ngoái nước Sở tiến quân vào nước Trần, nay lại tiến quân vào nước Trịnh, nhân dân không cảm thấy mệt mỏi. Sở quân cũng không bị phi báng. Nên chính trị của họ đã đi vào quỹ đạo. Nước Sở bố trí thế trận xong xuôi, công nông thương nghiệp các ngành các giới làm việc không ngừng. Binh lính trên chiến xa chung sống hòa thuận lại không ai phạm pháp hoặc làm gián điệp. Tôn Thúc Ngao nắm chính trị nước Sở, nghiên ngấm pháp lệnh, chính điển cổ đại của nước Sở. Quân Sở đánh trận lấy binh xa làm chủ lực. Lúc hành quân, binh sĩ nguyên đi sau binh xa lập tức phân ra hai bên binh xa chuẩn bị sẵn sàng. Tả quân phụ trách bổ sung lực lượng cung

cấp lương thảo, xây dựng doanh trại. Lính gác thì trình sát dịch tinh, lấy cờ lau kèm ám hiệu, toàn bộ im lặng như tờ. Còn trung quân cân nhắc đại cục, chỉ huy toàn quân. Hậu quân toàn là tinh binh, giành thắng lợi cuối cùng có ý nghĩa quyết định. Bất kể quân đội nhiều hay ít đều hành động theo kỳ ngữ căn cứ vào các loại tô tem có hình chim thú, không đợi chủ soái hạ lệnh, binh sĩ nâng cao tinh thần cảnh giác, có phòng bị trước. Tôn Thúc Ngao quả có tài xây dựng các chế độ. Quân chủ nước Sở sử dụng nhân tài, phạm là những người có tài trong họ thì cất nhắc từ thân tộc của quốc quân, phạm những người có tài năng mà khác họ thì tuyển dụng từ trong cựu thân. Dùng người không để sót người có đức, ban thưởng tước lộc không để sót người có công. Người già cả được ưu đãi, người qua đường được bố thí. Quần áo đồ dùng hàng ngày, căn cứ theo tôn ty địa vị, có chế độ đẳng cấp nhất định. Quý tộc có địa vị cao thường giữ sự tôn nghiêm của họ, người dân có địa vị thấp cũng có những nghi lễ phù hợp với thân phận của họ, không cho phép bất cứ ai tùy ý lăng nhục. Đây quả thật là tuân thủ lễ số, không làm việc trái với lễ nghĩa. Làm việc theo lễ nghĩa, làm sao lại có thể đối địch với một quốc gia như vậy ? Nhìn thấy cơ hội có thể tận dụng được bèn đem quân tấn công. Biết khó thắng nổi thì cho quân rút lui, đó là sách lược tốt khi cầm quân đánh trận. Thôn tính những nước nhược tiểu kém phát triển, tấn công những nước chính trị hỗn loạn, đây cũng là nguyên tắc dụng binh tốt. Nếu các người chinh đốn quân ngũ vũ khí sẵn sàng, các nước nhược tiểu kém phát triển có nền chính trị hỗn loạn nhiều vô kể, hà tất phải đánh nhau một trận với nước Sở mới hả dạ.

Tả tương trong Trọng Hủy, Thương Thang có câu nói rằng :  
“Có thể dùng lực lượng mạnh để chiếm lấy đất nước loạn lạc

không yên, có thể lấy sức mạnh để làm nhục những nước kém phát triển”. Điều đó có nghĩa là có thể thôn tính các nước nhược tiểu, kém phát triển. Trong thơ chúc rượu cũng có câu : “Quân đội Vũ Vương hùng mạnh, nắm lấy thời cơ đánh chiếm nước mê muội đó”. Đây là nói có thể đánh chiếm những nước có nền chính trị hỗn loạn. Vũ thi có câu nói rằng Vũ Vương “Công tích to lớn, khó ai bì kịp” Đây có nghĩa là nói làm yên lòng các nước nhược tiểu, tấn công các nước mê muội để xây dựng sự nghiệp là có thể làm được. Tiên Học Khê cho rằng như vậy, bèn nói : “Không có thể chỉ cầu mong sự nghiệp công lao mà không từ bất cứ thủ đoạn nào, thừa dịp người khác gặp nguy khốn để thôn tính các nước nhược tiểu. Nước Tấn chúng ta sở dĩ xưng bá là bởi vì quân đội dũng cảm thiện chiến, bởi vì thần dân làm hết trách nhiệm của mình. Ngày nay nước bảo hộ cho chúng ta bị quân Sở chiếm lĩnh, không thể nói là thần dân của chúng ta đã làm tròn trách nhiệm. Có địch mà không truy đuổi thì không thể nói quân đội của chúng ta cũng cảm thiện chiến được. Nếu nước Tấn chúng ta mất đi địa vị bá chủ thì còn mặt mũi nào mà nhìn tổ tông để nói với con cháu, chỉ bằng chết quách đi cho xong. Huống hồ soái lĩnh quân đội được huấn luyện kỹ lưỡng ra khỏi nước Tấn, mới chỉ nghe nói quân địch lớn mạnh bèn rút quân về nước thì chẳng phải là bậc trượng phu, đáng nam nhi mà chỉ là miếng đậu hủ nát. Ra lệnh cho chúng tôi thống soái quân đội, kết quả mọi hành động của chúng ta không phải là việc mà đáng trượng phu nên làm. Các ông làm được như thế chứ tôi không làm được”. Thế là Tiên Học soái lĩnh quân đội của trung quân tả vượt qua Hoàng Hà.

Tuân Thủ nói rằng : “Quân đội của trung quân tả ra đi như

thế này dữ nhiều lành ít ! Chu dịch có nói như thế này : quẻ “sư” biến thành quẻ “lâm”, từ “địa ☷☷, thủy ☵☵, sư ☶☵☵” biến thành “địa, trạch ☶☶, lâm ☶☵☵”, từ “thủy ☵☵” thành “trạch ☶☶”. Quẻ “sư” ngày mồng sáu nói rằng : “sư xuất dĩ luật, phủ tàng hung” điều này có nghĩa là quân đội xuất phát đi đánh trận cần phải có kỷ luật, nếu không có kỷ luật thì sẽ nguy hiểm. Bất kỳ một việc gì nếu làm tuân theo đạo lý thì sẽ có kết quả tốt, nếu làm ngược đạo lý thì sẽ không có kết quả tốt. Quẻ “sư” biến thành quẻ “lâm” từ “địa, thủy, sư” biến thành “địa, trạch, lâm”, từ “khảm” thành “đoài”. “Khảm” là tượng trưng cho đông người, “đoài” là tượng trưng cho mềm yếu, chính là tượng trưng cho tấm lòng của quần chúng ly tán, lực lượng trở nên mềm yếu. “Khảm” cũng là tượng trưng cho sông nước. “Đoài” là tượng trưng cho ao hồ, từ “khảm” biến thành “thủy”, đồng thời cũng tượng trưng cho sông nước dồn tụ thành ao hồ, vốn là sông nước thuận lợi cho việc hành quân, biến thành đầm lầy khó xoay trở. Kỷ luật có nghĩa là mỗi người phải đứng vững ở vị trí của mình, làm hết trách nhiệm, không vượt quá phận sự, làm những việc thuộc phận sự của mình. Làm hỏng kỷ luật là không tốt. Dòng nước chảy từ tràn trề trở nên khô cạn, vì ngưng đọng mà không khai thông nó, cho nên mới gặp nguy hiểm. Làm không trôi chảy gọi là “lâm”, có mệnh lệnh của chủ soái mà không phục tùng, thì còn có việc nào tồi tệ hơn ? Việc trưng quân tả cầm quân xuất chinh rất phù hợp với tình hình này. Nếu gặp kẻ địch mà bị thất bại thì Tiên Học cũng sẽ chịu tai họa. Cho dù ông ta gặp may thoát nạn trở về nước, cũng nhất định sẽ có tội lớn”.

Hàn Quyết nói với Tuân Lâm Phụ : “Tiên Học không chú ý đến toàn cục, tập quân do Tiên Học soái lĩnh gặp phải thất bại,

thì tội của ông không nhẹ đâu ! Ông là nguyên soái quân Tấn, trong quân đội có người không nghe theo mệnh lệnh của ông, đây là tội lỗi của ai ? Tội vứt bỏ nước phụ thuộc làm tiêu tan quân đội là rất nặng. Theo tôi cứ ra lệnh tiến công đi ! Nếu như đánh trận, mà không thể đánh thắng, mỗi người gánh trên vai một phần trách nhiệm. Để cho một người gánh vác hết mọi tội lỗi, chi bằng để sáu người cùng gánh chịu, chẳng phải là tốt hơn không ?” Thế là, tất cả quân đội nước Tấn vượt qua Hoàng Hà, tiến thẳng đến chiến trường nước Trịnh.

Quân đội của Sở Trang Vương tiến về phía bắc, đến vùng Duyên (đông huyện Trịnh, tỉnh Hà Nam ngày nay). Đại phu nước Sở là Thẩm Doãn soái lĩnh trung quân, công tử Anh Tề soái lĩnh tả quân, Tử Phán soái lĩnh hữu quân, bọn họ dự định đánh đến bên Hoàng Hà mới gióng trống thu quân, rút lui về nước. Khi quân Sở nghe quân Tấn đã vượt Hoàng Hà, Sở Trang Vương định rút quân về nước, nhưng sủng thần của ông ta là Ngũ Tham hy vọng khai chiến. Lệnh Doãn Tôn Thúc Ngao cũng không muốn tiếp tục đánh nhau với Tấn, bèn nói : “Mấy năm trước chúng ta tiến quân vào nước Trần, năm nay chúng ta tiến quân vào nước Trịnh, quân đội của chúng ta đánh trận không phải là ít, nếu như đánh không thắng, thịt của Ngũ Tham có thể để cho binh lính ăn no không ?” Ngũ Tham nói : “Nếu như chúng ta thắng trận, thì Tôn Thúc Ngao là kẻ sĩ vô mưu. Nếu như chúng ta đánh không thắng, thịt của Ngũ Tham này sẽ mang đến nước Tấn, các ông có còn ăn được hay không ?” Tôn Thúc Ngao không nghe, hạ lệnh binh xa quay đầu hành quân về phía nam, cũng quay quân kỳ về phía khác. Ngũ Tham vội vàng nói với Trang Vương : “Nguyên soái mới được bổ nhiệm của nước Tấn quá trình chiến đấu ngắn

ngủ, uy tín chưa đủ, cho nên mệnh lệnh không được truyền xuống dưới. Trung quân tả Khước Cốc vừa mới được tin dùng lại, vừa không thương xót binh sĩ, vừa không chịu tuân theo mệnh lệnh. Thống soái tam quân thượng, trung, hạ của họ mỗi người một phách, không ai có thể làm chủ được. Dù binh sĩ quân Tấn muốn tuân theo mệnh lệnh, nhưng thống soái tối cao của họ bất lực không khống chế được thuộc hạ, khi các tướng phát ra mệnh lệnh, mạnh ai nấy chạy thì làm sao nói năng với đất nước ?” Sở Trang Vương thấy được nỗi nhục nhã của một quốc quân đi trốn tránh một thần tử, thế là bảo với lệnh doãn Tôn Thúc Ngao đổi lại hướng hành quân của binh xa, tiến quân về phía bắc. Quân Sở đóng doanh trại tại vùng Quán (phía bắc huyện Trịnh tỉnh Hà Nam ngày nay) đợi quân Tấn đến.

Quân Tấn đóng quân phòng thủ tại Ngao Sơn, Cao Sơn (vùng phụ cận huyện Quảng Vũ, tỉnh Hà Nam ngày nay, Ngao Sơn cách huyện 15 dặm về phía bắc, Cao Sơn ở phía nam).

Hoàng Thú nước Trịnh được phái đến nước Tấn, nói với quân Tấn : “Nước Trịnh thuận theo nước Sở đó là kế nhất thời để bảo toàn nước Trịnh. Nước Trịnh quyết không ăn ở hai lòng với nước Tấn, vẫn trước sau như một. Quân Sở thắng trận đâm ra kiêu ngạo, quân đội của họ bây giờ không còn khí thế, thiếu tinh thần cảnh giác. Quân Tấn các ông nên xuất kích trước, quân đội nước Trịnh sẽ hưởng ứng theo, làm như vậy quân Sở tất sẽ thất bại là chuyện hiển nhiên”. Tiên Hộc vội vàng nói : “Đánh đổ nước Sở khôi phục nước Trịnh, là đúng lúc này đây ! Nhất định phải đáp ứng thỉnh cầu của nước Trịnh”. Loan Thư nói : “Nước Sở từ khi tiêu diệt nước Dung (huyện Trúc Sơn, tỉnh Hồ Bắc ngày nay) đến nay, quốc quân của họ cai trị nhân dân không ngày nào mà

không dạy bảo họ rằng : Nhân dân sống khó khăn, phải hết sức cẩn thận không chừng một lúc nào đó tai họa sẽ ập đến, bất cứ lúc nào cũng phải đề phòng cẩn thận, không được lơ lỏng. Vua Sở cai trị quân đội không ngày nào là không bảo cho họ biết : Thành quả của thắng lợi không thể giữ được lâu dài. Trụ Vương đời Thương có đến hàng trăm lần chiến thắng, kết quả cũng mất nước và không có người nối dõi. Vua Sở kể cho dân Sở nghe tin thần càn cù tiết kiệm của tổ tiên họ là Nhược Ngao, Mạo đi xe thô sơ, bận quần áo rách để mở mang núi rừng, khai phá đồng hoang. Đồng thời còn có châm ngôn “Sinh kế của con người là ở chỗ càn cù tiết kiệm”. Biết càn cù tiết kiệm thì sinh kế sẽ không thiếu thốn. Như vậy không thể nói là họ kiêu ngạo. Đại phu Hồ Yển từng nói : “Quân đội lên đường đánh trận, lý lẽ chính đáng thì chí chiến đấu tràn trề, không hợp đạo lý thì sĩ khí uể oải”. Ngày nay chúng ta không có đức hạnh, gây oán cho nước Sở, khiến cho nước ta trở nên phi nghĩa, còn nước Sở lại là chính nghĩa. Chúng ta không thể nói tinh thần quân Sở uể oải chán chường. Binh xa của họ chia thành hai “quảng” mỗi “quảng” có 15 binh xa. Mỗi một binh xa có ba quân sĩ và 72 bộ binh. Mỗi “quảng” 15 “thăng” tất cả là 1.125 người. Ngoài ra mỗi “quảng” còn có một trăm người (gọi là một “tốt”) làm quân hậu bị. Mỗi một “tốt” lại có một “thiên” (50 người) và một “lượng” (25 người) làm lực lượng dự phòng. Hữu quảng bắt đầu từ lúc gà gáy đã cho xe xuất phát đi mãi đến giữa trưa mới dừng lại, sau đó tả quảng tiếp nhận thay thế, đi tiếp cho đến lúc mặt trời lặn mới thôi. Vệ sĩ xung quanh quốc quân căn cứ vào sự sắp xếp thay nhau trực đêm bảo vệ để đề phòng bất trắc. Điều này cho thấy rằng quân Sở không hề buông lỏng cảnh giới. Tử Lương là hiền nhân của nước

Trịnh, Phan Ưông là người nước Sở sùng bái. Phan Ưông đến nước Trịnh để ký kết minh ước, Tử Lương lại qua nước Sở làm con tin, từ đó quan hệ giữa nước Sở và nước Trịnh thêm mật thiết. Bây giờ Hoàng Thú đến khuyên chúng ta đánh nhau với nước Sở, nếu chúng ta chiến thắng, bọn họ sẽ đến nhờ vả ta, nếu như chúng ta thất bại họ sẽ đến nhờ vả nước Sở. Sứ giả nước Trịnh chẳng qua là thăm dò chúng ta, xem chúng ta phản ứng ra làm sao. Không thể nghe lời của sứ giả nước Trịnh” Triệu Quát, Triệu Đồng nói : “Từ ngày cầm quân đến nay, suốt ngày lung sục tìm kiếm kẻ địch. Nếu như chúng ta thắng lợi, thì sẽ lấy nước Trịnh làm nước phụ thuộc, còn đợi gì nữa ? Nhất định phải nghe theo lời của Tiên Học”. Tuân Thủ nói : “Triệu Nguyên, Triệu Quát là những kẻ gây ra tai họa”. Triệu Sóc nói : “Loan Thư nói rất đúng ! Thực hiện lời nói của ông ta, nhất định sẽ cầm quyền ở nước Tấn”.

Quan thiếu tể nước Sở đến chỗ quân Tấn nói rằng : “Quốc quân chúng tôi lúc thiếu thời chẳng may gặp phải cảnh ngộ đau buồn khốn khổ, không giỏi về ăn nói. Người thường nghe nói hai vị tiên quân nước Sở là Thành Vương và Mục Vương thường qua lại con đường chinh phạt nước Trịnh này, mục đích là khai hóa nước Trịnh, làm cho nước Trịnh ổn định, đâu dám đắc tội với nước Tấn ? Xin các ông chớ dừng chân ở đây lâu”. Sĩ Huệ trả lời rằng : “Trước đây Chu Bình Vương bổ nhiệm Văn Hầu tiên quân của nước Tấn chúng tôi, có nói rằng : “Nước Tấn và nước Trịnh cùng nhau phò trợ Chu Vương thất, không thể bỏ qua mệnh lệnh của vua mà không thèm để ý đến. Bây giờ đây nước Trịnh không tuân theo mệnh lệnh của vua, quốc quân của chúng tôi sai quân thần chúng tôi đến nước Trịnh để dò hỏi, không hề có ý định đánh nhau với quý quốc, làm sao dám coi thường lính gác của các



ông đến trình sát tình hình quân đội của chúng tôi”. Tiên Hộc cảm thấy lời nói của Sĩ Huệ quá nhún nhường, có vẻ nịnh hót, bèn cử sứ giả đuổi theo quân thiếu tể nước Sở đánh chính rằng : “Đại diện ngoại giao của chúng tôi đã nói sai. Quốc quân chúng tôi ra lệnh quần thần triệt bỏ hành động của người quý quốc tại nước Trịnh, đồng thời còn ra lệnh cho quần thần không được trốn tránh kẻ địch. Quần thần chúng tôi không có cách nào trốn tránh mệnh lệnh của quốc quân chúng tôi”.

Sở Thành Vương lại cử sứ giả đến chỗ quân Tấn để cầu hòa. Người Tấn chấp nhận, đồng thời qui định ngày giờ làm lễ ăn thề. Đại phu nước Sở Nhạc Bá đi xe bên trái, Hứa Bá đánh xe, Nhiếp Thúc làm hữu vệ đến trận tiền quân Tấn để khiêu chiến, lại bày ra thế trận giả, biểu thị không muốn cầu hòa. Hứa Bá nói : “Tôi nghe nói rằng đến trước trận tiền quân địch để khiêu chiến, là một người điều khiển quân xa, phải nhanh chóng cho xe tiếp cận trận địa của quân địch, giơ nghiêng quân kỳ để quân kỳ chạm vào thành lũy quân địch rồi sau đó quay trở lại”. Nhạc Bá nói : “Tôi nghe nói đến trước trận tiền quân địch để khiêu chiến, xa tả phải bắn tên, thay người lái xa cầm cương để người lái xe xuống xe sắp xếp lại đội hình ngựa cho chỉnh tề, điều chỉnh lại dây cương rồi quay trở lại”. Nhiếp Thúc nói : “Tôi nghe nói đến trước trận tiền quân địch khiêu chiến, người làm hữu vệ cần phải xông vào thành lũy của quân địch, giết chết một tên địch, cắt tai trái của nó đồng thời bắt cho được một tù binh, rồi quay trở lại”. Ba người này căn cứ vào những điều họ nghe nói về cách thức khiêu khích quân địch, làm thử một lần, sau đó quay trở lại.

Quân Tấn bèn đuổi theo họ, đánh giáp công từ nai bên. Nhạc Bá từ bên trái bắn vào ngựa, từ bên phải bắn vào người. Người đánh giáp công không tiến lên được, kết quả chỉ còn lại

một mũi tên. Bỗng nhiên từ phía trước xe xuất hiện một con mi lộc, Nhạc Bá gương cung bắn, liền bắn trúng vào xương sườn của nó. Bao Quý của nước Tấn đang chạy đuổi theo xe của bọn họ, Nhạc Bá lệnh cho Nhiếp Thúc dâng con mi lộc này cho Bao Quý. Lúc dâng mi lộc, Nhiếp Thúc nói rằng : “Hiện nay chưa đến mùa săn bắn, những cầm thú để cống nạp lên trên chưa có, đành mạo muội dùng mi lộc để ủy lạo bộ hạ của ông, gọi là chút lòng thành”. Bao Quý ra lệnh cho những lính Tấn cùng ông ta truy đuổi dừng lại, đồng thời nói rằng : “Xa tá của quân Sở bắn rất chính xác, xa hữu lại biết ăn nói, đều là người quân tử”. Rồi thôi không truy kích nữa.

Nguy Kỳ của nước Tấn yêu cầu được làm quan đại phu, nhưng không được, bèn ân hận trong lòng, muốn cho quân Tấn thất bại. Thế là Nguy Kỳ yêu cầu được đến trận tiền quân Sở để khiêu chiến, quân Tấn không chịu. Ông ta xin đi sứ sang nước Sở thì được đồng ý. Ông ta bèn đi đến chỗ quân Sở, nhưng ông lại thay mặt quân Tấn để khiêu chiến với quân Sở. Sau đó quay về. Phan Đẳng người nước Sở đem quân đuổi theo, đuổi một mạch đến tận Huỳnh Trạch (huyện Quảng Vũ tỉnh Hà Nam ngày nay). Nguy Kỳ nhìn thấy sáu con mi lộc, liền bắn lấy một con, rồi quay lại dâng cho Phan Đẳng và nói rằng : “Ông sắp có hành động quân sự. Người quản lý súc vật e rằng không cung cấp đủ thịt tươi cho quân đội. Tôi mạo muội dâng con mi lộc này cho ông !” Phan Đẳng hạ lệnh không đuổi theo Nguy Kỳ nữa.

Triệu Chiên của nước Tấn yêu cầu làm quan khanh, nhưng không thành công, trong lòng không lấy gì làm vui vẻ, lại thấy vô cùng bức tức khi nhìn thấy không bắt được mấy người Sở đến chiêu khích mà vẫn để cho họ tháo chạy. Vì thế ông ta yêu cầu được đến trận tiền của quân Sở để khiêu chiến, nhưng không

được chấp nhận. Ông ta yêu cầu triệu tập đại hội các chư hầu. Được chấp thuận. Ông và Ngụy Kì lần lượt nhận mệnh lệnh đến nước Sở để triệu tập minh hội.

Khước Khắc nói : “Một người bất mãn đã đi rồi ! Nếu không tăng cường phòng bị thì nhất định sẽ nếm mùi thất bại”. Tiên Hộc nói : “Người nước Trịnh yêu cầu chúng ta giúp họ đánh giặc, chúng ta lại không dám nghe lời họ. Người nước Sở đến cầu hòa với chúng ta, chúng ta lại không thực hiện cho tốt. Chúng ta xuất quân đánh giặc, ý đồ luôn luôn thay đổi, mệnh lệnh trước sau không thống nhất. Cho dù tăng cường phòng bị trên thực tế cũng không có tác dụng gì !” Sĩ Huệ nói : “Có phòng bị trước vẫn hơn. Nếu như hai người đó khiêu khích hay ly gián sẽ làm cho nước Sở phản nộ, nước Sở sẽ thừa cơ đến đánh chúng ta, thì chúng ta sẽ lập tức bị tiêu diệt. Chi bằng cứ phòng bị trước là hơn. Nếu như nước Sở không có ác ý, chúng ta sẽ giải trừ trang bị cùng họ ký minh ước. Việc này sẽ không gây nên một tổn thất nào cho sự kết giao giữa hai nước. Nếu nước Sở không nhận mà quay ra đánh ta, có chuẩn bị trước sẽ không bị thất bại. Huống hồ chư hầu gặp mặt vệ binh không rút lui, đó là vì phải làm nhiệm vụ cảnh giới”. Tiên Hộc không đồng ý với ý kiến của Sĩ Huệ. Sĩ Huệ ra lệnh cho thượng quân đại phu Cung Sóc, Hàn Xuyên soái lĩnh quân đội xuống thuyền ở trước vùng Ngao (tây bắc huyện Quảng Vũ tỉnh Hà Nam ngày nay) cho nên khi trung quân bại trận, họ đã vượt qua Hoàng Hà trước.

Phan Đẳng đã đuổi theo Ngụy Kì, Triệu Chiên đến tối thì đến được chỗ quân Sở, không một chút sợ hãi ngồi ngay tại trước quân môn, phái bộ hạ của ông ta đi vào chỗ quân Tấn.

Sở Trang Vương làm ba mươi chiếc binh xa, chia làm hai quảng tả và hữu. Hữu quảng thì gà vừa gáy thì xuất phát đến giữa

trưa thì dừng lại nghỉ, đồng thời thả quảng vào đúng giữa trưa thì nhận mệnh lệnh xuất trận. Đến tối thì dừng lại nghỉ. Hứa Yên đi xe chủ soái của hữu quảng. Dương Do Cơ làm hữu vệ cho xe chủ soái. Bành Danh điều khiển xe chủ soái của tả quảng. Khuất Đãng là hữu vệ cho xe chủ soái, ngày 14 tháng 6 vua đi xe soái của tả quảng truy đuổi Phan Ưng. Phan Ưng bỏ xe chạy trốn vào rừng. Khuất Đãng vật nhau với Phan Ưng, lấy được áo giáp của ông ta.

Người Tấn sợ Ngụy Kỳ, Phan Ưng khiêu khích ly gián làm cho người Sở phẫn nộ, ra lệnh cho binh xa đang phòng thủ đi đón Ngụy Kỳ và Phan Ưng, biểu thị không đánh nhau nữa. Phan Đãng nhìn thấy bụi bay mù mịt, liền cử người về doanh trại báo cáo : “Quân Tấn đã đến rồi”. Quân Sở sợ quốc quân của họ rơi vào tay của quân Tấn, bèn cử quân đội ra nghênh chiến. Tôn Thúc Ngao nói : “Đánh vào quân Tấn. Thà rằng để cho quân đội chúng ta tiếp cận quân Tấn chứ quyết không để cho quân Tấn tiếp cận chúng ta. Kinh thi đã chẳng phải nói như thế này hay sao ? Nguyên Nhung thập thắng, dĩ tiên khởi hành”. Mười chiến đại xa đi trước mở đường, cần phải hành động trước kẻ địch. Trong quân chí cũng có nói : “tiên nhân hữu đoạt nhân chi tâm”. Khống chế người trước thì có thể tước đoạt ý chí chiến đấu của kẻ địch, tiếp cận được họ !” Thế rồi ra lệnh cho quân đội thần tốc tiến công, binh xa lao lên như bay, bộ binh chạy nhanh về phía trước. Nhân lúc quân Tấn không phòng bị thẳng vào quân Tấn. Chủ soái của quân Tấn là Tuần Lâm không biết xoay sở ra làm sao, giống trống ở trung quân mà rằng : “Ai vượt qua Hoàng Hà trước sẽ được thưởng”. Binh lính trung quân, hạ quân giành giật thuyền bè. Người leo được lên thuyền sợ thuyền quá nặng bị chìm, bèn dùng dao chặt vào các ngón tay đang bám vào mạn thuyền. Kết quả là trên thuyền có đến hàng năm, hàng năm đầu ngón tay.

Quân Tấn rút lui qua Hoàng Hà. Chỉ có thượng quân do Sĩ Huệ thống soái là không bị thất bại. Đại phu nước Sở là Công Doãn Tề soái lĩnh quân đội cánh phải đuổi theo hạ quân.

Sở Trang Vương phái Đường Giáo và Thái lưu Củ làm đại diện bảo với Đường Huệ Hầu (nước Đường là một nước nhỏ thời Xuân Thu, ở huyện Tuy, tỉnh Hồ Bắc ngày nay. Sau đó bị Sở tiêu diệt) : “Ta không có đức hạnh, lại tham lam, nên đừng phải kẻ địch hùng mạnh. Đây là sai lầm của ta. Nhưng mà nước Sở không thể thắng trận, đó cũng là nỗi nhục của người ! Ta mạo muội nhờ vào đại phúc của người để hỗ trợ cho nước Sở ta đánh trận”. Sau đó lệnh cho Phan Đãng soái lĩnh binh xa du kích và 40 binh xa bổ sung, tuân theo lệnh chỉ huy của Đường Huệ Hầu, đảm nhiệm tấn công từ cánh trái, đi truy kích thượng quân của quân Tấn. Khước Kì nói : “Có cần đợi quân Sở đến quyết một trận sống mái với ta không ?” Sĩ Huệ nói : “Quân đội nước Sở hiện nay đang là lúc hưng thịnh, nếu như tập trung quân đội quyết chiến một trận với chúng ta, quân đội nước ta nhất định sẽ mất tất cả, chỉ bằng thu binh trở về, một mặt có thể chia xẻ sự thất bại của các thống soái khác, mặt khác làm giảm bớt thương vong cho binh sĩ. Làm như thế không được hay sao ?” Sĩ Huệ lấy thượng quân làm quân bảo vệ phía sau của quân Tấn, rồi lui quân nên không bị thất bại.

Sở Trang Vương nhìn thấy binh xa của hữu quảng, định chuyển sang ngồi ở binh xa hữu quảng, Khuất Đãng liền can ngăn ông ta : “Lúc đầu chúa công ngồi ở binh xa tả quảng, thì phải ngồi cho đến tận cùng, không thể giữa đường đổi ý được”. Từ đó về sau binh xa của nước Sở ra trận, lúc nào binh xa tả quảng cũng đi trước.

Trong quân đội của nước Tấn, có binh xa sụp hàm không tiến lên được. Lĩnh Sở có người dạy bảo lính Tấn rằng phải tháo

tấm gỗ chắn ngang trước xe ra. Đi không được bao lâu, ngựa lại cứ chạy vòng quanh, không chịu tiến về phía trước. Lính Sở lại bảo lính Tấn nhổ bỏ quân kỳ, vất quân kỳ lên thành xe. Lúc này ngựa mới chịu tiến lên. Lúc này lính Tấn lại quay đầu lại nói với lính Sở : “Chúng tôi không hay thất bại, thường bỏ chạy như quý quốc, vì thế các anh có kinh nghiệm trong việc làm cho binh xa thoát khỏi nguy hiểm”.

Triệu Chiên đem hai con ngựa tốt của mình cho anh của ông ta và Thúc Phụ, lại dùng ngựa khác thắng vào xe rồi trở về. Trên đường về nước ông ta gặp phải quân địch, không thể trốn tránh được, bèn vút xe chạy trốn vào rừng. Phùng đại phu nước Tấn và hai người con của ông ta lên xe tháo chạy, sợ con của mình phát hiện ra Triệu Chiên bèn nói với hai người con rằng : “Đừng quay đầu lại nhìn !” Con của ông ta lại quay đầu lại nhìn và nói : “Triệu Chiên đang ở phía sau !” Phùng đại phu rất bực tức với hành động của con mình, lệnh cho chúng xuống xe. Phùng đại phu chỉ vào rừng cây nói : “Sau này ta sẽ tìm xác của chúng mày ở nơi đây !” Rồi đưa dây cương lên ngựa cho Triệu Chiên, thế là Triệu Chiên thoát hiểm. Ngày hôm sau, theo chỗ đánh dấu đi tìm xác hai người con. Cả hai người đều bị địch giết hại, thi thể chồng lên nhau ở dưới gốc cây.

Đại phu nước Sở là Hùng Phụ Ky bắt Tuần Diêu, con của Tuần Thủ làm tù binh. Tuần Thủ dẫn bộ hạ đi tìm để cứu Tuần Diêu. Ngụy Kỳ điều khiển binh xa. Binh sĩ hạ quân đều nghe lời Ngụy Kỳ. Mỗi lần Tuần Thủ bắn tên, tóm được những mũi tên có chất lượng tốt đều bỏ vào túi đựng tên của Ngụy Kỳ, không nỡ bắn đi. Ngụy Kỳ rất tức giận nói : “Nhà người không đi tìm con, chỉ một mực luyện tiệc mấy cái mũi tên làm bằng dương liễu đó. Dương liễu ở Đồng Trạch (huyện Khai Hỷ, tỉnh Sơn Tây bây giờ)

nhieu vô kể, ông chọn không xuể, nhật không hết đâu!”. Tuần Thủ đáp rằng : “Không tóm được con của kẻ địch thì làm sao tìm được con của tôi ? Tôi nhất định phải xem xem kẻ địch dùng mũi như thế nào, tôi không dễ gì bán đi những mũi tên tốt. Cho nên, mỗi lần tôi tóm được tên tốt mới bảo vào túi đựng tên của người”. Tuần Thủ dùng tên tốt bán vào Liên doãn Tương lão của nước Sở. Bán trúng. Sau đó dùng xe chở thi thể của Tương lão. Lại bán trúng Cốc thần Vương tử của Sở, đồng thời bắt Cốc Thần làm tù binh. Dem thi thể của Tương lão và Cốc thần làm tù binh. Dem thi thể của Tương lão và Cốc thần đưa về nước Tấn.

Vào lúc hoàng hôn, quân Sở hạ trại ở Tất (phía đông huyện Trịnh tỉnh Hà Nam ngày nay) Tàn quân của nước Tấn không còn là một đội quân nữa, suốt đêm vượt sông, suốt đêm âm ỉ.

Ngày 15 tháng 6, Náo Trọng của quân Sở đến vùng Tất, rồi lại tiến lên phía trước đóng quân ở phía Tăng Ung (tây bắc huyện Nguyên Vũ, tỉnh Hà Nam ngày nay).

Phan Đãng nói với Sở Trang Vương : “Vì sao chúa công không chôn xác quân Tấn vào một chỗ, chất đất lên bên trên rồi xây một cái lâu đài thật lớn để khoe chiến công của nước Sở ? Thần nghe nói rằng chiến thắng kẻ địch, cần phải làm cho con cháu hay biết để chúng không bao giờ quên chiến công của tổ tiên !” Sở Trang Vương nói : “Chỗ này thì có điều ông không được biết. Chữ “Vũ” là do hai chữ “Chi”, “qua” tạo nên. Chấm dứt chiến tranh mới là nghĩa gốc của chữ “Vũ”. Chu Vũ Vương sau khi chiến thắng Thương Trụ Vương, các nhà thơ đã làm thơ ca ngợi ông ta “Cất giấu can qua, cung kiếm xếp lại, chỉ theo đuổi mỹ đức, bình gia trị quốc. Nếu đều làm được như vậy, thiên hạ sẽ thái bình”. Các nhà thơ lại làm thơ về chữ “Vũ”. Đoạn cuối nói rằng : “Sẽ truyền tụng muôn đời thành tích to lớn vĩ đại”. Lại có

thơ rằng : “Lễ pháp tiên vương được phát huy rực rỡ, đi dẹp Trụ Vương khiến thiên hạ bình yên, ổn định” Hằng thi có nói : “Làm cho nhiều nước bình yên, ổn định, nhiều lần thu được những chiến công hiển hách”. Các đức của con nhà võ có bảy điều : một là chấm dứt bạo loạn, hai là tiêu diệt chiến tranh, ba là duy trì sự vững mạnh, bốn là củng cố sự nghiệp, năm là an định nhân dân, sáu là hòa mục với lân bang, bảy là tăng thêm của cải. Vì vậy, phải làm cho con cháu không quên sự nghiệp của tổ tiên. Hôm nay chúng ta làm cho nhân dân hai nước thân phối đây đồng. Việc này quá tàn bạo. Triển khai quân đội, dùng vũ lực để uy hiếp các nước chư hầu, làm như vậy, chiến tranh khó mà tiêu diệt nổi. Tàn bạo mà không thể chấm dứt chiến tranh, như thế thiên hạ làm sao an bình được ? Nước Tấn tuy chiến bại, nhưng vẫn tồn tại, ta làm sao củng cố được sự nghiệp của mình ? Những việc mà chúng ta làm ngược lại nguyện vọng của nhân dân quá nhiều, làm sao có thể làm cho nhân dân an định được ? Chúng ta không thể thu phục lòng người bằng cái đức, mà còn đi tranh được, hơn với chư hầu thì làm sao sống hòa mục được với các nước láng giềng ? Thừa dịp người khác bị nguy khốn mà làm lợi cho mình, thừa dịp người khác loạn lạc mà giữ lấy sự bình yên cho mình, biến thành sự vinh quang của mình. Làm như vậy làm sao có thể tăng thêm của cải được ? Cái đức của con nhà võ có bảy điều, chúng ta không có được một điều nào, chúng ta lấy cái gì để giáo dục con cháu ? Tốt nhất là chúng ta nên tu sửa miếu thần của tiên quân nước Sở, đem việc chiến thắng nước Tấn chỉ báo cho tiên vương biết mà thôi. Chúng ta quả không có gì để nói về cái đức của nhà võ. Thánh Vương thời xưa thảo phạt những người không tuân theo lệnh vua xâm lược các nước nhỏ bé, giết họ xong dùng đất chôn lấp thi thể, coi đó là kết quả của chính pháp. Thế là xây một tòa lâu có cửa to để trưng bày tội ác của kẻ xấu, coi đó là một



hình phạt, nhắc nhở người đời. Ngày nay tìm không ra nước Tấn có tội lỗi gì, hơn nữa nhân dân nước Tấn trung thành với mệnh lệnh của quốc quân họ, hy sinh cả tính mạng. Họ có tội lỗi gì cần đến việc phải xây dựng một tòa lâu có cửa to để trưng bày ?”.

Quân Sở cúng tế Hà thần ở phía nam Hoàng Hà, đồng thời xây dựng miếu thần của tiên quân nước Sở, báo cáo với tổ tiên về việc chiến thắng nước Tấn.

Cuộc chiến tranh này, quả thực là bởi vì Thạch Chế, đại phu nước Trịnh đã dụ quân Sở vào thành, chuẩn bị cắt một nửa nước Trịnh dâng cho nước Sở, hy vọng nhận được sự hỗ trợ của nước Sở, ủng hộ việc lập công tử Lỗ Thần làm quốc quân nước Trịnh. Ngày 30 tháng 6, nước Trịnh giết công tử Lỗ Thần và Thạch Chế. Người quân tử bình luận về việc này có nói : “Sử Dật từng nói “Không nên nhân lúc người ta loạn lạc mà làm lợi mình, chính là nói những việc như thế này. Bài “tháng tư” trong tiểu nhã của Kinh thi nói : “Những năm tháng loạn lạc, nhân dân khốn khổ, đi về chốn nào mới là đất thánh ? Nỗi khốn khổ của nhân dân là tội lỗi của những kẻ thừa dịp người khác loạn lạc mà vụ lợi cho mình”.

Trịnh Tương Công, Hứa Chiêu Công đến nước Sở. Mùa thu, quân Tấn trở về đến nước Tấn. Tuần Lâm Phụ vì bại trận xin chịu tội chết. Tấn Cảnh Công định chấp nhận thỉnh cầu của Tuần Lâm Phụ. Sĩ Trịnh, con vợ bé của Sĩ Hội can ngăn Tấn Cảnh Công rằng : “Không được làm như vậy. Cuộc chiến Thành Bộc năm xưa, quân Tấn thu được ba ngày lương thực của quân Sở, Văn Công còn có vẻ suy tư. Những người xung quanh Văn Công đều nói : “Có việc vui mà sắc mặt u sầu, lẽ nào việc u sầu mặt mày phải vui vẻ hay sao ?” Văn Công nói : “Tử Ngọc, lệnh đoán của nước Sở vẫn còn đó, thì không thể nào không lo âu được !

Một con thú bị nạn còn biết giãy dụa lần cuối, huống chi là người chấp chính của một nước ?” Mãi đến khi nước Sở giết Tử Ngọc, mọi người mới nhìn thấy Văn Công lộ vẻ phấn khởi. Văn Công nói : “Từ nay không còn ai hại ta nữa”. Cái chết của Tử Ngọc có nghĩa là nước Tấn đạt được một lần thắng lợi, còn nước Sở lại bị một lần thất bại. Từ đó nước Sở không thể nào chấn hưng được, không còn tranh quyền với các chư hầu. Lần thất bại này có lẽ là ông trời cảnh cáo nước Tấn, nếu như giết hại chủ soái Tuần Lâm Phụ cũng có nghĩa là cho thêm nước Sở một lần thắng lợi nữa. Điều đó sẽ làm cho nước Tấn mãi mãi không cường thịnh, mãi mãi không thể nào tranh giành thế mạnh với chư hầu. Lâm Phụ làm việc vì chúa công, lúc ra làm quan nghĩ phải làm thế nào để hoàn thành nhiệm vụ, lúc về nhà thì nghĩ đến việc làm thế nào để sửa chữa sai lầm, là một hảo hán bảo vệ nước nhà, tại sao phải giết chết ông ta ? Lần thất bại này của ông ta chỉ giống như là nhật thực, nguyệt thực, tuy tạm thời mất đi ánh sáng, nhưng nào có tổn thất gì đến ánh sáng của mặt trăng, mặt trời ?” Tấn Cảnh Công lệnh cho Tuần Lâm Phụ được khôi phục chức cũ.

## NƯỚC TỐNG VÀ NƯỚC SỞ GIẢNG HÒA

*Tuyên Công thập tứ niên (năm 595 trước công nguyên)*

Sở Trang Vương cử Thân Vô Úy đi sứ nước Tề, đồng thời căn dặn Thân Vô Úy rằng : “Không nên mượn đường nước Tống”. Đồng thời cử công tử Phùng đi sứ sang nước Tấn, cũng dặn dò công tử Phùng đừng có mượn đường nước Trịnh. Thời Xuân Thu, sứ giả của các nước chư hầu đi ngang qua nước khác thì phải mượn đường. Nay sứ giả nước Sở đi ngang qua hai nước Tống, Trịnh mà không mượn đường là biểu thị sự coi thường hai nước này, có ý khiêu khích. Trước đây khi Tống Chiêu Công hướng dẫn Sở Mục Vương đi săn bắn ở Mạnh Chư Trạch (đồng bắc huyện Thương Khâu tỉnh Hà Nam ngày nay) xảy ra chuyện không vui nên Thân Vô Úy rất ghét nước Tống, bèn nói rằng : “Đầu óc của người nước Trịnh thông minh, người nước Tống kém hiểu biết. Sứ giả đến nước Tống không có gì khó khăn lắm, còn tôi thì nhất định sẽ bị giết hại”. Sở Trang Vương nói : “Nếu nước Tống giết khanh, trăm nhất định đem quân đi đánh nước Tống, báo thù cho khanh”. Thân Vô Úy gửi gắm con của mình là Thân Tề cho Sở Trang Vương rồi mới lên đường.

Thân Vô Úy ngang qua nước Tống thì bị người Tống giữ lại. Hoa Nguyên, đại phu của nước Tống nói rằng : “Đi ngang qua biên giới nước chúng tôi mà không mượn đường điều đó rõ ràng là coi lãnh thổ nước chúng tôi như là biên ấp của nước Sở. Coi lãnh thổ chúng tôi như là biên ấp của người khác, điều này chẳng khác

gi chúng tôi mất nước. Giết sứ giả của nước Sở, nước Sở nhất định sẽ đến đánh chúng tôi. Đánh chúng tôi thì quá lắm cũng là mất nước. Bất kể là mất nước kiểu nào cũng đều là mất nước". Thế là giết Thân Vô Úy.

Sở Trang Vương nghe tin nước Tống giết sứ giả của mình, vô cùng phẫn nộ, vung ống tay áo đứng dậy không kịp đi giày, mang kiếm, lên xe, vội vàng ra đi. Những người bưng giày ở hai bên, chạy theo đến lối đi giữa hoàng cung mới mang được giày cho ông ta. Những người cầm kiếm đứng hai bên đuổi theo đến cửa điện hậu cung mới đeo được kiếm cho ông ta. Người đánh xe đuổi theo đến tận chợ Bồ Tư mới đuổi kịp ông ta và mời ông ta lên xe. Mùa thu. Tháng chín. Sở Trang Vương dẫn quân đi đánh nước Tống. Tuyên công thập ngũ niên (năm 594 trước công nguyên).

Nước Tống lệnh cho Nhạc Anh Tề đến nước Tấn báo cáo về tình hình khẩn cấp của nước Tống. Tấn Cảnh Công định đi cứu Tống ngay. Bách Tông đại phu nước Tấn nói rằng : "Không được ! Cổ nhân từng nói : tuy roi ngựa có dài, cũng không nên quất vào bụng ngựa". Bây giờ là lúc ông trời cho nước Sở vận may, không nên tranh chấp với họ. Nước Tấn chúng ta tuy cường thịnh, nhưng sao có thể đi ngược lại ý trời ? Tục ngữ nói : "Gặp chuyện, phải biết co, biết dãn, trong bụng phải có tính toán trước ? Ao hồ, sông rạch có thể chắt chứa cạn bả rác rưởi, rừng núi đồng cỏ ẩn náu rắn độc, thú dữ. Trong những viên ngọc đẹp cũng lốm đốm những tí vết. Là nguyên thủ quốc gia phải biết chịu đựng ức hiếp lăng nhục, đó là lẽ đương nhiên. Xin chúa công hãy đợi cho một thời gian rồi hẵng đi cứu viện". Thế là Tấn Cảnh Công ra lệnh đình chỉ việc xuất quân.

Nước Tấn cử Giải Dương đi sứ qua nước Tống, nói với nước Tống rằng : "Toàn bộ quân đội nước Tấn đã được động viên,

chẳng bao lâu nữa sẽ đến nước Tống”. Để cho nước Tống đừng có đầu hàng nước Sở. Giải Dương đi ngang qua nước Trịnh bị nước Trịnh bắt giữ. Nước Trịnh áp giải Giải Dương đến nước Sở rồi giao cho nước Sở, Sở Trang Vương hỏi lộ Giải Dương yêu cầu ông ta đính chính lại là nước Tấn không chi viện nước Tống nữa. Nhưng ông ta không đồng ý. Sở Thành Vương nhiều lần thúc ép ông ta, ông ta mới nhận lời. Sau đó đưa ông ta lên xe chuyên dùng để công phá thành (giống loại xe cứu hỏa có thang ngày nay) để ông ta leo lên trên đỉnh xe nói to cho nước Tống biết rằng nước Tấn không đến cứu viện họ nữa. Nhưng ông ta không làm theo lời hứa với Sở Trang Vương, ông ta đã hoàn thành sứ mạng mà Tấn Cảnh Công đã giao phó cho ông ta, báo cho nước Tống biết rằng : quân Tấn sắp đến rồi. Sở Thành Vương giận dữ định giết chết ông ta, cho người đến nói với ông ta rằng : “Nhà ngươi từng hứa với ta (Sở Trang Vương) nhưng lại phản lại ta, đó là đạo lý gì vậy ? Không phải ta không giữ chữ tín mà chính nhà ngươi không tự giữ lấy chữ tín. Ta sẽ hành hình ngay lập tức, trừng phạt nhà ngươi theo luật pháp”. Giải Dương trả lời rằng : “Thần nghe nói : Người quân chủ có khả năng định ra những mệnh lệnh chính xác đó mới là chính nghĩa, thần tử có thể đảm nhiệm sứ mạng một cách đúng đắn đó mới là trung thành. Trung thành phải làm sao cho phù hợp với chính nghĩa, đó mới là lợi ích của quốc gia. Định đoạt cơ mưu cho đất nước cần phải bảo vệ sự an toàn cho đất nước mà lại không làm tổn hại đến lợi ích của nhân dân, đó mới chính là quân chủ của nhân dân. Một việc hợp với chính nghĩa, không thể nào lập lờ hai mặt. Một hành động chân thành cũng không thể có hai mệnh lệnh trái ngược nhau. Một quân chủ hỏi lộ một thần tử để họ biến chất là người không biết thế nào là mệnh lệnh chính nghĩa. Thần nhận mệnh lệnh của quân chủ mình đi sứ ra nước ngoài, thà chết chứ không từ bỏ sứ

mệnh mà quân chủ đã giao phó cho thần. Điều đó là có thể mua chuộc được hay sao ? Sở dĩ thần chấp nhận điều kiện của quốc là vì muốn lợi dụng cơ hội đó để hoàn thành sứ mạng mà quân chủ thần đã giao phó cho thần. Thần tuy chết nhưng đã hoàn thành sứ mệnh của quân chủ. Thần cho rằng đây là cái phúc của thần. Quân chủ nước Tấn có được một người thần trung thành, mà thần thì cũng hoàn thành sứ mệnh, thì dù có chết cũng không có điều gì luyến tiếc". Cuối cùng Sở Trang Vương thả Giải Dương ra, cho ông ta về nước.

Mùa hạ. Tháng năm. Lúc quân Sở chuẩn bị rời khỏi nước Tống, Thân Tề sụp lạy trước ngựa Sở Trang Vương mà rằng : "Tiên phụ rõ ràng biết trước đi sứ nước Tề ngang qua nước Tống là hết sức nguy hiểm, nếu bị người Tống bắt được thì khó bảo toàn tính mạng, nhưng tiên phụ không dám không nghe mệnh lệnh của quân chủ, bất kể nguy hiểm tính mạng để hoàn thành nhiệm vụ. Hơn nữa quân chủ cũng đã đồng ý với tiên phụ rằng : nếu tiên phụ bị hại thì sẽ đem quân đi đánh, báo thù cho tiên phụ. Giờ đây quân chủ không giữ đúng lời hứa, bội tín !" Sở Thành Vương không thể trả lời được. Thân Thúc Thời đang lái xe nêu ra một kiến nghị". Xây dựng nhà ở ngay chỗ này, đồng thời tìm các nông phu đang lưu vong quay trở lại, biểu thị quân Sở dự định định cư ở nơi đây. Như vậy, nước Tống nhất định sẽ nghe theo mệnh lệnh của nước Sở". Thế là Sở Thành Vương làm theo đề nghị của Thân Thúc Thời.

Quả nhiên, nước Tống cảm thấy lo sợ bèn để cho Hoa Nguyên thám thính tình hình quân Sở thực hư ra sao, nhân đêm tối mò vào doanh trại quân Sở, mò trúng màn của Tử Phán, tướng hữu quân của quân Sở làm cho Tử Phán tỉnh giấc, dùng binh khí

khống chế Tử Phán rồi nói : “Ta được quân chủ ta sai phái, kể cho ông nghe cảnh tượng khốn khổ của nước Tống. Nước Tống chúng tôi đã rơi vào hoàn cảnh đối con nhau để làm thịt ăn, lấy xương người làm củ nấu thức ăn. Nước Tống chúng tôi tuy khốn khổ như vậy, nhưng ép buộc chúng tôi cúi đầu, đầu hàng quân Sở, ký hiệp ước đầu hàng là không làm được đâu. Nếu như quân Sở lui về phía sau ba mươi dặm, không bao vây chúng tôi nữa, thì sẽ dễ thương lượng thôi”. Tử Phán một mặt bị Hoa Nguyên kiềm chế, trong lòng cảm thấy sợ hãi, đồng thời cũng khiếp sợ bởi tinh thần “đối con cho nhau làm thịt để ăn, lấy xương người làm củ để đốt, mà vẫn không chịu khuất phục” của người Tống, bèn tự mình ký kết hòa ước với Hoa Nguyên, sau đó báo cáo cho Sở Trang Vương. Nước Sở lui quân ba mươi dặm.

Sau khi nước Tống và nước Sở ký hiệp ước hòa bình, Hoa Nguyên bị nước Tống cử sang nước Sở làm con tin. Trong hòa ước có nói : “Ta không lừa dối người, người cũng không cần vì ta mà lo lắng !”.

## CUỘC CHIẾN GIỮA TỀ VÀ TẤN Ở YÊN

*Thành Công nhị niên (năm 589 trước công nguyên)*

Mùa xuân năm Lỗ Thành Công năm thứ hai Tề Khoảnh Công đem quân đánh phía bắc nước Lỗ, bao vây vùng Long (xã Đông nam Long, huyện Thái An, tỉnh Sơn Đông ngày nay). Tướng của Tề Khoảnh Công là Lư Bồ Tụu Khôi tấn công vào cổng thành. Người vùng Long bắt sống ông ta. Tề Khoảnh Công bảo với nhân dân vùng Long rằng : “Các người không được giết ông ta, ta có thể lập minh ước với các người, quân đội của ta không tiến vào vùng đất của các người. Nhưng nhân dân vùng Long không đếm xỉa gì đến yêu cầu của Tề Khoảnh Công, giết chết Lư Bồ Tụu Khôi rồi bêu xác trên tường thành. Tề Khoảnh Công đích thân gióng trống trận, chỉ huy tác chiến. Binh lính nước Tề trèo lên tường thành, sau ba ngày thì đánh chiếm Long thành. Sau đó đưa quân xuống phía Nam xâm lược Sào Khâu (tây nam huyện Thái An, tỉnh Sơn Đông ngày nay).

Vệ Đình Công phái các đại phu Tôn Lương Phu, Thạch Tác, Ninh Tương, Hướng Cầm soái lĩnh quân đội xâm lược nước Tề. Trên đường hành quân gặp phải quân Tề. Thạch Tác chủ trương rút lui, Tôn Lương Phu nói : “Không thể rút lui. Cầm quân đi đánh nước lân cận, trên đường gặp quân đội của họ, liền sợ hãi không dám tiến lên, rút quân về nước thì làm sao ăn nói với chúa công ? Ví thử cho rằng đánh không lại lân bang thì đừng cầm



quân xuất chinh. Giờ đây đã gặp quân đội của nước láng giềng, chi bằng quyết chiến với họ một trận !”.

Mùa hạ. Ngày 30 tháng 4, quân đội nước Vệ và quân đội nước Tề đánh nhau lớn tại Tân Trúc (huyện Quan Thành tỉnh Sơn Đông ngày nay).

Thạch Tắc nói với Tôn Lương Phu : “Quân đội của chúng ta chiến bại, ngài nên đợi thêm một tí, e rằng toàn bộ quân đội sẽ bị tiêu diệt hết ! Ngài mất hết binh lính thì làm sao phục mệnh được ?” Không ai nói năng gì. Thạch Tắc lại nói với Tôn Lương Phu : “Ngài là quốc khanh, nếu ngài bị tổn thất, thì đó là cái nhục lớn của nước Vệ chúng ta. Ngài dẫn dắt quân đội rút lui, tôi sẽ ở lại đây chống chọi với chúng !” đồng thời tuyên bố với quân Vệ, đội binh xa chỉ viện đang ùn ùn kéo đến. Thế là quân Tề đành chỉ tấn công, đóng quân tại Cúc Cú Cúc Cách (thuộc huyện Triều Thanh, tỉnh Sơn Đông ngày nay).

Người Tân Trúc (huyện Quan Thành, tỉnh Sơn Đông ngày nay) là Trọng Thúc Vu hề cứu Tôn Lương Phu. Tôn Lương Phu nhờ thế mà thoát nạn. Sau đó, nước Vệ cho ông ta Thành ấp, ông ta từ chối. Trọng Thúc Vu hề thỉnh cầu Vệ quân thưởng cho ông ta nhạc khí và đồ trang sức cho ngựa, cho phép ông ta mang các thứ ấy khi vào châu. Vệ quân đồng ý với lời thỉnh cầu của ông ta.

Sau này, khi Khổng Tử nghe thấy chuyện này bèn nói : “Đáng tiếc, đáng tiếc ! Chi bằng ban thưởng cho ông ta thêm một số thành ấp ! Lễ dụng khí vật và tước vị danh hiệu, hai thứ này không thể cho người khác một cách tùy tiện được. Hai thứ này là do quân chủ một nước nắm giữ. Tước vị danh hiệu là tượng trưng làm cho nhân dân tin cậy, được nhân dân tin cậy thì mới giữ gìn được lễ dụng khí vật. Trong lễ dụng khí vật chứa đựng qui tắc lễ

pháp của xã hội. Quy tắc lễ pháp làm cho người ta làm việc đúng mực, làm việc đúng mực thì có thể sinh ra lợi ích. Cai trị nhân dân là mưu cầu lợi ích cho nhân dân. Do đó, mưu cầu lợi ích cho nhân dân là phương pháp cai trị nhân dân một cách tốt nhất. Lễ dụng khí vật và tước vị danh hiệu là then chốt quan trọng về chính trị. Nếu như cứ ban thưởng lễ dụng khí vật và tước vị danh hiệu cho người khác một cách tùy tiện, thì cũng có nghĩa là giao quyền cho người khác. Một khi chính quyền mất đi, thì đất nước cũng theo đó mà diệt vong, đến lúc đó thì không tài nào cứu vãn nổi”.

Tôn Lương Phu trở về Tân Trúc, không vào thành mà trực tiếp đi thẳng đến nước Tấn cầu cứu viện binh. Bọn họ đều trú tại nhà của Khước Khắc. Tấn Cảnh Công đồng ý phái 700 chiếc binh xa. Khước Khắc nói : “Bảy trăm chiếc binh xa là số lượng ngang với trận đánh ở Thành Bộc. Bởi vì có sự lãnh đạo anh minh của tiên quân Văn Công và tài năng trác Việt của tiên đại phu Tiên Chấn, Hồ Yển... cho nên mới đánh thắng trận. Khước Khắc tôi so với các tiên đại phu kém cõi vô cùng”. Thế là Khước Khắc yên cầu Tấn Cảnh Công phái 800 binh xa. Tấn Cảnh Công đồng ý. Khước Khắc thống soái trung quân, Sĩ Loan thống soái thượng quân, Loan Thư thống soái hạ quân, Hàn Quyết làm Tư mã đi cầu viện hai nước Lỗ, Vệ. Tang Hứa đón tiếp quân Tấn, đồng thời dẫn đường cho quân Tấn. Đại phu nước Lỗ là Quý Hành đưa quân Lỗ đến phối hợp với quân Tấn. Lúc đến nước Vệ, Hàn Quyết định giết người, sau khi biết chuyện Khước Khắc vội vàng đến cứu. Lúc đến nơi, Hàn Quyết, đã giết chết người ta rồi. Khước Khắc sai người đem thi thể ra thị chúng, sau đó Khước Khắc nói với người đây tớ : “Ta làm như thế là để cùng chịu trách nhiệm giết người với Hàn Quyết không để cho Hàn Quyết một mình bị phỉ báng là kẻ giết người”.

Quân Tấn đến vùng Tân (huyện Tân, tỉnh Sơn Đông ngày nay) thì đuổi kịp quân Tề.

Ngày 17 tháng 6 quân Tấn đuổi đến núi Mị Kê (phía nam huyện Lịch Thành 10 dặm thuộc tỉnh Sơn Đông ngày nay, tức Thiên Phật Sơn). Tề Khoảnh Công sai người đi thách đấu : “Các người dùng quân đội của quốc quân các người làm nhục nước Tề chúng tôi. Nước Tề chúng tôi chỉ có một ít quân đội đang mệt mỏi, xin đến sáng sớm ngày mai gặp mặt quân đội nước Tấn các người”. Khách Khước đáp rằng : “Nước Tấn và hai nước Lỗ, Vệ là anh em. Sứ giả của hai nước Lỗ, Vệ cầu cứu nước Tấn rằng : “Nước Tề thường sang lãnh thổ chúng tôi chọc tức chúng tôi. Quốc quân nước Tấn chúng tôi không nhẫn tâm nhìn hai nước Lỗ, Vệ bị ức hiếp, bèn cử chúng tôi đến thỉnh cầu nước Tề không nên quấy rầy hai nước Lỗ, Vệ, cũng bảo chúng tôi không nên để cho quân đội nước Tấn ở lâu trên đất nước Tề. Đã tiến quân vào nước Tề thì cũng không lui quân được, không cần nghe theo lời dận dò của quốc quân nước Tề”. Thế là Tề Khoảnh Công cũng đáp rằng : “Các đại phu nước Tấn đều đồng ý đánh nhau với nước Tề, thật phù hợp với nguyện vọng của chúng tôi. Cho dù họ không đồng ý đánh nhau với chúng tôi, chúng tôi cũng đánh nhau một trận với họ. Đại phu nước Tề là Cao Cố lao vào doanh trại quân Tấn giơ gạch lên ném, bắt được một lính Tấn, tức lấy binh xa của anh ta, sau phía xe cột một cây dâu trở về dinh lũy của mình rồi diễu võ dương oai trước mặt binh sĩ nước Tề, đồng thời nói rằng : “Ai cần dũng khí có thể mua dũng khí thừa của ta”.

Ngày 18 tháng 6, quân đội nước Tề và nước Lỗ dàn binh tại Yên (10 dặm về phía tây Lịch Thành tỉnh Sơn Đông ngày nay). Đại phu nước Tề là Bình Hạ lái xe cho Tề Khoảnh Công, một đại

phu khác của nước Tề là Phùng Sừ Phụ làm xa hữu cho Tề Khoảnh Công. Nước Tấn cử Khước Khắc làm chủ soái, Giải Trương lái xe cho ông ta, Trịnh Khâu Hoãn làm xa hữu. Tề Khoảnh Công nói : “Ta tạm thời tiêu diệt số quân Tấn này, sau đó hăng ăn cơm sáng”. Không đợi khoác áo giáp cho ngựa, đã lấy hết sức thúc ngựa tiến lên. Khước Khắc bị tên bắn bị thương máu chảy đến tận giày vẫn gióng trống liên hồi. Khước Khắc nói : “Vết thương của ta rất nặng...” Giải Trương nói : “Kể từ khi giao chiến, tên đã bắn trúng vào tay ta, xuyên thẳng qua khuỷu tay. Ta bẻ gãy mũi tên tiếp tục lái xe, bánh xe phía tay trái đã nhuộm thành màu đỏ bầm. Ta đâu nào dám nói rằng bị thương nặng ? Ông hãy cố mà chịu đựng”. Trịnh Khâu Hoãn nói : “Từ khi bắt đầu giao chiến, nếu xe bị lún xuống bùn hoặc sụp hầm, tôi nhất định sẽ nhảy xuống đẩy xe. Ông lẽ nào biết các việc này ! Nhưng mà, ông quả đã bị thương rất nặng”. Giải Trương nói : “Cờ trống của chiếc xe chúng tôi là tai mắt của quân đội Tấn, Quân đội Tấn tiến hay thoái đều dựa vào bóng cờ và tiếng trống của trung quân xa này. Lấy đó làm dấu hiệu cho sự tiến thoái. Chiếc trung quân xa này của chúng tôi một người trấn thủ là có thể thành công. Làm sao có thể vì bị thương mà lại bại hoại đại sự của quốc quân ? Khi đã mặc áo giáp vào, cầm lấy vũ khí thì đã ôm ấp quyết tâm hy sinh. Tuy thân thể bị thương, nhưng vẫn chưa chết, vì vậy xin ông hãy cố gắng chịu đựng !” Lúc này tay trái Giải Trương cầm lấy dây cương, tay mặt cầm dùi đánh trống, ngựa lao nhanh về phía trước không tài nào cản nổi, toàn quân cũng theo đó mà xông lên. Quân đội của Tề Khoảnh Công đại bại. Quân đội nước Tấn truy kích quân đội nước Tề, truy đuổi mấy vòng quanh núi Hoa Bất Chú (đông bắc huyện Lịch Thành tỉnh Sơn Đông

ngày nay).

Đại phu nước Tấn Hàn Quyết nằm mơ thấy cha mình nói với mình rằng : “Buổi sáng cần tránh khỏi hai phía tả hữu của binh xa” do đó Hàn Quyết thay người đánh ngựa, tự mình ngồi vào ở giữa đánh xe đuổi theo Tề Khoảnh Công. Binh Hạ nói : “Bắn vào người lái xe, người lái xe đó hình như là quân tử”. Tề Khoảnh Công nói : “Gọi người ta là quân tử mà lại bắn chết người ta thì không hợp với lễ pháp”. Thế là bắn vào người ngồi bên trái xe, người ngồi bên trái xe rơi xuống đất, rồi lại bắn vào người ngồi bên phải xe, người ngồi bên phải xe chết ngay trong xe. Đại phu nước Tấn là Kì Mẫn Trương bị mất binh xa, liền đuổi theo Hàn Quyết và nói rằng : “Cho tôi đi nhờ xe của ông”. Kì Mẫn Trương định ngồi ở bên trái hoặc bên phải, nhưng Hàn Quyết đã dùng cùi chỏ thúc vào người ông ta bảo ông ta đứng ở đằng sau mình. Hàn Quyết khom người xuống đặt lại ngay ngắn người ở bên phải vừa bị bắn chết.

Phùng Sứ Phụ biết rằng Tề Khoảnh Công có thể bị bắt cho nên đã thay đổi chỗ cho Tề Khoảnh Công. Khi binh xa của Tề Khoảnh sắp đến Hoa Tuyền ở dưới chân núi Hoa Bất Chú, có một con ngựa ở bên ngoài bị cây cối chặn lại — Đêm hôm trước, Phùng Sứ Phụ ngủ ở trong lều xe, có một con rắn từ dưới bò lên. Ông ta dùng cánh tay đập rắn, kết quả cánh tay ông ta bị thương, nhưng Phùng Sứ Phụ đã giấu vết thương, cho nên sau không thể dùng tay đẩy xe, kết quả là quân Tấn đã đuổi kịp. Hàn Quyết nắm dây ngựa đứng trước Tề Khoảnh Công lay một cái rồi rạp đầu xuống, tay bưng bình rượu và vòng ngọc dâng lên Tề Khoảnh Công đồng thời dùng những lời lẽ xã giao hết sức uyển chuyển nói rằng : “Quốc quân của chúng tôi phái quần thần chúng tôi nói với

hai nước Lỗ, Vệ rằng : “Đừng để cho quân đội nước Tấn chúng tôi tiến vào lãnh thổ của quý quốc. Tôi là kẻ hạ thần (vào thời Xuân Thu, hạ thần là cách xưng hô khiêm tốn của thần đối với quốc quân nước khác), thật không may gặp ngay quân đội của quý quốc, không có cách nào trốn thoát, không có chỗ nào để chúng tôi ẩn náu, hơn nữa sợ rằng vì tháo chạy hoặc lẩn trốn mà làm nhục cho quốc quân hai nước. Tôi là một chiến sĩ, thật là làm xấu hổ người lính. Hạ thần xin mạo muội bắm với quốc quân, hạ thần không phải là người thông minh, không biết làm việc, hơn nữa chúng tôi thiếu hụt nhân tài, không tìm được người để thương lượng, tất cả mọi việc đều do một mình thần gánh vác. Để hoàn thành trách nhiệm, thần xin đưa quốc quân cùng đến nước Tấn”. Bởi vì Phùng Sứ Phụ đã thay đổi vị trí của Tề Khoảnh Công và giả là Tề Khoảnh Công. Phùng Sứ Phụ lệnh cho Tề Khoảnh Công đến Hoa Tuyền lấy nước để uống. Nhân lúc đi lấy nước, Trịnh Chu Phụ thần tử của nước Tề đánh một chiếc xe dự phòng, là xa tá đưa Tề Khoảnh Công chạy thoát. Hàn Quyết đem Phùng Sứ Phụ hiến cho Khước Khắc. Khước Khắc chuẩn bị giết Phùng Sứ Phụ, Phùng Sứ Phụ nói rằng : “Cho đến bây giờ, vẫn chưa có người chịu thay hoạn nạn của quốc quân. Giả dụ giờ có một người rồi, lẽ nào người ấy bị giết chết ?” Khước Khắc suy nghĩ rồi nói : “Có người không sợ hy sinh tính mạng của mình để giải cứu quốc quân của ông ta, nếu ta đem người đó đi giết là một việc chẳng lành. Ân xá cho kẻ đã làm một việc như vậy để động viên những người hết lòng làm việc cho quốc quân”. Do đó tha cho Phùng Sứ Phụ.

Sau Khi Tề Khoảnh Công thoát nạn, ba lần xông vào quân Tấn, ba lần thoát khỏi vòng vây để tìm tông tích Phùng Sứ Phụ.

Mỗi lần thoát khỏi vòng vây lại chính đốn lại đội ngũ, động viên những binh lính tháo chạy. Tề Khoảnh Công cầm quân xông vào đội ngũ người Địch do quân Tấn đưa đến, binh sĩ người Địch đều dùng thuẫn để che chắn. Tề Khoảnh Công lệnh cho quân Tề lại xông vào đội ngũ của quân Vệ, người nước Vệ không dám làm hại họ. Thế là từ Từ Quan (phía tây huyện Lâm Náo, tỉnh Sơn Đông ngày nay) tiến vào nước Tề. Khoảnh Công nhìn thấy những người trấn giữ thành ấp thì nói rằng : “Hãy trấn giữ cho thật tốt đi ! Quân đội nước Tề chúng ta đã thất bại rồi !” Đội quân của Tề Khoảnh Công bảo một phụ nữ đang đi ở trên đường tránh chỗ. Người phụ nữ hỏi rằng : “Quốc quân chúng ta có thoát nạn không ?” Đáp rằng : “Quốc quân của chúng ta may mắn thoát nạn rồi”. Lại hỏi : “Quan tư đồ lo việc quản lý vũ khí cũng thoát nạn chứ ?” Đáp rằng : “Thoát nạn rồi”. Người phụ nữ lại hỏi : “Nếu như quốc quân của ta và cha ta đều bình an vô sự thì sẽ như thế nào ?” Nói xong liền bỏ đi. Khoảnh Công cho rằng, người phụ nữ đó hỏi đến quốc quân trước rồi mới hỏi đến cha như vậy là hiểu lễ tiết. Sau đó hỏi những người bên cạnh mới biết rằng người phụ nữ đó là vợ của tư đồ Bích (quan chăm lo quản lý doanh trại đồn lũy), bèn lấy đất Thạch Giao (vùng Thạch Oa Thôn cách ba mươi dặm về phía đông nam huyện Trường Thanh tỉnh Sơn Đông ngày nay) phong cho bà ta.

Quân Tấn đuổi theo phía sau quân Tề, từ Khâu Dữ (ranh giới huyện Ích Đô tỉnh Sơn Đông ngày nay), tiến vào nước Tề, tiến công Mã Hình (tây nam huyện Ích Đô tỉnh Sơn Đông ngày nay). Tề Khoảnh Công sai đại phu là Quốc Tả đến nước Tấn, dâng ngọc ngà đẹp, ngọc khảm, đất đai của nước Kỳ ngày xưa để xin cầu hòa. Nếu như quân Tấn không chịu lui quân, thế thì cứ để mặc

họ ! Quốc Tả đi dâng đồ hồi lộ, quân Tấn không chấp nhận điều kiện cầu hòa của Tề Khoảnh Công mà lại đặt ra điều kiện : “Nhất định phải đem mẹ của quốc quân nước Tề là Tiên Đồng Thúc Tử làm con tin, đồng thời, tất cả bờ ruộng trong lãnh thổ nước Tề đều phải đổi thành hướng đông tây để sau này khi binh xa của nước Tấn vào nước Tề đi lại được dễ dàng”. Quốc Tả trả lời rằng : “Tiên Đồng Thúc Tử không phải là ai khác mà chính là mẹ của quốc quân nước Tề. Nếu như nước Tấn và nước Tề bình đẳng với nhau thì Người cũng tương đương với mẹ của quốc quân nước Tấn. Chư vị nếu coi trọng chính nghĩa giữa các nước chư hầu, cho rằng mẹ của quốc quân nước Tề làm con tin thì mới yên tâm được, thế thì các vị đặt Chu Thiên tử vào vị trí nào ? Đây là thi hành mệnh lệnh với cái giá bất hiệu. Kinh thi có nói : “Lòng hiếu thảo của đứa con có hiếu là vô tận, anh ta mãi mãi truyền lòng hiếu thảo đó cho đồng loại”. Nếu lấy sự bất hiệu mà mệnh lệnh cho chư hầu, thì sẽ trở thành những đồng loại không giữ đạo đức. Tiên vương trị vì đất đai trong thiên hạ, căn cứ vào tính chất khác nhau của đất đai để phân bố các loại cây trồng để gặt hái được những lợi ích xứng đáng. Cho nên Kinh thi có nói : “Cương thổ của chúng ta, chúng ta cai trị đất đai bờ ruộng của chúng ta chạy dài theo hướng đông nam”. Giờ đây các ông trị vì đất đai của chư hầu, trái lại buộc toàn bộ bờ ruộng phải chạy theo hướng đông tây. Các ông chỉ chú ý đến sự thuận tiện cho việc hành quân của binh xa mà không hề chú ý xem có hợp với tính chất của đất đai hay không, đó chẳng phải là phủ định di mệnh của tiên vương hay sao ? Đi ngược lại chế độ của tiên vương là bất nghĩa, thế thì làm sao có thể làm minh chủ được ? Như vậy nước Tấn đã đi quá xa. Vũ, Thang, Chu Văn Vương, Chu Vũ Vương, cả



bốn vị vua này sở dĩ có thể đẩy mạnh vương chính là vì xây dựng được công đức, thỏa mãn nguyện vọng chung của chư hầu ! Côn Ngô đời Hạ, Đại Bành, Thế Vĩ đời Thương, Tề Hằng Công, Tấn Văn Công đời Chu... năm vị bá chủ này sở dĩ đẩy mạnh được bá chính là bởi vì không ngại gian lao vất vả yên chư hầu, bôn ba phục dịch cho thiên tử. Ngày nay các người muốn hợp nhất chư hầu để thỏa mãn nguyện vọng không bao giờ chấm dứt của mình. Kinh thi có nói : “Thì hành chính sự phải hòa hoãn rộng lượng, thì phước khí mới tụ hợp về được” Các ông không độ lượng, tự mình đánh mất phúc lộc, điều đó có hại gì cho chư hầu ? Nếu như các ông không chịu giảng hòa, quốc quân chúng tôi cũng đã dặn dò sứ giả một câu như thế này : “Bởi vì các người đem quân đội của quân chủ nước Tấn đến xâm lược lãnh thổ nước chúng tôi, chúng tôi với quân đội ít ỏi, mặt mũi cũng đánh nhau với quân Tấn các người. Chỉ vì sợ hãi trước uy lực của các người, quân Tề chúng tôi đã thất bại. Đợi ơn các ông làm phúc cho người Tề, không tiêu diệt nước Tề, tiếp tục tình hữu nghị như xưa, cho nên chúng tôi không dám luyện tiếm bảo vật, đất đai của tiên quân nước Tề để hiến cho các người biểu thị sự cầu hòa. Nhưng các ông không đồng ý. Do đó chúng tôi chỉ còn cách thu gom tàn dư quân đội nước Tề, quyết đánh một trận để quyết định sự sinh tử, tồn vong của nước Tề. Nếu chúng tôi may mắn thắng lợi, thì cũng đến cầu hòa với các ông, huống chi chẳng may thất trận, thì chẳng phải là nghe theo sự dạy bảo của các người hay sao !”

Hai nước Lỗ, Vệ khuyên Khước Khắc rằng : “Nước Tề oán giận chúng ta, những người chết trong chiến dịch này đều là những người thân cận của Tề hầu. Nếu như ông không cho nước Tề giảng hòa, nước Tề nhất định càng oán hận chúng ta hơn. Rất

cuộc là ông định tìm kiếm cái gì ? Ông được quốc bảo của nước Tề, chúng tôi được lại những vùng đất đã mất mà còn giải cứu được quốc nạn của chúng ta. Đây là một việc rất lấy làm vinh dự. Tề, Tấn đều là những cường quốc theo mệnh trời, đâu phải chỉ một mình nước Tấn là cường quốc”. Thế là người Tấn đồng ý giảng hòa với nước Tề. Nói với nước Tề rằng : “Theo thỉnh cầu của hai nước Lỗ, Vệ, quần thần nước Tấn chúng tôi mới đem binh xa và binh lính đến cứu viện. Nếu như chúng tôi có thể ăn nói để hồi phục sứ mệnh của chúa công Tấn, thì đó là ân huệ của quốc quân nước Tề, làm sao dám không báo gì nghe nấy ?”.

Đại phu nước Lỗ là Cầm Trịnh từ chỗ quân Lỗ đi nghênh tiếp Lỗ Thành Công.

Mùa thu. Tháng 7. Quân Tấn và Quốc Tả đại phu nước Tề liên kết với nhau tại Viên Lâu (thuộc huyện Nào Xuyên tỉnh Sơn Đông ngày nay). Đồng thời nước Tấn cho phép nước Tề trả lại ruộng đất vùng Văn Dương mà nước Tề xâm lược của nước Lỗ trả lại cho nước Lỗ. Lỗ Thành Công gặp mặt quân Tấn tại Minh (trong huyện Dương Cốc tỉnh Sơn Đông ngày nay) ban tặng chinh xa và lễ phục thượng khanh cho ba vị thống soái : Khước Khắc, Sĩ Loan và Loan Thư, (ban tặng lễ phục đại phu cho Tư Mã (đại phu chủ quản giáp binh), Tư Không (đại phu chủ quản dinh lũy), Dã Soái (đại phu chủ quản binh xa), Hầu Chính (đại phu chủ quản việc tuần tra canh gác), Á Lữ (không chuyên trách, có nhiệm vụ chi viện cho bất kỳ yêu cầu nào về mặt quân sự).

Quân đội nước Tấn về nước. Thượng quân tả Sĩ Loan tiến vào thành sau cùng. Sĩ Huệ, bố của Sĩ Loan nói : “Lê nào con không biết rằng cha mong con sớm trở về hay sao ?” Sĩ Loan đáp

rằng : “Quân đội đánh thắng trận trở về nước, người trong nước nhất định sẽ rất phấn khởi đón chào quân đội凯旋 hoàn. Những người vào thành trước tiên tất sẽ làm cho người ta để ý. Làm như vậy là nhận công cao thay cho thống soái ! Do đó con không dám”. Sĩ Huệ nói : “Giờ đây cha mới biết hành vi khiếm tốn của con, có thể làm cho gia đình ta khỏi tai họa”.

Khước Khắc triều kiến Tấn Cảnh Công. Cảnh Công hỏi rằng : “Lần thắng lợi này là do sức mạnh của thần phải không !” Khước Khắc đáp rằng : “Đây là sự dạy bảo của chúa công và sức mạnh của các đại phu. Ngu thần làm gì có sức mạnh ?” Sĩ Loan vào triều kiến Cảnh Công. Cảnh Công cũng hỏi Sĩ Loan như vậy. Sĩ Loan đáp rằng : “Chẳng qua thần chỉ nghe theo sự dặn dò của Tuần Canh, phục tùng tiết chế của Khước Khắc mà thôi, ngu thần đâu có làm nên công trạng gì !” Loan Thư triều kiến Cảnh Công, Cảnh Công cũng hỏi ông ta nội dung như vậy. Loan Thư đáp rằng : “Nhờ có sự chỉ huy của Sĩ Loan và sự tuân theo mệnh lệnh của quân sĩ, thần đâu có công hiến gì ?”.

## NƯỚC SỞ TIẾN TUẦN ĐIÊU CỦA NƯỚC TẤN VỀ NƯỚC

*Thành Công tam niên (năm 588 trước công nguyên)*

Nước Tấn đưa Cốc Thần bị bắt trong trận chiến đấu giữa Tấn, Sở tại vùng Tấn và thi thể của Liên Doãn Tương lão về nước để đổi đại thần nước Tấn là Tuần Diêu. Lúc này Tuần Thư làm trung quân tá của nước Tấn. Tuần Thư không những có năng lực mà còn là cha của Tuần Diêu, cho nên nước Sở đã chấp nhận yêu cầu của nước Tấn.

Sở Cộng Vương lúc tiễn Tuần Diêu về nước nói rằng : “Thần có oán hận ta không ?” Tuần Diêu đáp rằng : “Hai nước chính đốn quân đội, tu sửa vũ khí, thần bất tài không thể gánh vác trách nhiệm của mình, cho nên bại trận bị bắt làm tù binh. Những người cầm đầu quý quốc đã không giết hại thần lấy máu của thần bôi lên chiêng trống, lại thả thần về nước Tấn để chấp nhận sự nguyên rủa. Đó là ân huệ của Người. Hạ thần quả thật không có tài năng, đâu dám oán giận ai ?” Sở Cộng Vương lại nói : “Đã như vậy, thế thì thần có cảm kích ta không ?” Tuần Diêu đáp rằng : “Người và thần đều tính toán cho nước mình tìm cách giải thoát nỗi thống khổ của nhân dân, mỗi người đều kèm chế oán hận và sự bức tức nhất thời, thông cảm cho nhau. Hai bên đều phóng thích tù binh để đạt được quan hệ hữu hảo. Hai nước Tấn, Sở cũng có quan hệ tốt đẹp, hạ thần không được tham dự vào việc ấy, thần làm sao có thể cảm kích ai được ?” Sở Cộng

Vương lại nói : “Sau khi nhà ngươi về nước sẽ báo đáp ta như thế nào ?” Tuần Diêu đáp rằng : “Thần không có gì để hận chúa công, chúa công cũng không có gì đáng cho thần cảm kích. Đã không oán hận cũng chẳng ân nghĩa, không biết nên đền đáp cái gì ?” Sở Cộng Vương nói : “Tuy như vậy, cũng phải nói cho ta biết sẽ báo đáp ta như thế nào ?” Tuần Diêu đáp rằng : “Nhờ phúc của chúa công, kẻ tù binh như thần mới có thể đem tấm thân này về nước. Quốc quân của thần giết chết thần. Thần chết như thế sẽ là bất tử. Nếu như, nhờ phúc của chúa công mà quốc quân của thần không giết thần mà đem thân ban cho Tuần Thủ là đại phu nước thần, Tuần Thủ sẽ khẩn cầu quốc quân, đem giết thần tại tông miếu, thì thần cũng chết một cách xứng đáng, chết một cách vinh quang. Nếu như chúa công của thần không cho phép cha thần làm như vậy mà để cho thần được tiếp tục kế thừa chức vị của tổ tông, theo đúng tư cách gánh vác chức vụ quân sự và cầm quân bảo vệ biên cương, tuy rằng gặp chúa công thần không cũng dám trốn tránh. Thần sẽ dốc hết sức mạnh của thần, cống hiến sinh mạng của thần mà không có suy nghĩ nào khác để hoàn thành nghĩa vụ mà một thần dân phải làm. Trung với quốc quân nước Tấn cũng tức là trung với quốc quân nước Sở. Thần sẽ dùng cách làm đó để báo đáp chúa công”. Nghe xong Sở Cộng Vương nói : “Không thể nào tranh nhau với nước Tấn”, rồi long trọng cử hành lễ tiễn Tuần Diêu về nước.